



**TÀI LIỆU DÀNH CHO
CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ GIÁO VIÊN
PISA VÀ CÁC DẠNG CÂU HỎI DO OECD PHÁT HÀNH**

VIỆT NAM

Việt Nam, 2022

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

PISA VÀ CÁC DẠNG CÂU HỎI
DO OECD PHÁT HÀNH CÔNG CỘNG
(Lưu hành nội bộ)

Đơn vị thực hiện:

Trung tâm Đánh giá chất lượng giáo dục (CEQE),
Cục Quản lý chất lượng

Việt Nam, 2022

LỜI GIỚI THIỆU VÀ CẢM ƠN

Ngày 22/10/2009, Phó thủ tướng, Bộ trưởng Nguyễn Thiện Nhân đã gửi ông Angel Gurría, Tổng Thư ký Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) thư đề nghị Việt Nam tham gia Chương trình Đánh giá học sinh quốc tế (PISA) chu kỳ 2012. Ngày 11/11/2009, OECD có thư trả lời chính thức gửi Phó thủ tướng, Bộ trưởng Nguyễn Thiện Nhân, đồng ý Việt Nam tham gia PISA. Đến nay, Việt Nam đã hoàn thành tốt chu kỳ PISA 2012 (2010-2012), chu kỳ PISA 2015 (2013-2015), chu kỳ PISA 2018 (2016-2018) và đang tiếp tục triển khai PISA chu kỳ 2022¹ (2019-2022).

Được Lãnh đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) giao, Cục Quản lý chất lượng (QLCL) là đơn vị chủ trì, Trung tâm Đánh giá chất lượng giáo dục trực thuộc Cục QLCL là đơn vị tổ chức triển khai thực hiện PISA. Các đơn vị phối hợp là: Vụ Giáo dục Trung học, Vụ Giáo dục thường xuyên, Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục, Cục Công nghệ thông tin, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, Học viện Quản lý giáo dục, các Sở GDĐT cùng các cơ sở giáo dục tham gia khảo sát chính thức PISA chu kỳ 2022. Cuốn sách này biên soạn nhằm cung cấp cho các nhà quản lý giáo dục, giáo viên và học sinh Việt Nam tổng quan về cách đánh giá của PISA, kết quả PISA qua các chu kỳ của Việt Nam, các dạng câu hỏi thi PISA tiêu biểu được OECD phát hành công cộng để giáo viên, học sinh Việt Nam và học sinh các nước trên thế giới có thể đọc, làm quen, tạo sự bình đẳng với các học sinh trên thế giới, để chuẩn bị tâm thế tự tin khi bước vào kỳ đánh giá PISA.

Cấu trúc của quyển sách này gồm 02 phần:

- Phần 1: Giới thiệu tổng quan về PISA và PISA Việt Nam;
- Phần 2: Giới thiệu một số dạng bài thi do OECD phát hành công cộng.

Cuốn tài liệu được thực hiện dưới sự chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ, Lãnh đạo Cục QLCL; sự tham gia của cán bộ Trung tâm Đánh giá chất lượng giáo dục và sự đóng góp công sức của nhiều nhà khoa học, nhà quản lý, đội ngũ chuyên gia dịch thuật, các nhà chuyên môn lĩnh vực Toán học, Khoa học, Đọc hiểu, các nhà quản lý giáo dục của Bộ GDĐT, Sở GDĐT, các thầy cô giáo...

¹ OECD đã lùi thời gian khảo sát chính thức PISA chu kỳ 2021 từ năm 2021 sang năm 2022, do đó PISA chu kỳ 2021 được đổi thành PISA chu kỳ 2022

Thay mặt Trung tâm Đánh giá chất lượng giáo dục, trân trọng cảm ơn Lãnh đạo Bộ GDĐT, Lãnh đạo Cục QLCL, Ban Quản lý Chương trình phát triển giáo dục trung học giai đoạn 2 cùng toàn thể các chuyên gia, các cán bộ quản lý giáo dục và các thầy cô giáo đã dành tâm huyết xây dựng cuốn tài liệu này.

Cuốn tài liệu này có thể còn một số sơ sót, rất mong các thầy cô và các em học sinh đọc, phát hiện lỗi và báo lại cho chúng tôi để tiếp tục hoàn thiện cho lần tái bản sau.

Mọi ý kiến góp ý xin gửi về:

Trung tâm Đánh giá chất lượng giáo dục, Cục QLCL, Bộ GDĐT

1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên, Trung tâm ĐGCLGD

Số điện thoại: + 0243 623 1709 / + 097 420 9799

2. Bà Trần Thị Hương Trang, Trung tâm ĐGCLGD

Số điện thoại: + 0243 623 1709/ + 0973 491 754

Địa chỉ: Phòng 104, tòa nhà C, Bộ GDĐT, số 35 Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Email: pisavietnam@moet.gov.vn.

Thay mặt nhóm biên soạn

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	3
PHẦN 1. TỔNG QUAN VỀ PISA	1
1. Tổng quan về PISA.....	1
1.1. PISA là gì?	1
1.2. Đặc điểm của PISA	3
1.3. Mục đích tham gia PISA.....	5
2. Tóm tắt thông tin các quốc gia/vùng kinh tế tham gia PISA.....	5
3. Đề thi và mã hóa trong PISA	7
3.1. Đề thi PISA	7
3.2. Mã hóa trong PISA.....	8
4. Kết quả PISA chu kỳ 2012, 2015, 2018 của Việt Nam	9
PHẦN 2. GIỚI THIỆU LĨNH VỰC TOÁN HỌC, KHOA HỌC, ĐỌC HIỂU VÀ MỘT SỐ DẠNG BÀI THI PISA DO OECD PHÁT HÀNH CÔNG CỘNG	11
1. LĨNH VỰC TOÁN HỌC.....	11
1.1. Năng lực Toán học PISA	11
1.2. Các cấp độ năng lực Toán học trong PISA	12
1.3. Các nội dung chủ đề đánh giá năng lực toán học cho học sinh ở độ tuổi 15... ..	12
1.4. Các mức độ (Levels) đánh giá năng lực Toán học trong PISA	14
1.5. Giới thiệu chung về các dạng câu hỏi, bài toán	15
1.6. Giới thiệu những chủ đề toán học PISA điển hình	15
1.7. Một số bài thi lĩnh vực Toán học PISA tham khảo.....	17
Bài 1: Chuyến bay trong không gian	17
Bài 2: Tòa nhà dạng xoắn	18
Bài 3: Ván trượt	20
Bài 4: Cước phí bưu điện.....	22
Bài 5: Nồng độ thuốc.....	23
Bài 6: Di chuyển trên băng chuyền.....	25
Bài 7: Thời gian phản xạ.....	26
Bài 8: Ủng hộ tổng thống.....	27
Bài 9: Đi bộ.....	28

Bài 10: Chiều cao của học sinh.....	29
1.8. Hướng dẫn mã hóa một số bài thi lĩnh vực Toán học	30
Bài 1: Chuyển bay trong không gian	30
Bài 2: Tòa nhà dạng xoắn	31
Bài 3: Ván trượt	33
Bài 4: Cước phí bưu điện.....	34
Bài 5: Nồng độ thuốc	35
Bài 6: Di chuyển trên băng chuyền.....	36
Bài 7: Thời gian phản xạ.....	37
2. LĨNH VỰC KHOA HỌC	39
2.1. Xác định năng lực Khoa học.....	39
2.2. Các vấn đề đánh giá năng lực Khoa học	40
2.3. Các tình huống và ngữ cảnh lĩnh vực Khoa học	41
2.4. Các cấp độ đánh giá năng lực Khoa học	43
2.5. Một số bài thi PISA tham khảo lĩnh vực Khoa học	45
Bài 1. Nhà kính	45
Bài 2. Nhân bản vô tính	47
Bài 3. Sâu răng.....	49
Bài 4. Hút thuốc lá	51
Bài 5. Tập thể dục	53
Bài 6. Siêu âm.....	54
Bài 7. Mưa axit	55
2.6. Hướng dẫn mã hóa một số bài thi lĩnh vực Khoa học	57
Bài 1. Nhà kính	57
Bài 2. Nhân bản vô tính	61
Bài 3. Sâu răng.....	62
3. LĨNH VỰC ĐỌC HIỂU	63
3.1. Định nghĩa về năng lực Đọc hiểu.....	63
3.2. Các đặc điểm chính của năng lực Đọc hiểu	65
3.3. Các yếu tố ảnh hưởng tới độ khó của câu hỏi.....	69
3.4. Các mức độ (Levels) đánh giá năng lực Đọc hiểu trong PISA:.....	69

3.5. Các bài thi tham khảo lĩnh vực Đọc hiểu.....	73
Bài 1. Bảo hành.....	73
Bài 2. Bắt nạt bạn bè.....	76
Bài 3. Bệnh cúm.....	78
Bài 4. Cảnh sát.....	81
Bài 5. Graffiti.....	83
Bài 6. Hồ Chad.....	85
Bài 7. Khẩu vị nghèo nàn.....	87
Bài 8. Lao động.....	88
Bài 9. Moreland.....	91
Bài 10. Quy định mới.....	92
Bài 11. Vận động.....	94
Bài 12. Vị quan tòa công tâm.....	96
3.6. Hướng dẫn mã hóa một số bài thi lĩnh vực Đọc hiểu.....	100
Bài 1. Bảo hành.....	100
Bài 2. Bắt nạt bạn bè.....	102
Bài 3. Bệnh cúm.....	103
Bài 4. Cảnh sát.....	107
Bài 5. Graffiti.....	108

PHẦN 1. TỔNG QUAN VỀ PISA

1. Tổng quan về PISA

1.1. PISA là gì?

Chương trình đánh giá học sinh quốc tế (The Programme for International Student Assessment) - PISA được xây dựng và điều phối bởi tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) vào cuối thập niên 90 và hiện vẫn diễn ra đều đặn. Khảo sát PISA được thiết kế nhằm đưa ra đánh giá có chất lượng và đáng tin cậy về hiệu quả của hệ thống giáo dục. PISA cũng hướng đến thu thập thông tin cơ bản về ngữ cảnh dẫn đến những hệ quả giáo dục trên. Càng ngày PISA càng thu hút được sự quan tâm và tham gia của nhiều nước trên thế giới. Do đó, PISA không chỉ đơn thuần là một chương trình nghiên cứu đánh giá chất lượng giáo dục của OECD mà trở thành xu hướng đánh giá quốc tế, tư tưởng đánh giá của PISA trở thành tư tưởng đánh giá học sinh trên toàn thế giới. Các nước muốn biết chất lượng giáo dục của quốc gia mình như thế nào, đứng ở đâu trên thế giới này đều đăng ký tham gia PISA.

Khảo sát PISA đánh giá học sinh ở độ tuổi 15 (15 năm 3 tháng đến 16 năm 2 tháng), thấp nhất từ lớp 7 trở lên, độ tuổi được xem là kết thúc chương trình giáo dục bắt buộc ở hầu hết các quốc gia. Đây là một cuộc khảo sát theo độ tuổi chứ không theo cấp bậc hoặc lớp học. Mục đích của cuộc khảo sát là nhằm đánh giá xem học sinh đã được chuẩn bị để đối mặt với những thách thức của cuộc sống xã hội hiện đại ở mức độ nào trước khi bước vào cuộc sống.

PISA được tiến hành dưới sự phối hợp quản lý của các nước thành viên OECD, cùng với đó là sự hợp tác ngày càng nhiều của các nước không thuộc OECD, được gọi là “các nước đối tác”. Tổ chức OECD giám sát chương trình thông qua ban điều hành PISA (PGB) và quản lý chương trình thông qua cơ quan thư kí đặt trụ sở tại Pari. Trong mỗi kì PISA, OECD lại chọn ra một nhà thầu quốc tế, quá trình chọn lựa này mang tính cạnh tranh và được diễn ra công khai.

Khảo sát PISA được tổ chức 3 năm một lần ở ba lĩnh vực chính là Toán học, Khoa học và Đọc hiểu. Mặc dù mỗi kì đều kiểm tra kiến thức thuộc ba lĩnh vực chính, nhưng lĩnh vực trọng tâm sẽ được lựa chọn quay vòng, để từ đó các dữ liệu chi tiết được cập nhật liên tục theo chu kỳ đối với mỗi lĩnh vực, và được so sánh đánh giá chuyên sâu sau 9 năm một lần. Đến chu kỳ 2006, PISA đánh giá thêm kỹ năng giải

quyết vấn đề. Đến chu kỳ PISA 2009, PISA đánh giá thêm một số năng lực mới là: Năng lực tài chính. Đến chu kỳ 2012, PISA đánh giá thêm Năng lực sử dụng máy tính. Đến chu kỳ 2018, PISA đánh giá thêm Năng lực Công dân toàn cầu (Bảng 1.1).

Bảng 1.1 Các lĩnh vực được đánh giá qua các chu kỳ PISA

Chu kỳ 2000	Chu kỳ 2003	Chu kỳ 2006	Chu kỳ 2009	Chu kỳ 2012	Chu kỳ 2015	Chu kỳ 2018	Chu kỳ 2022
Toán học Khoa học Đọc hiểu	Toán học Khoa học Đọc hiểu	Toán học Khoa học Đọc hiểu	Toán học Khoa học Đọc hiểu	Toán học Khoa học Đọc hiểu	Toán học Khoa học Đọc hiểu	Toán học Khoa học Đọc hiểu	Toán học Khoa học Đọc hiểu
		+ Kỹ năng giải quyết vấn đề	+ Kỹ năng giải quyết vấn đề + Năng lực tài chính	+ Kỹ năng giải quyết vấn đề + Năng lực tài chính + Năng lực sử dụng máy tính	+ Kỹ năng giải quyết vấn đề + Năng lực tài chính + Năng lực sử dụng máy tính	+ Kỹ năng giải quyết vấn đề + Năng lực tài chính + Năng lực sử dụng máy tính + Năng lực Công dân toàn cầu	+ Kỹ năng giải quyết vấn đề + Năng lực tài chính + Năng lực sử dụng máy tính + Năng lực Công dân toàn cầu

Lĩnh vực in đậm là lĩnh vực trọng tâm của mỗi chu kỳ

PISA không kiểm tra kiến thức học sinh được dạy tại trường học mà đưa ra cái nhìn tổng quan về khả năng thực tế phổ thông của học sinh. Bài thi chú trọng khả năng học sinh vận dụng kiến thức và kỹ năng của mình khi đối mặt với nhiều tình huống và những thử thách liên quan đến các kiến thức kỹ năng đó. Nói cách khác, PISA đánh giá khả năng học sinh vận dụng kiến thức và kỹ năng đọc để hiểu nhiều tài liệu khác nhau mà họ có khả năng sẽ gặp trong cuộc sống hàng ngày; khả năng vận dụng kiến thức Toán học vào các tình huống liên quan đến toán học; khả năng vận dụng kiến thức khoa học để hiểu và giải quyết các tình huống khoa học. Cấu trúc bài thi PISA được thiết kế theo khung đánh giá của OECD, xác định rõ phạm vi kiến thức, các kỹ năng liên quan đến từng lĩnh vực và đưa ra những câu hỏi mẫu để hướng dẫn các nước xây dựng câu hỏi đóng góp cho OECD.

1.2. Đặc điểm của PISA

a) Quy mô của PISA rất lớn và có tính toàn cầu. Qua 6 kỳ khảo sát đánh giá, ngoài các nước thuộc khối OECD còn có rất nhiều quốc gia là đối tác của khối OECD đăng ký tham gia.

b) PISA được thực hiện đều đặn theo chu kỳ (3 năm 1 lần) tạo điều kiện cho các quốc gia có thể theo dõi sự tiến bộ của nền giáo dục đối với việc phấn đấu đạt được các mục tiêu giáo dục cơ bản.

c) Cho tới nay PISA là cuộc khảo sát giáo dục duy nhất chuyên đánh giá về năng lực phổ thông của học sinh ở tuổi 15, độ tuổi kết thúc giáo dục bắt buộc ở hầu hết các quốc gia.

d) PISA chú trọng xem xét và đánh giá một số vấn đề sau:

- *Chính sách công (public policy)*: Các chính phủ, các nhà trường, giáo viên và phụ huynh đều muốn có câu trả lời cho tất cả các câu hỏi như "Nhà trường của chúng ta đã chuẩn bị đầy đủ cho những người trẻ tuổi trước những thách thức của cuộc sống của người trưởng thành chưa?", "Phải chăng một số loại hình giảng dạy và học tập của những nơi này hiệu quả hơn những nơi khác?" và "Nhà trường có thể góp phần cải thiện tương lai của học sinh có gốc nhập cư hay có hoàn cảnh khó khăn không?"...

- *Năng lực phổ thông (literacy)*: Thay vì kiểm tra sự thuộc bài theo các chương trình giáo dục cụ thể, PISA chú trọng việc xem xét đánh giá về các năng lực của học sinh trong việc ứng dụng các kiến thức và kỹ năng phổ thông cơ bản vào các tình huống thực tiễn. Ngoài ra còn xem xét đánh giá khả năng phân tích, lí giải và truyền đạt một cách có hiệu quả các kiến thức và kỹ năng đó thông qua cách học sinh xem xét, diễn giải và giải quyết các vấn đề.

- *Học tập suốt đời (lifelong learning)*: Học sinh không thể học tất cả mọi thứ cần biết trong nhà trường. Để trở thành những người có thể học tập suốt đời có hiệu quả, ngoài việc thanh niên phải có những kiến thức và kỹ năng phổ thông cơ bản họ còn phải có cả ý thức về động cơ học tập và cách học. Do vậy PISA sẽ tiến hành đo cả năng lực thực hiện của học sinh về các lĩnh vực Đọc hiểu, Toán học và Khoa học, đồng thời còn tìm hiểu cả về động cơ, niềm tin vào bản thân cũng như các chiến lược học tập hỏi học sinh.

Một năm trước khi cuộc khảo sát diễn ra, tài liệu và các thủ tục tiến hành được thử nghiệm trên tất cả các nước áp dụng PISA.

Thủ tục chọn mẫu cho kỳ khảo sát chính thức được thực hiện qua hai bước. Đầu

tiên là chọn ngẫu nhiên mẫu trường, sau đó học sinh sẽ được chọn ngẫu nhiên từ các trường đó sao cho phù hợp với các tiêu chuẩn về đối tượng thi PISA. Cỡ mẫu của mỗi nước thường là 5,250 học sinh đến từ 150 trường. Tuy nhiên, kích cỡ mẫu của kỳ khảo sát PISA 2022 đã tăng lên gần 6.400 học sinh từ hơn 180 trường nhằm tổ chức tốt đánh giá lĩnh vực Hợp tác giải quyết vấn đề. Nhờ đó, ước lượng đánh giá thu từ các dữ liệu được đảm bảo đủ chi tiết để đưa ra kết luận khái quát về năng lực của học sinh tại thông qua mẫu đã chọn.

Tất cả các nước tham gia khảo sát đều sử dụng một bộ công cụ đánh giá học sinh chung. Các công cụ chính để khảo sát gồm có các bộ đề khảo sát (Test), phiếu hỏi học sinh và phiếu hỏi nhà trường (questionnaires). Sau khi được dịch và thích ứng cho phù hợp với văn hóa từng nước, các tài liệu được thẩm định kỹ lưỡng; tất cả những thủ tục liên quan đến cuộc khảo sát đều được tiêu chuẩn hóa và giám sát nghiêm ngặt ở mỗi quốc gia. Hai điều kiện trên góp phần đảm bảo kết quả khảo sát mang tính xác thực và có giá trị trong việc so sánh giáo dục phổ thông giữa các nước cũng như giữa các khu vực trong cùng một nước.

Dữ liệu PISA được định mức theo lý thuyết ứng đáp câu hỏi (item response theory - IRT, cụ thể là theo mô hình Rasch). Chính điều này đã cho phép nhiều dạng câu hỏi được áp dụng trong bài khảo sát PISA, và so sánh giữa các nước thành viên tham gia và báo cáo về xu hướng phát triển của dữ liệu (so sánh các kết quả của khảo sát).

Trong quá trình tiến hành cuộc khảo sát, các dữ liệu phải qua quá trình kiểm tra và hợp thức hóa nghiêm ngặt. Các trung tâm quốc gia đều phải tham gia phê duyệt và kết hợp với Liên doanh nhà thầu quốc tế để xử lý dữ liệu.

OECD sẽ xuất bản bản báo cáo quốc tế ban đầu về kết quả cuộc khảo sát vào tháng 12 năm sau của năm tổ chức Khảo sát chính thức. Cơ sở dữ liệu cũng được công bố cùng bản báo cáo và ngay sau đó là bản báo cáo kỹ thuật. OECD cũng sẽ xuất bản tài liệu hướng dẫn nhằm giúp các nước hiểu và phân tích dữ liệu. Sau bản báo cáo ban đầu, bản báo cáo chuyên môn sẽ được công bố, trong đó đưa ra hướng giải quyết chi tiết cho từng chủ điểm cụ thể. Hội đồng quản trị PISA xét duyệt nội dung trọng tâm của những bản báo cáo chuyên ngành đó.

Mọi ấn phẩm và cơ sở dữ liệu quốc tế của OECD đều có trên website OECD PISA: www.pisa.oecd.org.

1.3. Mục đích tham gia PISA

a) Mục đích chung của PISA

Mục tiêu tổng quát của chương trình PISA nhằm kiểm tra xem, khi đến độ tuổi kết thúc giai đoạn giáo dục bắt buộc, học sinh đã được chuẩn bị để đáp ứng các thách thức của cuộc sống sau này ở mức độ nào. Ngoài ra chương trình đánh giá, PISA còn hướng vào các mục đích cụ thể sau:

- Xem xét đánh giá các mức độ năng lực đạt được ở các lĩnh vực Đọc hiểu, Toán học, Khoa học của học sinh ở độ tuổi 15;
- Nghiên cứu ảnh hưởng của các chính sách đến kết quả học tập của học sinh;
- Nghiên cứu hệ thống các điều kiện giảng dạy - học tập có ảnh hưởng đến kết quả học tập của học sinh;
- So sánh kết quả giáo dục của các nước tham gia PISA;
- Xây dựng hệ thống dữ liệu quốc gia và quốc tế;
- Tham gia PISA là tham gia lâu dài, do đó, các quốc gia có thể thấy được sự phát triển giáo dục của quốc gia mình qua các chu kỳ đánh giá.

b) Mục đích của Việt Nam tham gia PISA

- Tích cực hội nhập quốc tế về giáo dục; so sánh "mặt bằng" giáo dục quốc gia với giáo dục quốc tế;
- Được OECD đưa ra kết quả phân tích và đánh giá về chính sách giáo dục quốc gia và đề xuất những thay đổi về chính sách giáo dục quốc gia;
- Góp phần đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; học tập quốc tế về đánh giá chất lượng giáo dục, nhất là đổi mới về kĩ thuật và phương pháp đánh giá. Đưa ra cách tiếp cận mới về dạy - học, kiểm tra, thi và đánh giá.
- Sau 2018, Việt Nam sử dụng chương trình và sách giáo khoa mới dạy học theo hướng phát triển năng lực của học sinh, điều này càng cần thiết khi tham gia PISA chu kỳ 2022 và các chu kỳ tiếp theo để đánh giá năng lực người học một cách bài bản, khoa học, sử dụng PISA để soi lại cách dạy và học của Việt Nam xem đã thực sự đáp ứng được yêu cầu đổi mới và hội nhập quốc tế về giáo dục.

2. Tóm tắt thông tin các quốc gia/vùng kinh tế tham gia PISA

PISA được chuẩn bị từ những năm 1997 cho chu kỳ đầu tiên 2000. Tất cả các nước thành viên OECD tham gia và một số quốc gia đối tác khác.

Đợt đánh giá PISA chu kỳ 2000 có 43 quốc gia/vùng kinh tế tham gia, chu kỳ

2003 có 41 quốc gia/vùng kinh tế, chu kỳ 2006 có 57 quốc gia/vùng kinh tế, chu kỳ 2009 có 67 quốc gia/vùng kinh tế, chu kỳ 2012 và chu kỳ 2015 có khoảng 70 quốc gia/vùng kinh tế, chu kỳ 2018 và chu kỳ 2022 có hơn 80 quốc gia/vùng kinh tế tham dự. Dân số các quốc gia và vùng kinh tế tham gia PISA chiếm khoảng 90% dân số thế giới.

Hiện nay các quốc gia đang tích cực triển khai PISA chu kỳ 2022. Danh sách các quốc gia thể hiện trong Bảng 1.2.

Bảng 1.2. Các quốc gia/vùng kinh tế tham gia PISA chu kỳ 2022

1. Albania*	2. Hong Kong (China)*	3. Palestinian Authority*
4. Argentina*	5. Hungary	6. Panama*
7. Australia	8. Iceland	9. Paraguay*
10. Austria	11. Indonesia*	12. Peru*
13. Azerbaijan*	14. Ireland	15. Philippines*
16. Belgium	17. Israel ⁵	18. Poland
19. Brazil (Associate)	20. Italy	21. Portugal
22. Brunei Darussalam*	23. Jamaica*	24. Qatar*
25. Bulgaria*	26. Japan	27. Romania*
28. Cambodia*	29. Jordan*	30. Saudi Arabia*
31. Canada	32. Kazakhstan*	33. Serbia*
34. Chile ¹	35. Korea	36. Singapore*
37. China*	38. Kosovo*	39. Slovak Republic
40. Chinese Taipei*	41. Latvia	42. Slovenia ⁸
43. Colombia	44. Lebanon*	45. Spain
46. Costa Rica	47. Lithuania	48. Sweden
49. Croatia*	50. Macao (China)*	51. Switzerland
52. Czech Republic	53. Malaysia*	54. Thailand (Associate)
55. Denmark	56. Malta*	57. Turkey
58. Dominican Republic*	59. Mexico	60. Ukraine*
61. El Salvador*	62. Moldova*	63. United Arab Emirates*
64. Estonia ⁴	65. Mongolia*	66. United Kingdom
67. Finland	68. Montenegro*	69. United States

70. France	71. Morocco*	72. Uruguay*
73. Georgia*	74. Netherlands	75. Uzbekistan*
76. Germany	77. New Zealand	78. Viet Nam*
79. Greece	80. North Macedonia*	
81. Guatemala*	82. Norway	

Các quốc gia/vùng kinh tế không thuộc OECD được đánh dấu bằng ().*

3. Đề thi và mã hóa trong PISA

3.1. Đề thi PISA

PISA kỳ thi đầu tiên là năm 2000, bài thi thực hiện trên giấy đánh giá 3 lĩnh vực Đọc hiểu, Toán học và Khoa học.

Đến năm 2006, PISA có thêm bài thi đánh giá trên máy tính, ngoài 3 lĩnh vực trên có thêm đánh giá kỹ năng giải quyết vấn đề. Mỗi chu kỳ lại có thêm một vài lĩnh vực mới được phát triển. Đến chu kỳ PISA 2022: bài thi trên máy tính đánh giá các lĩnh vực: Toán học, Khoa học, Đọc hiểu, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tài chính, năng lực sử dụng máy tính và năng lực công dân toàn cầu. Riêng lĩnh vực Toán học, lĩnh vực trọng tâm của kỳ thi PISA 2022, bài thi trên máy tính có nhiều câu hỏi mới hiện đại hơn các câu hỏi thi trên giấy.

Trong phần này, chúng ta nghiên cứu về 3 lĩnh vực đánh giá trên giấy mà học sinh Việt Nam sẽ tham gia. Các khung đánh giá năng lực Toán học, Khoa học, Đọc hiểu của PISA 2022 đã có thay đổi, phát triển ở tầm cao hơn so với khung đánh giá các lĩnh vực này so với các chu kỳ trước.

Cuốn đề thi PISA (Booklet) bao gồm nhiều bài tập (Unit), mỗi bài tập gồm một hoặc một số câu hỏi (Items). Trung bình mỗi Cuốn đề thi có khoảng 50-60 câu hỏi. Tổng số bài tập trong toàn bộ đề thi PISA sẽ được chia ra thành các đề thi khác nhau để đảm bảo các học sinh ngồi gần nhau không làm cùng một đề và không thể trao đổi hoặc nhìn bài nhau trong quá trình thi. Mỗi đề thi sẽ đánh giá một số nhóm năng lực nào đó của một lĩnh vực nào đó và được đóng thành "Cuốn đề thi PISA" để phát cho học sinh. Thời gian để học sinh làm một Cuốn đề thi là 120 phút. Học sinh phải dùng bút chì để làm trực tiếp vào "Cuốn đề thi PISA" (học sinh sử dụng các đồ dùng được cung cấp như bút chì, tẩy và máy tính cầm tay học sinh mang theo).

Kĩ thuật thiết kế đề thi cho phép mỗi đề thi sẽ có đủ số học sinh tham gia làm đề

thi đó nhằm mục đích đảm bảo giá trị khi thực hiện thống kê phân tích kết quả.

Các kiểu câu hỏi được sử dụng trong các bài tập

- Câu hỏi mở đòi hỏi trả lời ngắn (*Short response question*);
- Câu hỏi mở đòi hỏi trả lời dài (khi chấm sẽ phải tách ra từng phần để cho điểm) (*Open - constructed response question*);
- Câu hỏi đóng đòi hỏi trả lời (dựa trên những trả lời có sẵn) (*Close - constructed response question*);
- Câu hỏi trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn (*Multiple choice*);
- Câu hỏi Có - Không, Đúng - Sai phức hợp (*Yes - No; True - False*).

Chu kỳ 2022, Việt Nam tiếp tục đăng ký tham gia thi trên giấy, các bộ công cụ đánh giá Việt Nam đăng ý tham gia là: Bài thi trên giấy, Phiếu hỏi Học sinh và Phiếu hỏi Nhà trường (Hiệu trưởng trả lời).

3.2. Mã hóa trong PISA

PISA sử dụng thuật ngữ coding (mã hóa), không sử dụng khái niệm chấm bài vì mỗi một mã của câu trả lời được quy ra điểm đánh giá năng lực tùy theo câu hỏi, hơn nữa, khái niệm “mã hoá” được hiểu là các giáo viên cùng sử dụng các mã cho câu trả lời của học sinh sẽ khách quan hơn khái niệm “chấm bài”, vì chấm bài có nghĩa là “cho điểm”, mang tính chủ quan của người chấm.

Các câu trả lời đối với các câu hỏi nhiều lựa chọn hoặc câu trả lời của một số câu hỏi trả lời ngắn được xây dựng trước sẽ được nhập trực tiếp vào phần mềm nhập dữ liệu.

Các câu trả lời còn lại sẽ được mã hóa bởi các chuyên gia. Tài liệu Hướng dẫn mã hóa sẽ đưa ra các chỉ dẫn và cách thức để giúp cho các chuyên gia mã hóa được toàn bộ các câu hỏi được yêu cầu. Sau khi mã hóa xong, sẽ được nhập vào phần mềm; OECD nhận dữ liệu và chuyển đổi thành điểm cho mỗi học sinh.

Nhiều quốc gia sẽ tiến hành mã hóa theo quy trình mã hóa bài thi trên giấy. Trong khi một số quốc gia sử dụng hệ thống mã hóa trực tuyến của PISA. Các cán bộ mã hóa nếu sử dụng hệ thống mã hóa trực tuyến sẽ xem câu trả lời của học sinh ở dạng điện tử và nhập mã trực tiếp vào hệ thống trực tuyến. Dữ liệu được mã hóa bởi chuyên gia sau đó sẽ được phân tích và xử lý ngay một cách tự động. Với các thao tác mã hóa trực tuyến, phần lời dẫn và nhiệm vụ sẽ được truy cập thông qua màn hình quan sát trong ứng dụng mã hóa.

Mã của các câu hỏi thường là 0, 1, 2, 9 hoặc 0, 1, 9 tùy theo từng câu hỏi. Các mã thể hiện mức độ trả lời bao gồm: mức đạt được tối đa cho mỗi câu hỏi và được quy ước gọi là “Mức tối đa”, mức “Không đạt” mô tả các câu trả lời không được chấp nhận và bỏ trống không trả lời. Một số câu hỏi có thêm “Mức chưa tối đa” cho những câu trả lời thỏa mãn một phần nào đó. Cụ thể:

- Mức tối đa (Mức đầy đủ): Mức cao nhất (mã 1 trong câu có mã 0, 1, 9 hoặc mã 2 trong câu có mã 0, 1, 2, 9).

- Mức chưa tối đa (Mức không đầy đủ) (mã 1 trong câu có mã 0, 1, 2, 9).

- Không đạt: Mã 0, mã 9. Mã 0 khi học sinh trả lời nhưng chưa chính xác hoặc chưa đầy đủ theo yêu cầu. Mã 9 là học sinh bỏ giấy trắng không trả lời.

Có trường hợp câu hỏi được mã hóa theo các mức 00, 01, 11, 12, 21, 22, 99. Trong trường hợp này, “Mức tối đa” là 21, 22; “Mức chưa tối đa” là 11, 12 và mức “Không đạt” là 00, 01, 99.

Với cách mã hóa của PISA, để đạt được mã tối đa có thể rất khó nếu HS không hiểu được yêu cầu của câu hỏi, câu trả lời đưa ra không đúng với trọng tâm. Tuy nhiên HS vẫn có thể đạt được mã tối đa nếu câu trả lời của các em ngắn gọn, đủ ý, chính xác. Câu hỏi có thể chỉ yêu cầu HS xác định các thông tin, yêu cầu HS giải thích hoặc lý giải, các em cần đọc kỹ câu hỏi và suy nghĩ nhiều chiều để có thể trả lời đúng và tốt.

4. Kết quả PISA chu kỳ 2012, 2015, 2018 của Việt Nam

Phần này trình bày kết quả PISA chu kỳ 2012, 2015, 2018 của học sinh Việt Nam đạt được ở ba lĩnh vực Khoa học, Toán học và Đọc hiểu; so sánh với kết quả trung bình của học sinh các nước OECD.

Kết quả trung bình của học sinh Việt Nam và các nước tham gia PISA ở các lĩnh vực Khoa học, Toán học, Đọc hiểu tính theo điểm trung bình 500, độ lệch chuẩn 100.

Bảng 1.3 trình bày kết quả trung bình của học sinh Việt Nam ở 3 lĩnh vực Khoa học, Toán học, Đọc hiểu và kết quả trung bình của học sinh các nước OECD tham gia PISA 2012, 2015, 2018.

Bảng 1.3. Kết quả Toán học, Khoa học, Đọc hiểu PISA chu kỳ 2012, 2015, 2018

Lĩnh vực	Quốc gia/ Vùng	2012		2015		2018	
		TB	Xếp hạng	TB	Xếp hạng	TB	Xếp hạng
Toán học	OECD	494		490		489	
	Việt Nam	511	17/65	495	22/70	496	24/79
Khoa học	OECD	501		493		489	
	Việt Nam	528	8/65	525	8/70	543	4/79
Đọc hiểu	OECD	496		493		487	
	Việt Nam	508	19/65	487	32/70	505	13/79

Phần in đậm là kết quả lĩnh vực trọng tâm của Việt Nam qua các chu kỳ.

PHẦN 2. GIỚI THIỆU LĨNH VỰC TOÁN HỌC, KHOA HỌC, ĐỌC HIỂU VÀ MỘT SỐ DẠNG BÀI THI PISA DO OECD PHÁT HÀNH CÔNG CỘNG

1. LĨNH VỰC TOÁN HỌC

Phần này trình bày 3 vấn đề sau: Giới thiệu chung về các dạng câu hỏi, bài toán; Giới thiệu những dạng câu hỏi, bài toán PISA điển hình; Các bài thi PISA do OECD phát hành công cộng.

1.1. Năng lực Toán học PISA

Năng lực Toán học được định nghĩa như sau: “*Năng lực toán học là khả năng của cá nhân biết lập công thức (formulate), vận dụng (employ) và giải thích (explain) toán học trong nhiều ngữ cảnh. Nó bao gồm suy luận toán học và sử dụng các khái niệm, phương pháp, sự việc và công cụ để mô tả, giải thích và dự đoán các hiện tượng. Nó giúp cho con người nhận ra vai trò của toán học trên thế giới và đưa ra phán đoán và quyết định của công dân biết góp ý, tham gia và suy ngẫm*”.

Đánh giá năng lực Toán học phổ thông trong PISA:

- **Năng lực phổ thông** (literacy) là khái niệm quan trọng xác định nội dung đánh giá của PISA, xuất phát từ sự quan tâm tới những điều mà học sinh sau giai đoạn giáo dục cơ bản cần biết và có khả năng thực hiện được những điều cần thiết, chuẩn bị cho cuộc sống trong xã hội hiện đại.

- **Năng lực Toán học phổ thông** (Mathematical literacy) là khả năng nhận biết ý nghĩa, vai trò của kiến thức toán học trong cuộc sống; vận dụng và phát triển tư duy toán học để giải quyết các vấn đề của thực tiễn, đáp ứng nhu cầu đời sống hiện tại và tương lai một cách linh hoạt; là khả năng phân tích, suy luận, lập luận, khái quát hóa, trao đổi thông tin hiệu quả thông qua việc đặt ra, hình thành và giải quyết vấn đề toán học trong các tình huống, hoàn cảnh khác nhau, trong đó chú trọng quy trình, kiến thức và hoạt động.

- **Năng lực Toán học phổ thông** không đồng nhất với khả năng tiếp nhận nội dung của chương trình toán trong nhà trường phổ thông truyền thống, mà điều cần nhấn mạnh đó là kiến thức toán học được học, vận dụng và phát triển như thế nào để tăng cường khả năng phân tích, suy luận, lập luận, khái quát hóa và phát hiện được những tri thức toán học ẩn dấu bên trong các tình huống, các sự kiện.

1.2. Các cấp độ năng lực Toán học trong PISA

PISA đề cập đến 3 cấp độ năng lực Toán học phổ thông:

Việc đánh giá theo PISA khác với đánh giá truyền thống, đòi hỏi không chỉ chú ý đến nội dung kiến thức học sinh đã tiếp thu được, mà còn chú trọng đánh giá những năng lực, kỹ năng tiến trình (processes skills) cho học sinh. Vì vậy, khi xây dựng khung đánh giá của PISA đối với Toán học, cần chú ý đến 2 vấn đề:

Bảng 2.1 Các cấp độ năng lực Toán học PISA

Cấp độ của năng lực	Đặc điểm
Cấp độ 1 Ghi nhớ, tái hiện	- Nhớ lại các đối tượng, khái niệm, định nghĩa và tính chất toán học. - Thực hiện được một cách làm quen thuộc. - Áp dụng một thuật toán tiêu chuẩn.
Cấp độ 2 Kết nối, tích hợp	- Kết nối, tích hợp thông tin để giải quyết các vấn đề đơn giản. - Tạo những kết nối trong các cách biểu đạt khác nhau. - Đọc và giải thích được các kí hiệu và ngôn ngữ hình thức (toán học) và hiểu mối quan hệ của chúng với ngôn ngữ tự nhiên.
Cấp độ 3 Khái quát hóa, toán học hóa	- Nhận biết nội dung toán học trong tình huống có vấn đề phải giải quyết. - Vận dụng kiến thức toán học để giải quyết các vấn đề thực tiễn. - Biết phân tích, tổng hợp, suy luận, lập luận, khái quát hóa trong chứng minh toán học.

1.3. Các nội dung chủ đề đánh giá năng lực toán học cho học sinh ở độ tuổi 15

- *Các hàm số (Functions)*: khái niệm về hàm số, nhấn mạnh nhưng không giới hạn về hàm số tuyến tính (linear functions), tính chất, các phần mô tả và phép biểu diễn về chúng. Các phép biểu diễn thường được dùng là lời nói, kí hiệu, bảng và đồ họa.

- *Biểu thức đại số (Algebraic expressions)*: diễn giải bằng lời của và thao tác trên các biểu thức đại số có liên quan tới số, kí hiệu, phép tính số học, lũy thừa và nghiệm đơn.

- *Phương trình và bất đẳng thức (Equations and inequalities)*: phương trình và bất đẳng thức tuyến tính và có liên quan, phương trình căn bậc hai đơn, các phương pháp giải toán theo giải tích và không phân tích.

- *Các hệ tọa độ (Co-ordinate systems)*: các phép biểu diễn và mô tả dữ liệu, vị trí và các mối quan hệ.

- *Những mối quan hệ bên trong và giữa các đối tượng hình học ở hai và ba chiều (Relationships within and among geometrical objects in two and three dimensions)*:

các mối quan hệ tĩnh như các tính liên thông đại số của số liệu (ví dụ: định lý Pitago dùng để xác định mối liên hệ giữa chiều dài các cạnh của tam giác vuông), vị trí tương đối, đồng dạng và đồng dư, các mối quan hệ động liên quan tới các phép biến đổi và chuyển động của đối tượng cũng như tính tương ứng giữa các đối tượng hai và ba chiều.

- *Đo lường (Measurement)*: định lượng về tính năng của và giữa các hình khối và đối tượng, như các phép đo góc, khoảng cách, độ dài, chu vi, chu vi, diện tích và khối lượng.

- *Số và các đơn vị (Numbers and units)*: các khái niệm, phép biểu diễn con số và các hệ thống con số, bao gồm những tính chất về số nguyên và hữu tỉ, số vô tỉ, số lượng và các đơn vị đề cập tới những hiện tượng như thời gian, tiền bạc, trọng - lượng, nhiệt độ, khoảng cách, diện tích, khối lượng, nguồn gốc số lượng và mô tả bằng con số về chúng.

- *Các phép tính số học (Arithmetic operations)*: bản chất và tính chất của các phép tính này và các quy ước có liên quan.

- *Phần trăm, tỷ lệ và tỷ lệ thức (Percents, ratios and proportions)*: mô tả bằng con số về độ lớn tương đối và áp dụng tỷ lệ thức và tư duy theo tỉ lệ để giải đề.

- *Nguyên lý đếm (Counting principles)*: tổ hợp và hoán vị đơn.

- *Ước lượng (Estimation)*: phép xấp xỉ về số lượng theo mục đích và biểu thức số, gồm có cả số và số làm tròn.

- *Thu thập dữ liệu, phép biểu diễn và diễn giải (Data collection, representation and interpretation)*: bản chất, nguồn gốc và tập hợp nhiều dạng dữ liệu, nhiều cách khác nhau để biểu diễn và diễn giải chúng.

- *Dữ liệu biến thiên và mô tả về chúng (Data variability and its description)*: những khái niệm như biến thiên, phân phối và xu hướng tập trung các bộ dữ liệu, những cách mô tả và diễn giải chúng theo điều kiện định lượng.

- *Mẫu và chọn mẫu (Samples and sampling)*: những khái niệm về chọn mẫu và chọn mẫu từ những tập hợp dữ liệu, gồm có suy luận đơn giản dựa trên tính chất của mẫu.

- *Ngẫu nhiên và xác suất (Chance and probability)*: khái niệm về sự kiện ngẫu nhiên, biến thiên ngẫu nhiên và phép biểu diễn cho chúng, biến đổi và xác suất của các sự kiện, những khía cạnh cơ bản của khái niệm xác suất.

1.4. Các mức độ (Levels) đánh giá năng lực Toán học trong PISA

Đánh giá năng lực Toán học trong PISA chia ra 6 mức độ ở bảng sau:

Bảng 2.2 Các mức độ đánh giá năng lực Toán học trong PISA

Mức độ	Điểm tối thiểu	Khả năng thực hiện của học sinh
6	669	Ở mức độ 6, học sinh biết cách khái niệm hóa, khái quát hóa và sử dụng thông tin dựa vào việc các em tìm hiểu và mô phỏng những tình huống phức tạp. Các em biết kết nối nhiều nguồn thông tin, trình bày và diễn giải linh hoạt thông tin. Ở mức độ này, học sinh có khả năng suy nghĩ và suy luận toán học cao cấp. Các em có khả năng áp dụng nhận thức và hiểu biết việc am hiểu các kí hiệu, công thức và mối quan hệ toán học để xây dựng nhiều phương pháp tiếp cận và chiến lược mới trong việc giải quyết nhiều tình huống lạ.
5	607	Ở mức độ 5, học sinh biết phát triển và làm việc với các mô hình tình huống phức tạp, xác định khó khăn và nêu phương án giải quyết. Các em có thể chọn lựa, so sánh và đánh giá các chiến lược phù hợp giải quyết vấn đề để xử lý nhiều vấn đề phức tạp liên quan tới các mô hình này. Ở mức độ này, học sinh biết làm việc có kế hoạch sử dụng suy nghĩ tư duy phát triển và kĩ năng suy luận tốt, trình bày có sự liên kết phù hợp, các đặc điểm biểu trưng và chính thức, có tư duy sâu sắc đối với những tình huống này. Các em biết suy ngẫm về hành động, xây dựng thuyết trình và giải thích lí luận.
4	545	Ở mức độ 4, học sinh biết làm việc hiệu quả với các mô hình cụ thể về những tình huống phức tạp cụ thể có thể liên quan tới khó khăn hạn chế hoặc nêu lên giả định. Các em biết chọn lọc và tích hợp các phần trình bày, gồm có trình bày kí hiệu, liên kết trực tiếp chúng với các khía cạnh trong tình huống thực tế. Ở mức độ này, học sinh biết sử dụng kĩ năng toàn diện và suy luận hợp lí, cùng với tư duy theo bối cảnh. Các em biết xây dựng và giải thích cũng như biện luận dựa vào sự diễn giải, lí luận và hành động của mình.
3	482	Ở mức độ 3, học sinh biết thực hành các phương pháp quy định rõ ràng, gồm có việc yêu cầu quyết định tuân tực. Các em biết chọn lựa và áp dụng nhiều kế hoạch giải quyết tình huống đơn giản. Ở mức độ này, học sinh biết diễn giải và trình bày dựa vào nhiều nguồn thông tin và lí lẽ của chính mình. Các em biết xây dựng các đoạn thông tin ngắn báo cáo phần trình bày, kết quả và lí do.
2	420	Ở mức độ 2, học sinh biết diễn giải và nhận biết tình huống trong bối cảnh mà không cần kết luận trực tiếp. Các em biết trích dẫn thông tin liên quan từ một nguồn thông tin và chỉ sử dụng một cách trình bày. Ở mức độ này, học sinh biết sử dụng các thuật toán cơ bản, công thức, phương pháp, hoặc quy ước. Các em có khả năng biện luận trực tiếp và giải thích ý nghĩa kết quả.
1	358	Ở mức độ 1, học sinh biết trả lời câu hỏi về bối cảnh quen thuộc trong đó có các thông tin liên quan và câu hỏi được nêu rõ. Các em có khả năng xác định thông tin và thực hiện các thủ tục thường lệ theo hướng dẫn trực tiếp trong các tình huống cụ thể. Các em biết thực hiện hành động cụ thể theo những tác động nhất định.

1.5. Giới thiệu chung về các dạng câu hỏi, bài toán

Mục này giới thiệu các hình thức câu hỏi PISA và các bài toán đơn giản minh họa, đánh giá năng lực học sinh ở cấp độ thấp.

Các hình thức câu hỏi:

- Câu hỏi trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn (Multiple-choice) đơn giản hoặc phức tạp;

- Câu hỏi đóng đòi hỏi trả lời (dựa trên những trả lời có sẵn) (*close - constructed response question*);

- Câu hỏi mở đòi hỏi trả lời ngắn (*short response question*); Câu hỏi mở đòi hỏi trả lời dài (*open - constructed response question*).

1.6. Giới thiệu những chủ đề toán học PISA điển hình

(1) Mục này giới thiệu một số dạng toán tương đối khác lạ về nội dung, hình thức, yêu cầu đối với lời giải và đánh giá năng lực Toán học của học sinh ở mức cao; do vậy, một số bài sẽ có phần "Gợi ý và lưu ý" và gồm 7 dạng:

a) *Tính gần đúng và tính tương đối*

b) *Bảng, biểu đồ, đồ thị*

c) *Toán chuyển động*

d) *Bài toán với các câu hỏi mở*

e) *Công thức, biểu thức mới*

f) *Toán suy luận*

g) *Khái niệm mới*

(2) Một số lưu ý khi giải các bài toán PISA

a) *Phải biết nhìn ra "Giả thiết thừa" của bài toán*

Bài toán (unit) PISA bao gồm phần dẫn "stimulus material" (có thể trình bày dưới dạng chữ, hình vẽ, hình ảnh, bảng, biểu đồ, đồ thị...) và sau đó là một số câu hỏi (item) được kết hợp với phần dẫn này. Phần dẫn của bài toán có thể ngắn, song cũng có nhiều bài toán có phần dẫn rất dài. Phần dẫn mô tả một tình huống thực tiễn nên mô tả khá đầy đủ thực tiễn với rất nhiều thông tin; có thông tin là giả thiết của bài toán, song cũng có không ít thông tin không là điều kiện giải bài toán, tạm gọi là "Giả thiết thừa". Do vậy, phải biết nhìn chính xác đâu là "giả thiết thừa" để không mất thời gian với những thông tin này.

b) Phải biết Khai thác triệt để "Giả thiết thiếu" của bài toán

Việc mô tả tình huống thực tiễn khá đa dạng và không phải khi nào cũng đưa ra đủ thông tin làm "điều kiện" giải bài toán. Nhìn chung là phần mô tả thực tiễn vừa có thể có "giả thiết thừa" vừa có thể có "giả thiết thiếu". Như vậy phải biết khai thác triệt để "giả thiết thiếu" bằng hiểu biết sâu sắc thực tiễn mới có thể giải được bài toán: "Giả thiết thiếu" nằm trong "hiểu biết thực tế".

c) Phải "quen" với tính gần đúng và tính tương đối

Thực tiễn đa phần là sử dụng giá trị gần đúng, chấp nhận kết quả tương đối và các bài toán PISA cũng yêu cầu như vậy. Phải biết lấy giá trị gần đúng, làm tròn số khi tính giá trị một cách hợp lý và phù hợp với thực tiễn, khác với làm tròn số trong lý thuyết.

d) Phải "quen" những biểu thức, công thức, khái niệm mới, xa lạ với kiến thức học trong nhà trường, tạm gọi là "ngoài chương trình"

Có nhiều tình huống thực tiễn, khi cần giải quyết, phải đề cập đến các công thức, biểu thức khái niệm chưa được giới thiệu trong chương trình học của học sinh. Tuy nhiên, những nội dung này có thể suy luận được từ những kiến thức đã được học. Do vậy, khi gặp những bài toán này, học sinh cần bình tĩnh, vận dụng các kiến thức đã học để giải. Thông thường các bài toán này không quá khó, chỉ lạ khi mới đọc đề bài.

e) Phải "quen" với yêu cầu của các câu hỏi mở

Các câu hỏi mở trong bài toán PISA yêu cầu khả năng suy luận, lập luận hợp lý của học sinh trên cơ sở phân tích thực tiễn có thể xảy ra và chấp nhận các kết quả khác nhau, thậm chí "mâu thuẫn" nhau. Do vậy, ngoài việc nắm kiến thức cơ bản còn yêu cầu học sinh hiểu biết thực tiễn, tự tin, mạnh dạn bảo vệ chính kiến của mình.

1.7. Một số bài thi lĩnh vực Toán học PISA tham khảo

BÀI 1: CHUYẾN BAY TRONG KHÔNG GIAN

Trạm không gian MIR đã duy trì một quỹ đạo trong suốt 15 năm và bay quanh Trái đất được 86500 lần trong thời gian nó nằm trong vũ trụ.

Lần dừng lại lâu nhất của một nhà du hành vũ trụ ở tại MIR là khoảng 680 ngày.

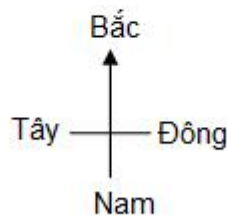
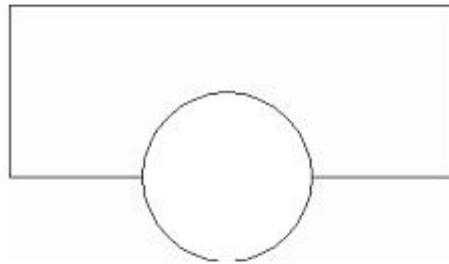
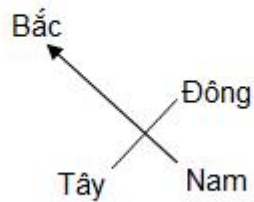
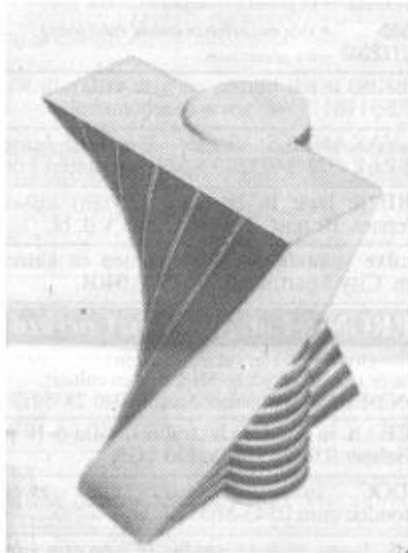
Câu hỏi 1: CHUYẾN BAY TRONG KHÔNG GIAN

Nhà du hành bay quanh Trái đất khoảng bao nhiêu lần?

- A. 110.
- B. 1100.
- C. 11000.
- D. 110000.

BÀI 2: TÒA NHÀ DẠNG XOẮN

Trong kiến trúc hiện đại, những tòa nhà có rất nhiều hình dáng lạ. Dưới đây là hình ảnh mô phỏng trên máy tính của một “tòa nhà dạng xoắn” và cấu trúc tầng trệt của nó. Điền la bàn là định hướng của tòa nhà.



Tầng trệt của tòa nhà gồm có lõi ra vào chính và các gian hàng.

Ở phía trên tầng trệt là 20 tầng căn hộ.

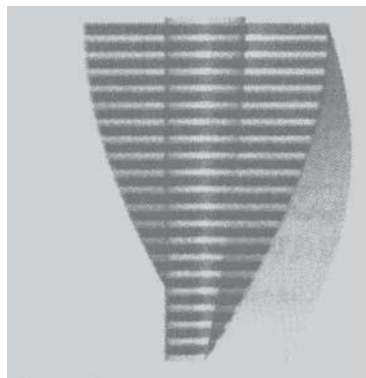
Cấu trúc mỗi tầng đều tương tự như cấu trúc tầng trệt, nhưng mỗi tầng có hướng hơi khác một chút so với hướng của tầng dưới nó. Phần trục là thang máy và khoảng không gian trống.

Câu hỏi 1: TÒA NHÀ DẠNG XOẮN M21Q01 - 0 1 2 9

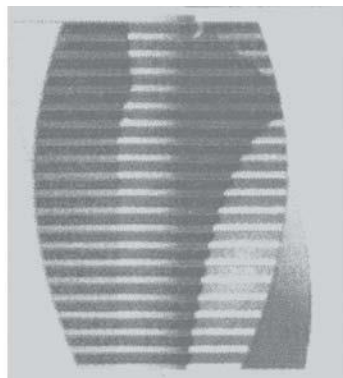
Ước tính chiều cao của tòa nhà theo đơn vị mét. Hãy giải thích cách làm của em.

.....
.....

Bức hình dưới đây cho thấy góc nhìn của tòa nhà dạng xoắn.



Góc nhìn 1



Góc nhìn 2

Câu hỏi 2: TÒA NHÀ DẠNG XOẮN

Góc nhìn 1 được vẽ theo hướng nào?

- A. Từ hướng Bắc.
- B. Từ hướng Tây.
- C. Từ hướng Đông.
- D. Từ hướng Nam.

Câu hỏi 3: TÒA NHÀ DẠNG XOẮN

Góc nhìn 2 được vẽ theo hướng nào?

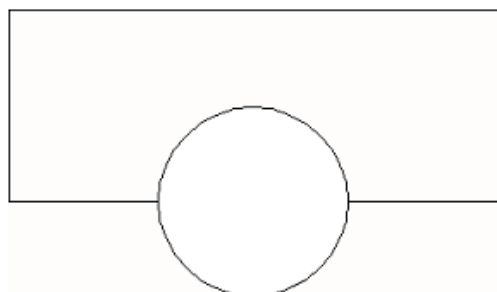
- A. Từ hướng Tây Bắc.
- B. Từ hướng Đông Bắc.
- C. Từ hướng Tây Nam.
- D. Từ hướng Đông Nam.

Câu hỏi 4: TÒA NHÀ DẠNG XOẮN

M21Q04 - 0 1 2 9

Mỗi tầng căn hộ có phần “xoắn” tương tự như tầng trệt. Tầng trên cùng (tầng thứ 20 trên tầng trệt) thì vuông góc với tầng trệt.

Hình dưới đây biểu diễn tầng trệt:








Trên hình vẽ này, hãy trình bày cấu trúc của tầng 10, chỉ ra tầng này nằm như thế nào so với tầng trệt.

BÀI 3: VÁN TRƯỢT

Eric là một người hâm mộ môn lướt ván. Anh ấy tới một cửa hàng tên là SKATER để xem xét về giá cả.

Ở cửa hàng này, bạn có thể mua một bộ ván trượt hoàn chỉnh hoặc mua lẻ bàn trượt, một bộ 4 bánh xe, một bộ 2 trục đỡ và một bộ các phần cứng, sau đó tự mình lắp ván trượt.

Giá thành các sản phẩm của cửa hàng này như sau:

Sản phẩm	Giá theo đồng zed	
Bộ ván trượt hoàn chỉnh	82 hoặc 84	
Bàn trượt	40; 60 hoặc 65	
Một bộ bốn bánh xe	14 hoặc 36	
Một bộ 2 trục đỡ	16	
Một bộ các phần cứng (vòng bi, tấm lót cao su, bu lông và các loại ốc vặn)	10 hoặc 20	

Câu hỏi 1: VÁN TRƯỢT *M23Q01 - 0 11 12 21 99*

Eric muốn tự lắp ráp ván trượt của mình. Giá thấp nhất và giá cao nhất của những chiếc ván trượt tự lắp khi mua từ cửa hàng này là bao nhiêu?

- a) Giá thấp nhất: zed.
b) Giá cao nhất: zed.

Câu hỏi 2: VÁN TRƯỢT

Cửa hàng tư vấn về 3 bàn trượt khác nhau, hai bộ bánh xe và hai bộ phần cứng khác nhau. Nhưng chỉ có một lựa chọn duy nhất cho một bộ trục đỡ.

Eric có thể làm được bao nhiêu chiếc ván trượt?

- A. 6.
B. 8.
C. 10.
D. 12.

Câu hỏi 3: VÁN TRƯỢT **M23Q03 - 0 1 9**

Eric có 120 zed và muốn mua chiếc ván trượt giá cao nhất phù hợp với số tiền của mình.

Số tiền cho mỗi phần mà Eric có thể trả là bao nhiêu? Điền câu trả lời của em vào bảng sau.

Phần	Giá tiền (zed)
Bàn trượt	
Bánh xe	
Trục đỡ	
Phần cứng	

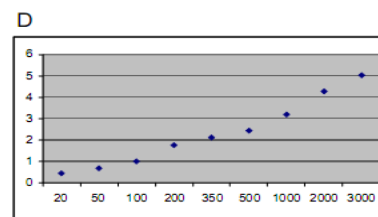
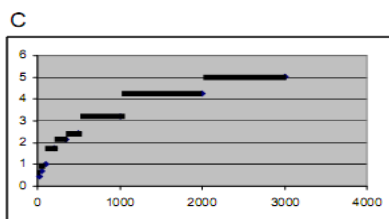
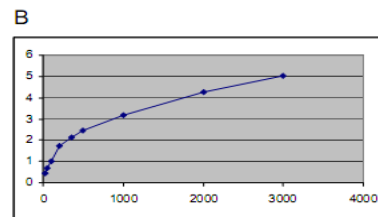
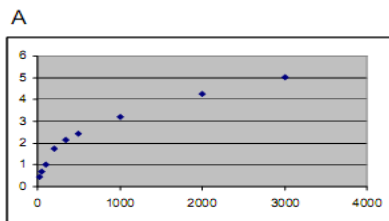
BÀI 4: CƯỚC PHÍ BƯU ĐIỆN

Cước phí bưu điện ở Zedland theo trọng lượng của kiện hàng (trọng lượng theo gam gần nhất), như sau:

Số cân (theo số gam gần nhất)	Cước phí
Đến 20 g	0.46 zeds
21g - 50g	0.69 zeds
51g - 100g	1.02 zeds
101g - 200g	1.75 zeds
201g - 350g	2.13 zeds
351g - 500g	2.44 zeds
501g - 1000g	3.20 zeds
1001g - 2000g	4.27 zeds
2001g - 3000g	5.03 zeds

Câu hỏi 1: CƯỚC PHÍ BƯU ĐIỆN

Đồ thị nào dưới đây biểu diễn chính xác nhất cước phí bưu điện ở Zedland? (Trục ngang biểu diễn trọng lượng theo gam, trục đứng biểu diễn cước phí theo đồng zed):



Câu hỏi 2: CƯỚC PHÍ BƯU ĐIỆN

M25Q02 - 019

Jan muốn gửi hai kiện hàng cho một người bạn, trọng lượng tương đương 40 gam và 80 gam. Theo bảng cước phí bưu điện ở Zedland, hãy quyết định xem gửi chúng trong cùng một bưu kiện hay gửi theo hai bưu kiện độc lập sẽ rẻ hơn. Trình bày tính toán của em trong mỗi trường hợp.

BÀI 5: NỒNG ĐỘ THUỐC

Câu hỏi 1: NỒNG ĐỘ THUỐC *M27Q01 - 0 1 2 9*

Một người phụ nữ được tiêm penicillin. Cơ thể của cô từ từ phản ứng với thuốc và sau khi tiêm thuốc một giờ chỉ còn 60% lượng penicillin còn tác dụng.

Quá trình này tiếp tục: cứ cuối mỗi giờ, chỉ 60% lượng penicillin của giờ trước còn tác dụng.

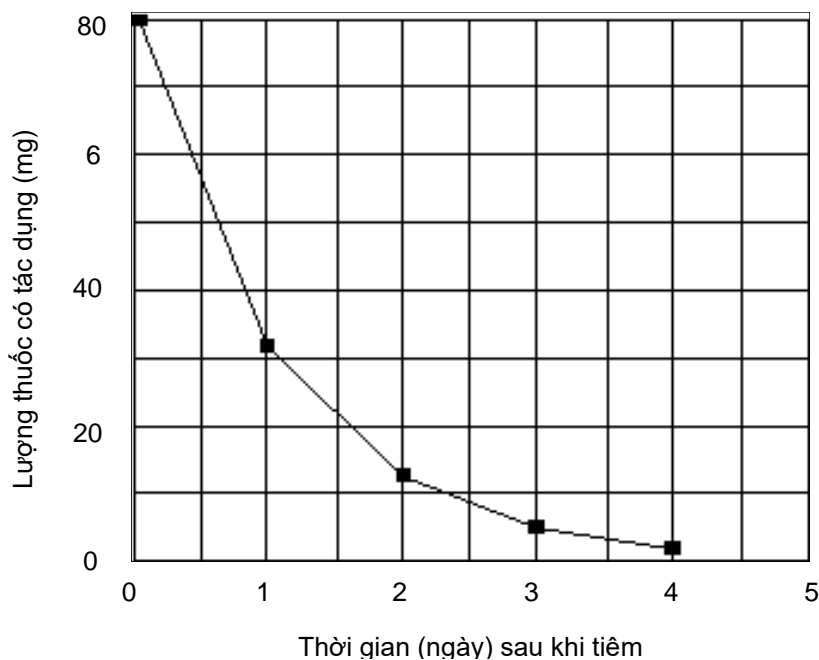
Giả sử rằng người phụ nữ đã được tiêm 300 milligam penicillin vào lúc 8 giờ sáng.

Hoàn thành bảng sau để biết lượng penicillin còn có tác dụng trong máu của người phụ nữ ở các khoảng thời gian cách nhau một giờ, từ 8 giờ đến 11 giờ.

Thời gian	08:00	09:00	10:00	11:00
Penicillin (mg)	300			

Câu hỏi 2: NỒNG ĐỘ THUỐC

Peter cần dùng 80 miligam một loại thuốc để kiểm soát được huyết áp của mình. Đồ thị dưới đây cho biết lượng thuốc ban đầu và lượng thuốc còn tác dụng trong máu của Peter sau một, hai, ba và bốn ngày.



Lượng thuốc còn tác dụng vào cuối ngày đầu tiên là bao nhiêu?

- A. 6 mg.
- B. 12 mg.
- C. 26 mg.
- D. 32 mg.

Câu hỏi 3: NỒNG ĐỘ THUỐC

Từ đồ thị trong câu hỏi trên có thể thấy rằng, mỗi ngày có cùng một tỉ lệ của lượng thuốc ngày hôm trước còn tác dụng trong máu của Peter.

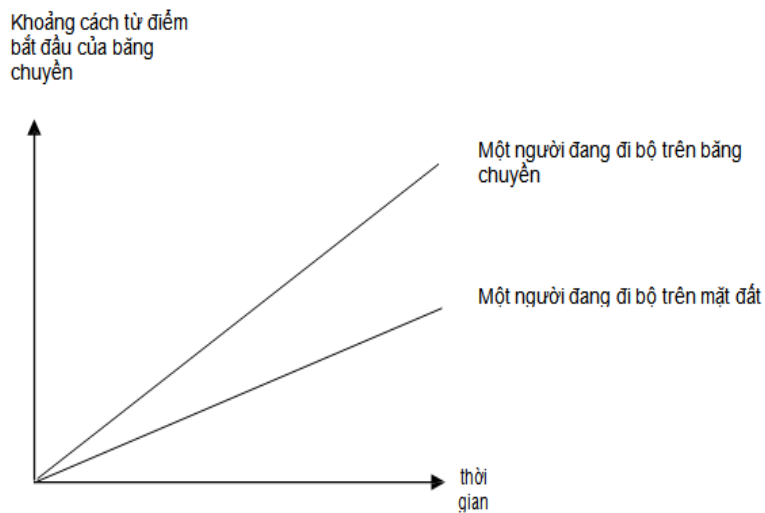
Vào cuối mỗi ngày, tỉ lệ nào dưới đây là tỉ lệ phần trăm gần đúng của lượng thuốc ngày hôm trước còn tác dụng?

- A. 20%.
- B. 30%.
- C. 40%.
- D. 80%.

BÀI 6: DI CHUYỂN TRÊN BĂNG CHUYỀN

Hình bên là một bức ảnh về băng chuyền dành cho người đi bộ.

Hai đồ thị “khoảng cách-thời gian” dưới đây biểu thị “đi bộ trên băng chuyền” và “đi bộ trên mặt đất cạnh băng chuyền”.

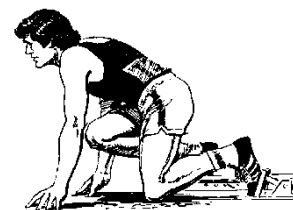


Câu hỏi 1: DI CHUYỂN TRÊN BĂNG CHUYỀN M29Q01 - 0 1 9

Ở hai đồ thị này, giả thiết rằng vận tốc đi bộ của hai người là như nhau. Hãy vẽ đồ thị biểu diễn quan hệ khoảng cách theo thời gian của một người đứng yên trên băng chuyền.

BÀI 7: THỜI GIAN PHẢN XẠ

Trong một cuộc chạy đua, "thời gian phản xạ" là khoảng thời gian từ tiếng súng hiệu lệnh xuất phát đến lúc vận động viên bắt đầu rời điểm xuất phát. "thời gian chạy" bao gồm thời gian phản xạ và thời gian thực chạy.



Bảng dưới đây cho biết thời gian phản xạ và thời gian chạy của 8 vận động viên trong một cuộc chạy đua 100 m.

Đường chạy	Thời gian phản xạ (giây)	Thời gian chạy (giây)
1	0,147	10,09
2	0,136	9,99
3	0,197	9,87
4	0,180	Chưa hoàn thành cuộc đua
5	0,210	10,17
6	0,216	10,04
7	0,174	10,08
8	0,193	10,13

Câu hỏi 1: THỜI GIAN PHẢN XẠ M33Q01 - 0 1 9

Xác định những vận động viên đoạt Huy chương Vàng, Huy chương Bạc và Huy chương Đồng của cuộc đua này. Điền số đường chạy, thời gian phản xạ và thời gian chạy của những người đoạt huy chương vào bảng dưới đây.

Huy chương	Đường chạy	Thời gian phản xạ (giây)	Thời gian chạy (giây)
VÀNG			
BẠC			
ĐỒNG			

Câu hỏi 2: THỜI GIAN PHẢN XẠ M33Q02 - 0 1 9

Đến nay, chưa có một ai có thể có thời gian phản xạ sau tiếng súng hiệu lệnh xuất phát ít hơn 0,110 giây.

Nếu thời gian phản xạ ghi được của một vận động viên ít hơn 0,110 giây thì sẽ được xem là một lỗi xuất phát, vì như vậy có nghĩa là vận động viên đó đã rời điểm xuất phát trước khi nghe thấy tiếng súng.

Nếu người đoạt Huy chương Đồng có thời gian phản xạ nhanh hơn thì anh ta có thể có cơ hội đoạt được Huy chương Bạc hay không? Hãy đưa ra một giải thích phù hợp với câu trả lời của em.

BÀI 8: ỦNG HỘ TỔNG THỐNG

Câu hỏi 1: ỦNG HỘ TỔNG THỐNG M35Q01 - 0 1 2 9

Ở Zedland, các cuộc thăm dò dư luận được tiến hành nhằm tìm hiểu mức độ ủng hộ đối với Tổng thống trong cuộc bầu cử sắp tới. Bốn nhà xuất bản báo chí đã thực hiện những cuộc thăm dò trên toàn quốc. Kết quả thăm dò của bốn tờ báo như sau:

Tờ báo thứ nhất: 36,5% (tiến hành thăm dò ngày 6 tháng 1, với mẫu là 500 người dân ngẫu nhiên có quyền bầu cử).

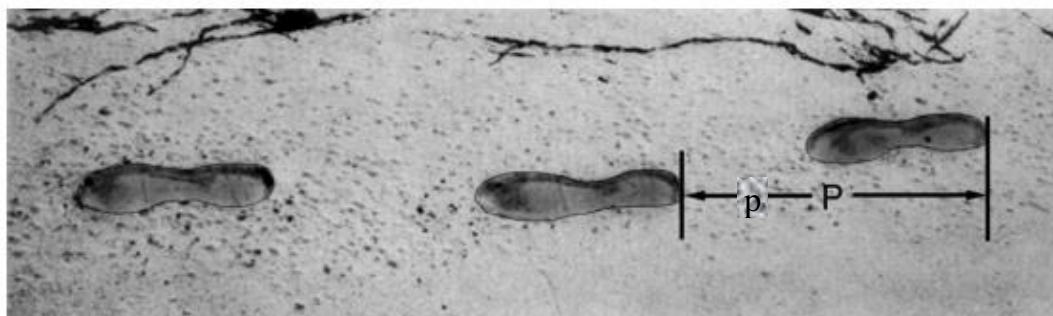
Tờ báo thứ hai: 41,0% (tiến hành thăm dò ngày 20 tháng 1, với mẫu là 500 người dân ngẫu nhiên có quyền bầu cử).

Tờ báo thứ ba: 39,0% (tiến hành thăm dò ngày 20 tháng 1, với mẫu là 1000 người dân ngẫu nhiên có quyền bầu cử).

Tờ báo thứ tư: 44,5% (tiến hành thăm dò ngày 20 tháng 1, với mẫu là 1000 người đọc báo gọi điện để bầu cử).

Kết quả thăm dò của tờ báo nào có thể là kết quả dự đoán sát nhất với mức độ ủng hộ dành cho Tổng thống nếu cuộc bầu cử diễn ra vào ngày 25 tháng 1? Hãy đưa ra hai lí giải để bảo vệ ý kiến của em.

BÀI 9: ĐI BỘ



Trên đây là hình ảnh dấu chân đi bộ của một người đàn ông.

Công thức $\frac{n}{p} = 140$, cho biết mối quan hệ tương đối giữa n và p , với

n = số bước chân trong một phút.

p = khoảng cách giữa hai gót chân liên tiếp, tính bằng mét.

Câu hỏi 1: ĐI BỘ *M39Q01 - 0 1 2 9*

Nếu áp dụng công thức này cho Heiko, anh ta bước được 70 bước trong một phút, thì khoảng cách giữa hai dấu gót chân của Heiko là bao nhiêu? Hãy trình bày lời giải của em.

.....
.....
.....

Câu hỏi 2: ĐI BỘ *M39Q02 - 00 11 12 13 14 15 21 22 99*

Bernard biết khoảng cách giữa hai dấu gót chân của mình là 0,80 mét. Áp dụng công thức trên cho việc đi bộ của Bernard.

Tính vận tốc đi bộ của Bernard theo đơn vị km/giờ.

Hãy trình bày lời giải của em.

.....

BÀI 10: CHIỀU CAO CỦA HỌC SINH

Câu hỏi 1: CHIỀU CAO CỦA HỌC SINH

Trong một giờ Toán học, các học sinh đều được đo chiều cao của mình. Chiều cao trung bình của các học sinh nam là 160 cm, còn của các học sinh nữ là 150 cm. Alena là người cao nhất - cô cao 180 cm. Zdenek là người thấp nhất - cậu cao 130 cm.

Hai học sinh vắng mặt trong giờ hôm đó, nhưng họ cũng được đo chiều cao khi đến lớp trong giờ học hôm sau và mức trung bình được tính toán lại. Thật kì lạ là chiều cao trung bình của học sinh nữ và chiều cao trung bình của học sinh nam đều không thay đổi.

Từ thông tin này, có thể rút ra những kết luận nào dưới đây?

Hãy khoanh tròn vào "Có" hoặc "Không" đối với mỗi kết luận.

Kết luận	Có thể rút ra kết luận này hay không?
Cả hai học sinh đều là nữ.	Có / Không
Có một học sinh nam và một học sinh nữ.	Có / Không
Cả hai học sinh đều cao bằng nhau.	Có / Không
Chiều cao trung bình của tất cả các học sinh đều không thay đổi.	Có / Không
Zdenek vẫn là người thấp nhất	Có / Không

1.8. Hướng dẫn mã hóa một số bài thi lĩnh vực Toán học

BÀI 1: CHUYỂN BAY TRONG KHÔNG GIAN

Gợi ý và lưu ý:

- + 15 năm có khoảng 5478 ngày, mỗi ngày MIR bay quanh Trái đất khoảng 16 lần.
- + Từ đó tính được khoảng số lần nhà du hành vũ trụ bay quanh Trái đất trong 680 ngày.

CHUYỂN BAY TRONG KHÔNG GIAN: HƯỚNG DẪN MÃ HÓA CÂU HỎI 1

Mức đầy đủ: C. 11000.

Không đạt:

Mã 0: Câu trả lời khác.

Mã 9: Không trả lời.

BÀI 2: TÒA NHÀ DẠNG XOẮN

TÒA NHÀ DẠNG XOẮN: HƯỚNG DẪN MÃ HÓA CÂU HỎI 1

Mức đầy đủ:

Mã 2: Chấp nhận các đáp án từ 50 đến 90 mét nếu lí giải hợp lí.

- Mỗi tầng của tòa nhà cao khoảng 2,5 mét (có thể có phân đệm giữa các tầng) Do đó, có thể ước tính khoảng $21 \times 3 = 63$ mét.

- Cho rằng mỗi tầng cao 4 m, thì 20 tầng cao 80 m. Cộng thêm 10 m tầng trệt thì tổng khoảng 90 m.

Mức không đầy đủ:

Mã 1: Tính đúng kèm theo giải thích, nhưng chỉ dùng 20 tầng thay vì 21 tầng.

- Mỗi tầng căn hộ cao khoảng 3,5 m, 20 tầng \times 3,5 mét cho tổng chiều cao là 70m.

Không đạt:

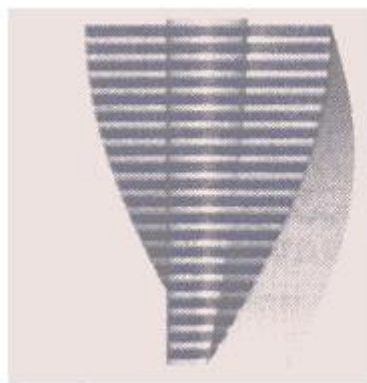
Mã 0: Các câu trả lời khác, gồm cả câu trả lời không có lí giải, câu trả lời mà số tầng sai, câu trả lời ước tính không hợp lí về chiều cao của mỗi tầng (coi như 4 m là chiều cao tối đa của mỗi tầng).

- Mỗi tầng cao khoảng 5 m, thì $5 \times 21 = 105$ mét.

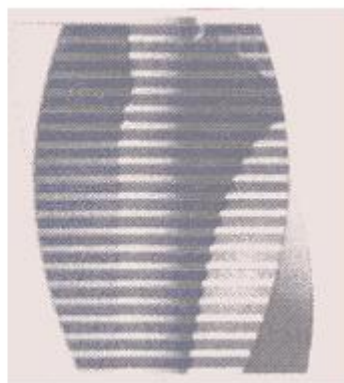
- 60 m.

Mã 9: Không trả lời.

Các hình sau biểu diễn các góc nhìn của tòa nhà:



Góc nhìn 1



Góc nhìn 2

TÒA NHÀ DẠNG XOẢN: HƯỚNG DẪN MÃ HÓA CÂU HỎI 2

Mức đầy đủ:

Mã 1: C. Từ hướng Đông.

Không đạt:

Mã 0: Câu trả lời khác.

Mã 9: Không trả lời.

TÒA NHÀ DẠNG XOẢN: HƯỚNG DẪN MÃ HÓA CÂU HỎI 3

Mức đầy đủ

Mã 1: D. Từ hướng Đông Nam.

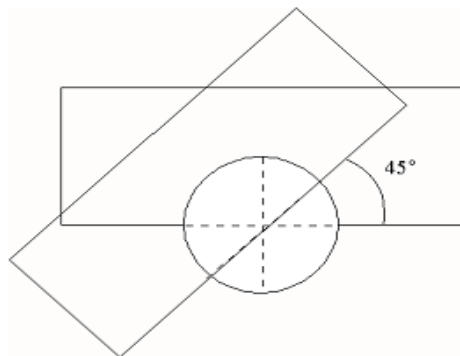
Không đạt

Mã 0: Câu trả lời khác.

Mã 9: Không trả lời.

TÒA NHÀ DẠNG XOẢN: HƯỚNG DẪN MÃ HÓA CÂU HỎI 4

Mã 2: Hình vẽ đúng, tức là điểm quay chính xác và ngược chiều kim đồng hồ. Chấp nhận góc từ 40° đến 50°.



Mức không đầy đủ:

Mã 1: Hoặc góc quay, điểm quay, hoặc hướng quay không chính xác.

Không đạt:

Mã 0: Các câu trả lời khác.

Mã 9: Không trả lời.

BÀI 3: VÁN TRƯỢT

VÁN TRƯỢT: HƯỚNG DẪN MÃ HÓA CÂU HỎI 1

Mức đầy đủ:

Mã 21: Đúng cả giá thấp nhất (80) và giá cao nhất (137).

Mức không đầy đủ:

Mã 11: Chỉ đúng được giá thấp nhất (80).

Mã 12: Chỉ đúng được giá cao nhất (137).

Không đạt:

Mã 00: Câu trả lời khác.

Mã 99: Không trả lời.

VÁN TRƯỢT: HƯỚNG DẪN MÃ HÓA CÂU HỎI 2

Mức đầy đủ:

Mã 1: D. 12.

Không đạt:

Mã 0: Câu trả lời khác

Mã 9: Không trả lời.

VÁN TRƯỢT: HƯỚNG DẪN MÃ HÓA CÂU HỎI 3

Mức đầy đủ:

Mã 1: 65 zed cho bàn trượt, 14 zed cho bánh xe, 16 zed cho trục đỡ và 20 zed cho phần cứng.

Không đạt:

Mã 0: Câu trả lời khác.

Mã 9: Không trả lời.

BÀI 4: CƯỚC PHÍ BƯU ĐIỆN

CƯỚC PHÍ BƯU ĐIỆN: HƯỚNG DẪN MÃ HÓA CÂU HỎI 1

Mức đầy đủ:

Mã 1: C.

Không đạt:

Mã 0: Câu trả lời khác.

Mã 9: Không trả lời.

CƯỚC PHÍ BƯU ĐIỆN: HƯỚNG DẪN MÃ HÓA CÂU HỎI 2

Mức đầy đủ:

Mã 1: Gửi theo hai bưu kiện độc lập sẽ rẻ hơn. Chi phí là 1,71 zed đối với hai bưu kiện độc lập, và sẽ là 1,75 zed đối với một bưu kiện chung cho cả hai bưu kiện.

Không đạt:

Mã 0: Câu trả lời khác.

Mã 9: Không trả lời.

BÀI 5: NỒNG ĐỘ THUỐC

NỒNG ĐỘ THUỐC: HƯỚNG DẪN MÃ HÓA CÂU HỎI 1

Mức đầy đủ:

Mã 2: Phải điền đúng cả ba thông tin.

Thời gian	08:00	09:00	10:00	11:00
Penicillin (mg)	300	180	108	64.8
				Hoặc 65

Mức không đầy đủ:

Mã 1: Một hoặc hai thông tin điền đúng.

Không đạt:

Mã 0: Đáp án khác.

Mã 9: Không trả lời.

NỒNG ĐỘ THUỐC: HƯỚNG DẪN MÃ HÓA CÂU HỎI 2

Mức đầy đủ:

Mã 1: D. 32 mg.

Không đạt:

Mã 0: Đáp án khác.

Mã 9: Không trả lời.

NỒNG ĐỘ THUỐC: HƯỚNG DẪN MÃ HÓA CÂU HỎI 3

Mức đầy đủ:

Mã 1: C. 40%.

Không đạt:

Mã 0: Đáp án khác.

Mã 9: Không trả lời.

BÀI 6: DI CHUYỂN TRÊN BĂNG CHUYỀN

DI CHUYỂN TRÊN BĂNG CHUYỀN: HƯỚNG DẪN MÃ HÓA CÂU HỎI 1

MỤC ĐÍCH CÂU HỎI: Gợi khả năng áp dụng công thức của học sinh.

Gợi ý và lược giải:

Có 3 chuyển động thẳng đều.

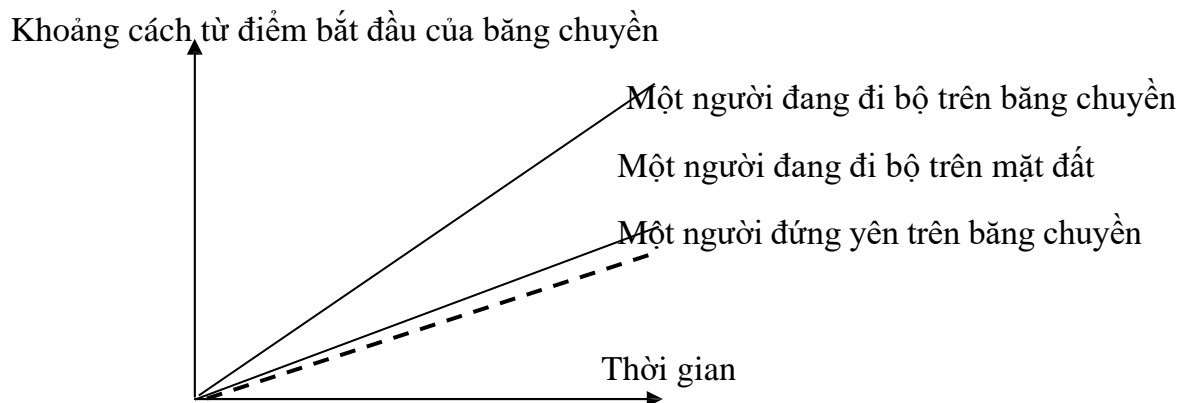
Kí hiệu $S = st$, $Q = qt$, $R = rt$; với s, q, r theo thứ tự là vận tốc của người đứng yên trên băng chuyền; đi bộ trên mặt đất; đi bộ trên băng chuyền và S, Q, R là các khoảng cách tương ứng đi được trong thời gian t .

Do $r = s + q$, nên $R = S + Q$; suy ra $S = R - Q$

Xác định điểm thứ hai của đường thẳng $S = st$ sẽ vẽ được chính xác đồ thị.

Mức đầy đủ:

Mã 1: Chấp nhận đường thẳng dưới hai đồ thị nhưng phải gần với đường “Một người đang đi bộ trên mặt đất” hơn.



Không đạt:

Mã 0: Câu trả lời khác.

Mã 9: Không trả lời.

BÀI 7: THỜI GIAN PHẢN XẠ

THỜI GIAN PHẢN XẠ: HƯỚNG DẪN MÃ HÓA CÂU HỎI 1

Mức đầy đủ:

Mã 1:

Huy chương	Đường chạy	Thời gian phản xạ (giây)	Thời gian chạy (giây)
VÀNG	3	0,197	9,87
BẠC	2	0,136	9,99
ĐỒNG	6	0,216	10,04

Không đạt:

Mã 0: Đáp án khác.

Mã 9: Không trả lời.

THỜI GIAN PHẢN XẠ: HƯỚNG DẪN MÃ HÓA CÂU 2

Gợi ý và lưu ý:

Cơ hội dành Huy chương Bạc nếu tổng thời gian chạy từ hơn 9,87 giây đến 9,99 giây

Phải giảm được tổng thời gian chạy ít nhất 0,05 giây (để thời gian chạy nhỏ hơn hoặc bằng thời gian đạt huy chương bạc là 9,99 giây) và nhiều nhất là 0,106 giây (để không bị lỗi xuất phát).

Có thể có 3 cách trả lời:

- Thời gian phản xạ giảm từ 0,05 giây đến 0,106 giây.
- Thời gian phản xạ từ 0,110 giây đến 0,166 giây.
- Thời gian chạy từ 9,934 giây đến 9,99 giây.

Mức đầy đủ:

Mã 1: Có, kèm theo giải thích hợp lí:

- Có. Nếu anh ta giảm được thời gian phản xạ hơn 0,05 giây, thì anh ta có thể về vị trí thứ hai.

- Có, anh ta có cơ hội để đoạt Huy chương Bạc nếu thời gian phản xạ của anh ta nhỏ hơn hoặc bằng 0,166 giây.
- Có, với thời gian phản xạ nhanh nhất có thể, anh ta có thể hoàn thành đường chạy hết 9,93 giây, đủ điều kiện để đạt được Huy chương Bạc.

Không đạt:

Mã 0: Đáp án khác, gồm cả câu trả lời có nhưng không kèm theo giải thích phù hợp.

Mã 9: Không trả lời.

2. LĨNH VỰC KHOA HỌC

2.1. Xác định năng lực Khoa học

Thuật ngữ “năng lực khoa học” thể hiện khả năng bao quát gồm có một nhóm gồm ba năng lực khoa học cụ thể. Khả năng không chỉ là kiến thức và kỹ năng (OECD, 2003) mà còn là khả năng huy động các nguồn nhận thức và ngoài nhận thức vào một ngữ cảnh nào đó.

Sự hiểu biết về khoa học và công nghệ là trọng tâm trong sự chuẩn bị của một người trẻ tuổi cho cuộc sống trong xã hội hiện đại, cho phép cá nhân tham gia đầy đủ vào xã hội mà ở đó khoa học và công nghệ đóng vai trò quan trọng. Sự hiểu biết này cũng trao quyền cho cá nhân tham gia thích đáng vào việc xác định chính sách công, nơi mà những vấn đề khoa học và công nghệ có tác động tới cuộc sống của họ. Sự hiểu biết về khoa học và công nghệ góp phần quan trọng vào cuộc sống cá nhân, xã hội, nghề nghiệp và văn hóa của tất cả mọi người.

PISA quan tâm tới cả hai khía cạnh nhận thức (cognitive) và tình cảm (effective) của năng lực học sinh trong khoa học. Khi đánh giá năng lực khoa học, PISA quan tâm tới những vấn đề có sự đóng góp kiến thức khoa học và vấn đề nào có liên quan đến học sinh khi các em đưa ra quyết định, kể cả ở hiện tại hoặc tương lai. PISA cũng quan tâm tới những khía cạnh ngoài nhận thức (non-cognitive).

Kiến thức khoa học: Thuật ngữ PISA

Thuật ngữ “kiến thức khoa học” được sử dụng trong khung này bao gồm cả kiến thức khoa học và kiến thức về khoa học. Kiến thức khoa học là kiến thức về thế giới tự nhiên ở các lĩnh vực chính như vật lý, hóa học, khoa học sinh học, Trái đất và khoa học vũ trụ và công nghệ cơ sở khoa học. Kiến thức về khoa học là kiến thức của các phương tiện (“nghiên cứu khoa học”) và các mục tiêu (“giải thích khoa học”) của khoa học.

Đánh giá PISA bao gồm một chuỗi các kiến thức khoa học và khả năng nhận thức có liên quan tới nghiên cứu khoa học và giải quyết các mối quan hệ giữa khoa học và công nghệ. Như vậy đưa ra đánh giá về kiến thức khoa học của học sinh bằng đánh giá năng lực của các em trong việc kiến thức khoa học (Bybee, 1997; Fensham năm 2000, Luật năm 2002; Mayer và Kumano, 2002).

Năng lực khoa học PISA

Theo mục đích của PISA, năng lực khoa học là của cá nhân về:

- Kiến thức khoa học và sử dụng kiến thức đó để xác định các câu hỏi, tiếp thu kiến thức mới, giải thích các hiện tượng khoa học và rút ra kết luận dựa trên bằng chứng về những vấn đề liên quan tới khoa học.
- Sự hiểu biết về các đặc trưng của khoa học là một hình thức về tìm hiểu và tri thức nhân loại.
- Nhận thức về việc khoa học và công nghệ tạo thành môi trường tư liệu, trí tuệ và văn hóa như thế nào.
- Sẵn sàng tham gia vào các vấn đề liên quan tới khoa học và các ý tưởng khoa học như một công dân có suy nghĩ.

2.2. Các vấn đề đánh giá năng lực Khoa học

Đối với các mục đích đánh giá, đặc điểm của định nghĩa PISA về *năng lực khoa học (scientific literacy)* bao gồm 4 khía cạnh tương quan với nhau:

(1) Ngữ cảnh (Context): nhận ra các tình huống liên quan đến khoa học và công nghệ;

(2) Kiến thức (Knowledge): hiểu biết về thế giới tự nhiên trên cơ sở kiến thức khoa học trong đó bao gồm kiến thức về thế giới tự nhiên và *kiến thức về chính khoa học*;

(3) Năng lực (competencies): thể hiện năng lực khoa học trong đó bao gồm *xác định các vấn đề khoa học, giải thích các hiện tượng theo khoa học và sử dụng bằng chứng khoa học*;

(4) Thái độ (attitude): thể hiện sự quan tâm đến khoa học, hỗ trợ tìm hiểu khoa học và động lực để hành động có trách nhiệm, ví dụ, tài nguyên thiên nhiên và môi trường.

Dưới đây là một số câu hỏi để thiết lập khung khoa học PISA:

- Những ngữ cảnh nào thích hợp để đánh giá học sinh độ tuổi 15?

- Những năng lực nào chúng ta có thể mong đợi một cách hợp lý học sinh độ tuổi 15 sẽ thể hiện?

- Những kiến thức nào chúng ta có thể mong đợi một cách hợp lý học sinh độ tuổi 15 sẽ thể hiện?

- Những thái độ gì nào chúng ta có thể mong đợi một cách hợp lý học sinh độ tuổi 15 sẽ thể hiện?

Bảng 2.1 Khung đánh giá năng lực khoa học trong PISA

Ngữ cảnh	Các năng lực	Kiến thức
<ul style="list-style-type: none"> • Các tình huống cuộc sống có liên quan tới khoa học và công nghệ 	<ul style="list-style-type: none"> • Xác định các vấn đề khoa học • Giải thích các hiện tượng bằng khoa học • Sử dụng bằng chứng khoa học 	Em biết gì: <ul style="list-style-type: none"> • về thế giới tự nhiên (kiến thức <i>khoa học</i>) • về chính khoa học (kiến thức về <i>khoa học</i> ảnh hưởng như thế nào?)
		<p style="text-align: center;">Thái độ</p> Em hưởng ứng các vấn đề khoa học như thế nào: <ul style="list-style-type: none"> • Quan tâm • Ủng hộ các tìm hiểu khoa học • Trách nhiệm

2.3. Các tình huống và ngữ cảnh lĩnh vực Khoa học

Một khía cạnh quan trọng trong việc đánh giá lĩnh vực khoa học PISA là tham gia (engagement) vào khoa học ở nhiều tình huống. Khi việc giải quyết các vấn đề khoa học, việc lựa chọn các phương pháp và phép đại diện (representation) thường phụ thuộc vào các tình huống có các vấn đề được trình bày.

Tình huống là một phần trong thế giới của học sinh, có các nhiệm vụ được đặt vào. Các câu hỏi đánh giá (assessment items) được bố trí đặt vào các tình huống của cuộc sống nói chung và không giới hạn trong cuộc sống ở trường. Trong phần đánh giá lĩnh vực khoa học PISA, trọng tâm của các câu hỏi là dựa trên những tình huống liên quan tới bản thân, gia đình và bạn bè (cá nhân – personal), đến cộng đồng (xã hội – social) và tới cuộc sống trên toàn thế giới (toàn cầu – global).

PISA đánh giá kiến thức khoa học quan trọng liên quan đến chương trình giáo dục khoa học của các nước tham gia, mà không hạn chế về những khía cạnh chung (common aspect) của chương trình giảng dạy quốc gia của các nước tham dự. Kì đánh giá thực hiện điều này bằng cách yêu cầu bằng chứng về việc sử dụng thành công kiến thức và kỹ năng khoa học trong các tình huống quan trọng phản ánh thế giới và phù hợp với trọng tâm của PISA.

Đánh giá lĩnh vực khoa học PISA không phải là đánh giá các ngữ cảnh (context), mà đánh giá về các năng lực (competencies), kiến thức (knowledge) và thái độ (attitude) khi đưa vào hoặc có liên quan đến các ngữ cảnh. Khi lựa chọn ngữ cảnh, cần

phải nhớ mục đích của kì đánh giá là nhằm đánh giá năng lực, sự hiểu biết và thái độ về khoa học mà học sinh đạt được khi kể thuc những năm học bắt buoc.

Các câu hỏi (item) PISA đưoc xếp theo các nhóm (đề thi – unit) dựa trên một phần dẫn chung (common stimulus) thiết lập ngữ cảnh cho câu hỏi. Các ngữ cảnh đưoc lựa chọn dựa trên mối quan tâm (interest) và cuộc sống (life) của học sinh.

Bảng 2.2 Các ngữ cảnh của đánh giá năng lực khoa học trong PISA

	Cá nhân (bản thân, gia đình, bạn bè)	Xã hội (cộng đồng)	Toàn cầu (cuộc sống trên thế giới)
Sức khỏe	Giữ gìn sức khỏe, tai nạn, dinh dưỡng	Kiểm soát dịch bệnh, bệnh lây nhiễm trong xã hội, lựa chọn thực phẩm, sức khỏe cộng đồng	Dịch bệnh, sự lây truyền của các bệnh truyền nhiễm
Tài nguyên thiên nhiên	Tiêu thụ nguyên vật liệu và năng lượng cá nhân	Duy trì dân số, chất lượng cuộc sống, an ninh, sản xuất và phân phối thực phẩm, cung cấp năng lượng.	Các nguồn năng lượng tái tạo và không tái tạo đưoc, các hệ thống tự nhiên, tăng trưởng dân số, sử dụng bền vững các loài.
Môi trường	Hành vi thân thiện với môi trường, sử dụng và loại bỏ nguyên vật liệu	Bố trí dân số, xử lý chất thải, tác động môi trường, thời tiết địa phương.	Đa dạng sinh học, sinh thái bền vững, kiểm soát ô nhiễm, sản xuất và mất đất.
Nguy cơ	Tự nhiên và do con người gây ra, những quyết sách về nhà ở	Thay đổi nhanh chóng (động đất, thời tiết cực đoan), những thay đổi nhanh và chậm (xói mòn ven biển, bồi lắng), đánh giá rủi ro.	Biến đổi khí hậu, tác động của chiến tranh hiện đại.
Ranh giới giữa khoa học và công nghệ	Quan tâm về việc giải thích khoa học đối với các hiện tượng tự nhiên, sở thích dựa trên cơ sở khoa học, thể thao và giải trí, âm nhạc và công nghệ cá nhân.	Vật liệu mới, các thiết bị và quy trình, biến đổi gen, công nghệ vũ khí, giao thông vận tải.	Sự tuyệt chủng của các loài, khám phá không gian, nguồn gốc và cấu trúc của vũ trụ.

Bảng 2.3 Năng lực Khoa học thể hiện ở các cấp độ sau:

Cấp độ của năng lực	Đặc điểm
Cấp độ 1 Xác định các vấn đề khoa học	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận dạng các vấn đề có thể nghiên cứu bằng khoa học; - Xác định các từ khóa (keyword) để tìm kiếm thông tin khoa học; - Nhận dạng các đặc điểm chính (key features) của một cuộc nghiên cứu khoa học (scientific investigation).
Cấp độ 2 Giải thích các hiện tượng bằng khoa học	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng kiến thức khoa học trong một tình huống đặt ra; - Mô tả hoặc giải thích các hiện tượng bằng khoa học và dự báo những thay đổi; - Xác định các phần giới thiệu, giải thích và dự đoán thích hợp.
Cấp độ 3 Sử dụng bằng chứng khoa học	<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích bằng chứng khoa học và đưa ra (make) và truyền tải (communicate) những kết luận; - Xác định các giả thiết, bằng chứng và lý do đưa ra những kết luận; - Suy ngẫm những hệ quả (implication) về mặt xã hội của sự phát triển khoa học và công nghệ.

2.4. Các cấp độ đánh giá năng lực Khoa học

Đánh giá năng lực Khoa học trong PISA chia ra 6 mức độ, thể hiện ở bảng sau:

Bảng 2.4 Bảng mô tả 6 mức độ đánh giá năng lực Khoa học trong PISA 2015

Mức độ	Điểm tối thiểu	Khả năng thực hiện của học sinh
6	708	Ở Mức 6, học sinh luôn biết xác định, giải thích và áp dụng kiến thức khoa học và kiến thức về các ngành khoa học trong nhiều tình huống phức tạp của cuộc sống. Học sinh biết liên kết những phần giải thích và nhiều nguồn thông tin khác nhau, sử dụng bằng chứng từ những nguồn này để biện luận cho quyết định đưa ra. Học sinh thể hiện tư duy và lập luận khoa học tiến bộ một cách rõ ràng và nhất quán, học sinh sử dụng sự hiểu biết khoa học để hỗ trợ cho các phép giải của những tình huống khoa học và công nghệ không quen thuộc. Ở mức này, học sinh biết sử dụng kiến thức khoa học và xây dựng những cơ sở lý luận để hỗ trợ cho các quyết định và đề xuất xung quanh các tình huống con người, xã hội và toàn cầu.
5	633	Ở Mức 5, học sinh biết cách xác định các cấu phần khoa học của nhiều tình huống phức tạp trong cuộc sống, áp dụng những khái niệm khoa học và kiến thức về khoa học vào các tình huống này, biết so

Mức độ	Điểm tối thiểu	Khả năng thực hiện của học sinh
		sánh, chọn lựa và đánh giá bằng bằng chứng khoa học thích hợp đáp ứng những tình huống trong cuộc sống. Ở mức này, học sinh biết sử dụng khả năng nghiên cứu phát triển tốt, liên kết kiến thức một cách phù hợp và đưa ra những hiểu biết sâu sắc đối với các tình huống. Học sinh biết cách xây dựng phần giải thích dựa trên bằng chứng và phần lập luận dựa trên phân tích sâu sắc.
4	559	Ở Mức 4, học sinh biết cách làm việc có hiệu quả với các tình huống và vấn đề có liên quan tới các hiện tượng rõ ràng yêu cầu học sinh phải suy luận về vai trò của khoa học hoặc công nghệ. Học sinh biết lựa chọn và tích hợp các phần giải thích từ nhiều nguyên tắc khoa học và công nghệ khác nhau, liên kết những phần phải thích đó tới các khía cạnh của những tình huống trong cuộc sống. Ở mức này, học sinh biết suy ngẫm về những hành động bản thân và biết kết nối những quyết định sử dụng kiến thức và bằng chứng khoa học.
3	484	Ở Mức 3, học sinh biết cách xác định các vấn đề khoa học được mô tả rõ ràng ở nhiều bối cảnh. Học sinh biết lựa chọn các sự thật và kiến thức để giải thích các hiện tượng và áp dụng các mô hình hoặc kế hoạch nghiên cứu. Ở mức này, học sinh biết diễn giải và sử dụng các khái niệm khoa học từ những cách tư duy khác nhau và biết áp dụng trực tiếp. Học sinh biết xây dựng kết luận ngắn có sử dụng các sự thật và đưa ra suy luận dựa trên kiến thức khoa học.
2	409	Ở Mức 2, học sinh có kiến thức khoa học thông thường để đưa ra những giải thích phù hợp với các bối cảnh quen thuộc hoặc rút ra kết luận dựa trên những nghiên cứu đơn giản. Học sinh có khả năng lập luận trực tiếp và đưa ra những diễn giải theo nghĩa đen về những kết quả của nghiên cứu khoa học hoặc giải quyết vấn đề công nghệ.
1	335	Ở Mức 1, học sinh có kiến thức khoa học hạn chế, chỉ áp dụng được kiến thức đó vào một số ít các tình huống quen thuộc. Học sinh biết trình bày phần giải thích khoa học được thể hiện rõ ràng và làm theo hướng cho sẵn từ bằng chứng đã cho.

2.5. Một số bài thi PISA tham khảo lĩnh vực Khoa học

BÀI 1. NHÀ KÍNH

Hãy đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi.

HIỆU ỨNG NHÀ KÍNH: HIỆN THỰC HAY HƯ CẦU?

Các sinh vật sống cần năng lượng để tồn tại. Năng lượng giúp duy trì sự sống trên Trái đất đến từ Mặt trời, Mặt trời bức xạ năng lượng vào không gian vì nó rất nóng. Chỉ một phần nhỏ năng lượng này đến được Trái đất.

Bầu khí quyển của Trái đất hoạt động như một tấm chắn bảo vệ trên bề mặt hành tinh của chúng ta, ngăn chặn các biến thể từ nhiệt độ cao tồn tại trong chân không.

Hầu hết năng lượng bức xạ từ Mặt trời đi qua bầu khí quyển của Trái đất. Trái đất hấp thụ một phần năng lượng đó và một phần bị phản xạ ngược lại từ bề mặt Trái đất. Một phần năng lượng phản xạ ngược lại này sẽ được bầu khí quyển hấp thụ.

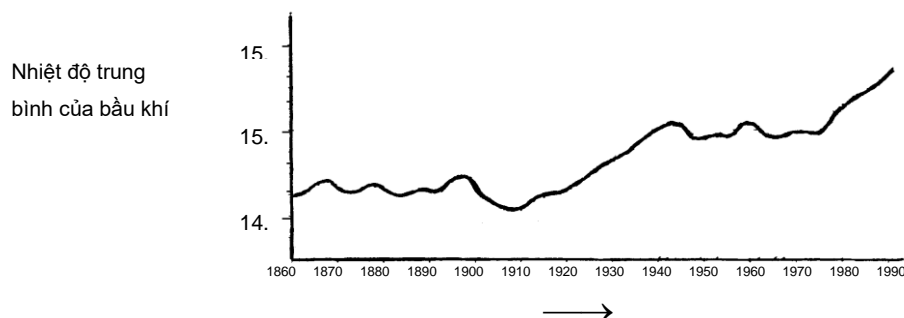
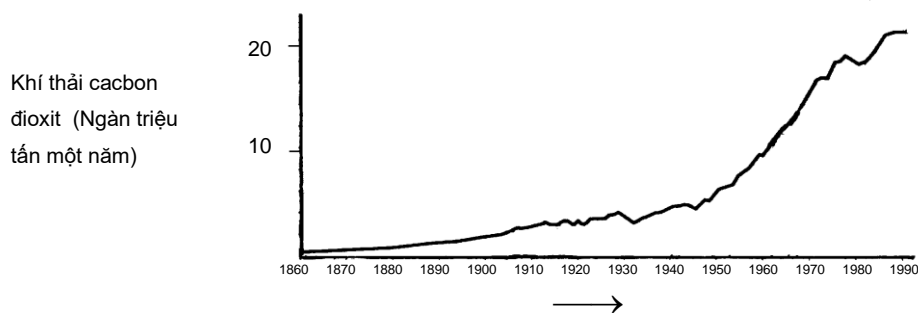
Kết quả của hiện tượng này là nhiệt độ trung bình trên bề mặt Trái đất cao hơn so với khi không có bầu khí quyển. Bầu khí quyển của Trái đất có hiệu ứng tương tự như nhà kính, vì thế xuất hiện thuật ngữ *hiệu ứng nhà kính*.

Hiệu ứng nhà kính ngày càng trở nên rõ rệt hơn vào thế kỉ XX.

Thực tế là nhiệt độ trung bình của bầu khí quyển Trái đất đang ngày một tăng lên. Trong các bài báo và tạp chí, lượng khí thải cacbon đioxit vẫn được coi là lí do chính gây ra hiện tượng tăng nhiệt độ trong thế kỷ XX.

Một học sinh tên là André tỏ ra thích thú với mối liên hệ có thể có giữa nhiệt độ trung bình của bầu khí quyển với khí thải cacbon đioxit trên Trái đất.

Bạn ấy đã theo dõi hai đồ thị sau trong thư viện.



Từ hai đồ thị này, André rút ra kết luận rằng, sự gia tăng nhiệt độ trung bình của bầu khí quyển Trái đất chắc chắn là do sự gia tăng của lượng khí thải cacbon đioxit.

Câu hỏi 1: NHÀ KÍNH *S01Q01- 01 02 11 12 99*

Điều gì có trong đồ thị dẫn tới kết luận của André?

.....
.....

Câu hỏi 2: NHÀ KÍNH *S01Q02 - 01 02 03 11 12 13 14 15 21 99*

Một học sinh khác tên là Jeanne không đồng ý với kết luận của André. Bạn ấy so sánh hai đồ thị và nói rằng có một vài đoạn đồ thị không đồng nhất với kết luận của André.

Nêu một dẫn chứng về phần đồ thị không đồng nhất với kết luận của André. Hãy giải thích câu trả lời của em.

.....
.....
.....

Câu hỏi 3: NHÀ KÍNH *S01Q03 - 01 02 03 11 12 99*

André bảo vệ kết luận của mình rằng nhiệt độ trung bình của bầu khí quyển Trái đất tăng lên do sự gia tăng của khí thải cacbon đioxit. Nhưng Jeanne cho rằng, kết luận đó là quá sớm. Bạn ấy nói: “Trước khi chấp nhận kết luận này, bạn phải chắc chắn rằng các yếu tố khác có thể ảnh hưởng tới hiệu ứng nhà kính là đại lượng không đổi”.

Em hãy nêu tên một trong các yếu tố mà Jeanne muốn nhắc tới.

.....
.....
.....
.....

BÀI 2. NHÂN BẢN VÔ TÍNH

Em hãy đọc bài báo và trả lời các câu hỏi sau đây.

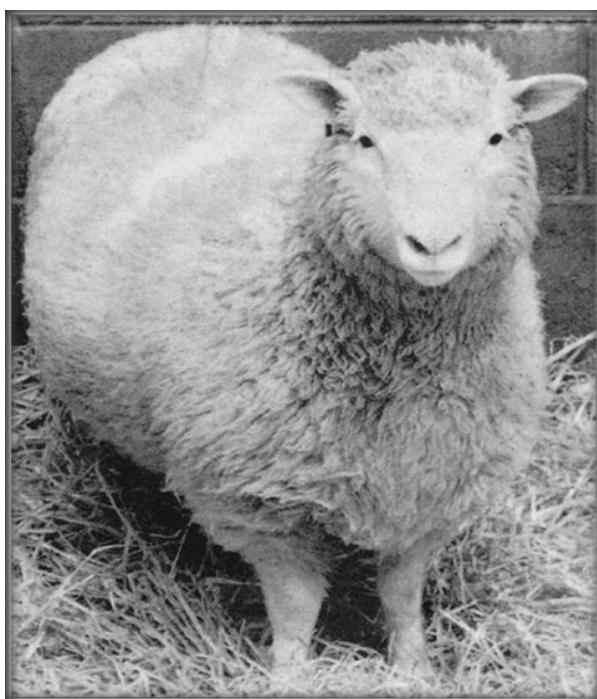
Một cỗ máy nhân bản cho những sinh vật sống?

5 Nếu có một cuộc bình chọn dành cho động vật của năm 1997, chắc hẳn Dolly sẽ chiến thắng! Dưới đây là một bức ảnh của Dolly, chú thuộc giống cừu Scot-len. Nhưng Dolly không chỉ là một chú cừu bình thường. Chú được nhân bản vô tính từ một con cừu khác. Nhân bản vô tính có nghĩa là: một bản sao, tức là sao chép "từ một bản sao gốc duy nhất". Các nhà khoa học đã thực hiện thành công việc tạo ra một con cừu (Dolly) giống y hệt với một con cừu khác, có chức năng như một "bản sao gốc".

15 Người đã tạo ra "cỗ máy nhân bản" cho chú cừu là nhà khoa học người Scot-len: Ian Wilmut. Ông đã lấy một phần rất nhỏ từ phần vú của một con cừu trưởng thành (con cừu 1).

20 Ông lấy ra nhân từ phần nhỏ đó. Sau đó cấy nhân này vào tế bào trứng của một con cừu (cái) khác (con cừu 2). Nhưng trước tiên, ông loại ra khỏi tế bào trứng tất cả những yếu tố làm cho con cừu non được sinh ra từ tế bào trứng mang các đặc tính của con cừu 2. Ian Wilmut cấy ghép những tế bào trứng đã được thay đổi của con cừu 2 vào con cừu (cái) khác (con cừu 3). Con cừu 3 đã mang thai và có một chú cừu non: Dolly.

35 Một số nhà bác học cho rằng trong vòng một vài năm tới cũng có thể tiến hành nhân bản vô tính đối với con người. Nhưng có rất nhiều chính phủ đã ban hành luật cấm việc nhân bản vô tính người.



Câu hỏi 1: NHÂN BẢN VÔ TÍNH

Dolly giống hệt con cừu nào?

- A. Con cừu 1.
- B. Con cừu 2.
- C. Con cừu 3.
- D. Cha của Dolly.

Câu hỏi 2: NHÂN BẢN VÔ TÍNH

Trong dòng 17, phần vú sử dụng được mô tả là "một phần rất nhỏ". Từ đoạn trích của bài báo, hãy chỉ ra "một phần rất nhỏ" là gì?.

"Phần rất nhỏ" là:

- A. một tế bào.
- B. một gen.
- C. một nhân tế bào.
- D. một nhiễm sắc thể.

Câu hỏi 3: NHÂN BẢN VÔ TÍNH

Trong câu cuối, bài báo nói rằng có rất nhiều chính phủ đã quyết định ban hành luật cấm nhân bản vô tính đối với con người.

Bảng sau đề cập tới hai lí do có thể đưa ra để giải thích cho quyết định đó.

Những lí do đó có mang tính khoa học hay không?

Khoanh tròn "Có" hoặc "Không" ứng với mỗi lí do.

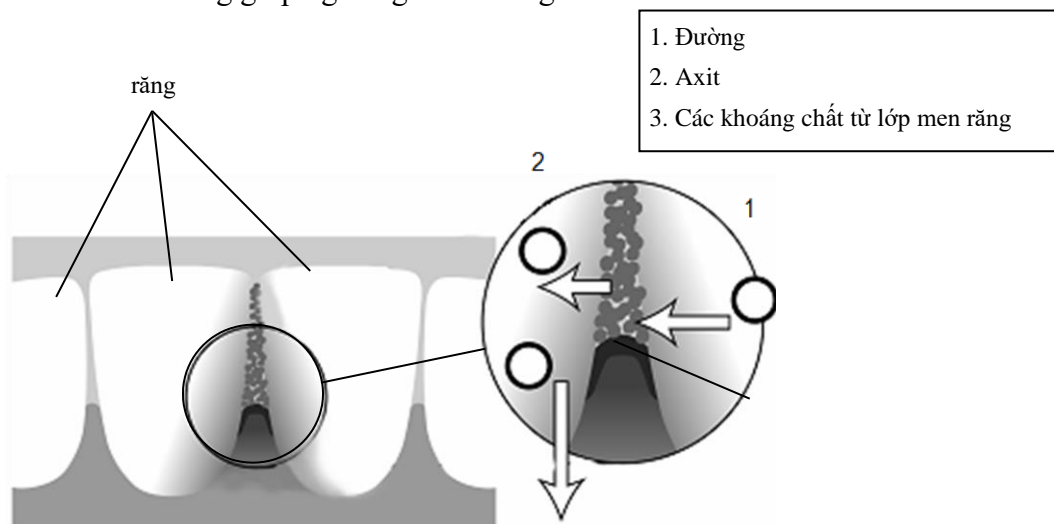
Lí do	Lí do này có mang tính khoa học hay không?
Người nhân bản có thể sẽ nhạy cảm với các căn bệnh thông thường hơn so với người bình thường.	Có / Không
Con người không nên tìm cách đi trái với tạo hoá.	Có / Không

BÀI 3. SÂU RĂNG

Vi khuẩn sống trong miệng chúng ta gây ra bệnh sâu răng. Sâu răng là một bệnh nan y kể từ những năm 1700 khi đường ăn xuất hiện từ ngành công nghiệp mía đường ngày càng phát triển.

Ngày nay, chúng ta biết nhiều về bệnh sâu răng. Ví dụ:

- Vi khuẩn gây sâu răng sống được nhờ đường.
- Đường chuyển hóa thành axit.
- Axit phá hủy bề mặt răng.
- Đánh răng giúp ngăn ngừa sâu răng.



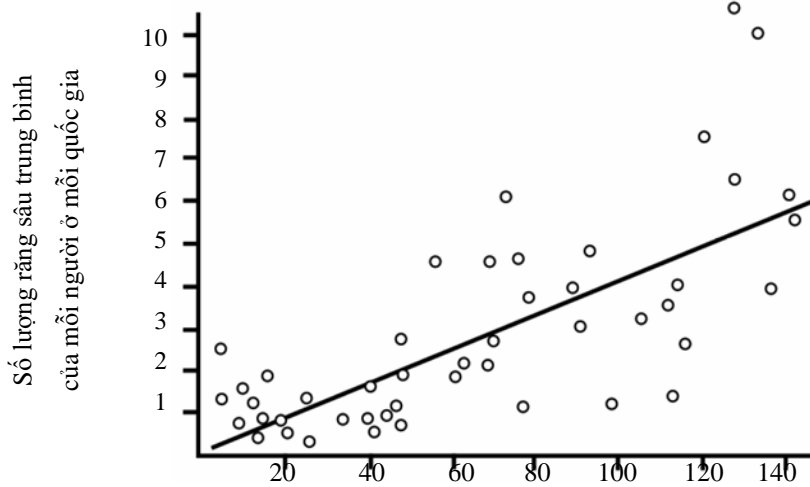
Câu hỏi 1: SÂU RĂNG

Vai trò của vi khuẩn trong bệnh sâu răng là gì?

- A. Vi khuẩn tạo ra men răng.
- B. Vi khuẩn tạo ra đường.
- C. Vi khuẩn tạo ra các khoáng chất.
- D. Vi khuẩn tạo ra axit.

Câu hỏi 2: SÂU RĂNG

Đồ thị sau cho thấy lượng tiêu thụ đường và số lượng răng sâu trung bình ở các quốc gia khác nhau. Mỗi quốc gia được biểu diễn bằng một chấm tròn trên đồ thị.



Mức tiêu thụ đường trung bình (gam trên một người một ngày)

Trong số các phát biểu sau, phát biểu nào được suy ra **từ dữ liệu đã cho trên đồ thị**?

- A. Ở một số quốc gia, người dân đánh răng thường xuyên hơn so với các quốc gia khác.
- B. Người dân ăn đường càng nhiều, thì càng dễ bị sâu răng.
- C. Thời gian gần đây, tỉ lệ sâu răng ở nhiều nước đang tăng lên.
- D. Thời gian gần đây, mức độ tiêu thụ đường ở nhiều nước đang tăng lên.

Câu hỏi 3: SÂU RĂNG

Một quốc gia có số lượng răng sâu trên đầu người ở mức cao.

Liệu rằng những câu hỏi sau đây liên quan đến bệnh sâu răng tại quốc gia đó có thể được trả lời bằng các thí nghiệm khoa học hay không? Khoanh tròn “Có” hoặc “Không” ứng với mỗi câu hỏi.

Câu hỏi liên quan đến sâu răng này có thể được trả lời bởi các thí nghiệm khoa học hay không ?	Có hoặc Không?
Tác động nào lên bệnh sâu răng khi cho flo vào nguồn nước?	Có / Không
Chi phí cho một lần đi gặp bác sĩ nha khoa là bao nhiêu?	Có / Không

BÀI 4. HÚT THUỐC LÁ

Người ta hút thuốc lá ở dạng điếu, xì gà và tẩu. Các nghiên cứu cho thấy mỗi ngày trên thế giới có gần 13500 người bị chết do các căn bệnh liên quan đến thuốc lá. Người ta cũng dự đoán rằng, vào năm 2020, 12 % các ca tử vong toàn cầu là do các căn bệnh liên quan đến thuốc lá gây ra.

Khói thuốc lá chứa nhiều chất có hại. Các chất nguy hại nhất là nhựa thuốc lá, nicôtin và cacbon ôxit.

Câu hỏi 1: HÚT THUỐC LÁ

Khói thuốc lá được hít vào trong phổi. Nhựa thuốc lá trong khói thuốc đọng lại trong phổi và làm cho phổi không hoạt động tốt nữa.

Chức năng nào dưới đây là một chức năng của phổi?

- A. Bơm máu chứa ôxi đến tất cả các bộ phận trong cơ thể.
- B. Chuyển ôxi từ không khí mà chúng ta thở vào máu.
- C. Làm sạch máu bằng việc giảm lượng cacbon đioxit về không.
- D. Chuyển các phân tử cacbon đioxit thành các phân tử ôxi.

Câu hỏi 2: HÚT THUỐC LÁ

Hút thuốc lá làm tăng nguy cơ bị ung thư phổi và các căn bệnh khác. Hãy cho biết hút thuốc lá có làm tăng nguy cơ mắc những bệnh dưới đây hay không? Khoanh tròn “Có” hoặc “Không” trong mỗi trường hợp.

Nguy cơ mắc phải căn bệnh này có tăng lên do hút thuốc hay không?	Có hay Không
Viêm phế quản	Có / Không
HIV/AIDS	Có / Không
Bệnh thủy đậu	Có / Không

Câu hỏi 3: HÚT THUỐC LÁ

Một số người sử dụng các miếng cao dán chứa nicôtin để giúp họ cai thuốc lá. Những miếng cao này được dán trên da và giải phóng nicôtin vào máu. Điều này giúp làm mất đi những cơn thèm thuốc và những dấu hiệu của việc cai nghiện khi mọi người đã cai thuốc.

Để nghiên cứu về tính hiệu quả của những miếng dán nicôtin này, một nhóm 100 người hút thuốc muốn cai thuốc được chọn ngẫu nhiên. Nhóm này được nghiên cứu trong vòng sáu tháng. Hiệu quả của những miếng cao dán được xác định bằng việc tìm ra bao nhiêu người trong nhóm không còn tái hút thuốc sau khi kết thúc đợt nghiên cứu này.

Trong số các thí nghiệm sau, thí nghiệm nào là tốt nhất?

- A. Tất cả những người trong nhóm đều dán cao.
- B. Tất cả mọi người đều dán cao ngoại trừ một người cố gắng bỏ thuốc mà không cần cao dán.
- C. Mọi người lựa chọn hoặc sử dụng hoặc không sử dụng các miếng cao dán để giúp bỏ thuốc.
- D. Một nửa được lựa chọn ngẫu nhiên để sử dụng các miếng cao dán, nửa còn lại không sử dụng chúng.

Câu hỏi 4: HÚT THUỐC LÁ

Có nhiều phương pháp được sử dụng để khiến mọi người bỏ thuốc lá.

Những cách giải quyết việc giảm hút thuốc dưới đây có dựa trên **công nghệ** hay không? Khoanh tròn “Có” hoặc “Không” ứng với mỗi trường hợp.

Phương pháp giảm hút thuốc này có dựa trên công nghệ hay không?	Có hoặc Không?
Tăng giá bán thuốc lá.	Có / Không
Sản xuất ra các miếng cao dán nicôtin để giúp người nghiện thuốc cai thuốc lá.	Có / Không
Cấm hút thuốc ở những nơi công cộng.	Có / Không

BÀI 5. TẬP THỂ DỤC

Tập thể dục thường xuyên với mức độ vừa phải rất tốt cho sức khỏe.



Câu hỏi 1: TẬP THỂ DỤC S11Q05 - 01 11 12 99

Vì sao khi đang tập thể dục em phải thở gấp hơn so với khi cơ thể đang nghỉ ngơi?

.....
.....
.....

CÁC CÂU TRẢ LỜI CỦA HỌC SINH	Mã
Bởi vì cơ thể bạn đang tập luyện nặng hơn và cơ thể cần được cung cấp nhiều ôxi hơn.	_____
Bởi vì máu của bạn đang bơm nhanh hơn và cơ thể bạn cần ôxi gấp hơn.	_____
Để thải bỏ cacbon đioxit.	_____
Thở gấp là cần thiết với các hoạt động thể lực bởi vì nó giúp không khí lưu thông trong cơ thể dễ dàng hơn.	_____
Khi tập thể dục, bạn cần nhiều ôxi hơn cho quá trình hô hấp. Hô hấp tạo ra cacbon đioxit và khí này phải được thải ra khỏi cơ thể, vì thế chúng ta cần phải thở gấp hơn.	_____
Bạn thở gấp hơn vì cơ thể đang bơm nhiều máu hơn qua toàn cơ thể và bạn cần nhiều ôxi hơn cho máu.	_____
Bạn phải thở gấp hơn khi tập thể dục bởi vì tim bạn đập nhanh hơn, điều đó có nghĩa là nó làm việc nhiều hơn.	_____

BÀI 6. SIÊU ÂM

Ở nhiều quốc gia, những hình ảnh của thai nhi (đứa bé đang phát triển trong bụng mẹ) có thể được chụp nhờ sóng siêu âm (công nghệ chẩn đoán bằng siêu âm). Sóng siêu âm được xem là an toàn cho cả mẹ và thai nhi.



Bác sĩ cầm một đầu dò và di chuyển đầu dò này trên bụng người mẹ. Sóng siêu âm được truyền vào trong bụng. Bên trong bụng, các sóng này phản xạ lại từ bề mặt của thai nhi. Các sóng phản xạ này được đầu dò bắt lại và chuyển tiếp tới một cái máy có thể tạo ra hình ảnh.

Câu hỏi 1: SIÊU ÂM

S08Q01 – 0 1 9

Để tạo được một ảnh, máy siêu âm cần phải tính toán **khoảng cách** giữa thai nhi và đầu dò.

Các sóng siêu âm đi vào trong bụng với vận tốc 1540 mét/giây. Phép đo nào máy siêu âm phải thực hiện để có thể tính toán được khoảng cách này?

.....
.....
.....

Câu hỏi 2: SIÊU ÂM

S08Q02 – 0 1 9

Ảnh của thai nhi cũng có thể nhận được nhờ tia X. Tuy nhiên, phụ nữ được khuyên tránh để tia X chiếu vào bụng trong thời gian mang thai.

Vì sao phụ nữ nên tránh tia X chiếu vào bụng **chỉriêng** trong thời gian mang thai?

.....
.....
.....
.....
.....

BÀI 7. MƯA AXIT

Hình vẽ dưới đây là những bức tượng Caryatid (tượng hình phụ nữ thay cho cột) được xây dựng ở Acropolis tại Athen hơn 2500 năm trước. Các bức tượng này được tạc từ một loại đá gọi là đá cẩm thạch. Đá cẩm thạch được tạo thành từ canxi cacbonat.

Năm 1980, những bức tượng nguyên bản đã được chuyển vào trong bảo tàng Acropolis và được thay thế bởi những bản sao đúng như thật. Những bức tượng nguyên bản đã bị ăn mòn



bởi mưa axit.

Tác động của mưa axit lên đá cẩm thạch có thể được mô hình hóa bằng việc đặt các mảnh đá cẩm thạch vào giấm qua một đêm. Giấm ăn và mưa axit có cùng nồng độ axit. Khi đá cẩm thạch được cho vào trong giấm ăn, có những bọt khí được tạo ra. Khối lượng của mảnh đá cẩm thạch được xác định trước và sau thí nghiệm.

Câu hỏi 1: MƯA AXIT**S12Q15 – 0 1 2 9**

Những học sinh thực hiện thí nghiệm này cũng để các mảnh đá cẩm thạch trong nước nguyên chất (nước cất) qua một đêm.

Hãy giải thích vì sao các học sinh lại thực hiện bước này trong thí nghiệm.

.....
.....

CÁC CÂU TRẢ LỜI CỦA HỌC SINH	Mã
Để xem liệu rằng mưa axit có phải là do đá cẩm thạch hòa với nước hay không.	_____
Các học sinh đưa bước này vào thí nghiệm để so sánh điều gì xảy ra khi đá ở trong nước và khi đá ở trong giấm ăn.	_____
Bởi vì nó cho thấy rằng, đá cẩm thạch không phải lúc nào cũng phản ứng với bất kì chất lỏng nào và nước là trung tính.	_____
Để đảm bảo rằng chính giấm ăn là nguyên nhân gây ra phản ứng, chứ không phải chỉ bởi vì nó là một chất lỏng.	_____
Bởi vì nước cất giống như nước mưa bình thường, điều này chứng minh mưa bình thường không ăn mòn đá cẩm thạch.	_____
Để xem liệu rằng nước mưa bình thường (nước cất) cũng có một tác động lên đá cẩm thạch hay không.	_____
Để xem liệu rằng mưa axit có phải là một nhân tố trong việc phân hủy các bức tượng hay không.	_____
Bởi vì không có axit trong nước cất tinh khiết.	_____

2.6. Hướng dẫn mã hóa một số bài thi lĩnh vực Khoa học

BÀI 1. NHÀ KÍNH

NHÀ KÍNH: HƯỚNG DẪN MÃ HÓA CÂU HỎI 1

Mức đầy đủ:

Mã 11: Đề cập tới sự gia tăng của cả nhiệt độ (trung bình) và khí thải cacbon đioxit:

- Khi lượng khí thải tăng lên, nhiệt độ cũng tăng lên.
- Cả hai đồ thị cùng tăng lên.
- Vì từ năm 1910, cả hai đồ thị đều bắt đầu tăng lên.
- Nhiệt độ tăng lên khi thải ra cacbon đioxit .
- Thông tin trên đồ thị tăng lên đồng thời.
- Tất cả cùng tăng lên.
- Càng có nhiều khí thải cacbon đioxit, thì nhiệt độ càng tăng lên.

Mã 12: Đề cập tới (các thuật ngữ chung) mối liên hệ thuận chiều giữa nhiệt độ và lượng khí thải cacbon đioxit.

[Lưu ý: Ý này nhằm mục đích nắm bắt được việc học sinh sử dụng các thuật ngữ như “mối liên hệ thuận chiều”, “hình dạng tương tự” hoặc “tỉ lệ thuận”; mặc dù các ví dụ đáp án sau đây không hoàn toàn chính xác, nhưng vẫn cần đủ hiểu rõ ý để được tính điểm]:

- Lượng khí cacbon đioxit và nhiệt độ trung bình của Trái Đất tỉ lệ thuận với nhau.
- Hai đồ thị có hình dạng tương tự nhau, có thể thấy được mối quan hệ giữa chúng.

Không đạt:

Mã 01: Chỉ nhắc tới sự gia tăng của một trong hai đại lượng nhiệt độ (trung bình) hoặc khí thải cacbon đioxit:

- Nhiệt độ tăng lên.
- Cacbon đioxit đang ngày một tăng lên.
- Đồ thị cho biết có sự thay đổi rõ rệt trong nhiệt độ.

Mã 02: Nhắc tới nhiệt độ và khí thải cacbon đioxit nhưng không nêu được bản chất rõ ràng của mối liên hệ:

- Khí thải cacbon đioxit (đồ thị 1) có ảnh hưởng tới sự tăng lên của nhiệt độ Trái đất (đồ thị 2).
- Cacbon đioxit là nguyên nhân chính gây ra sự tăng nhiệt độ Trái đất.

HOẶC

Đáp án khác:

- Khí thải cacbon đioxit tăng nhanh hơn rất nhiều so với nhiệt độ Trái đất. [*Lưu ý: Câu trả lời này không chính xác vì nó đề cập tới mức độ tăng lên của nhiệt độ Trái đất và khí thải cacbon đioxit, thay vì nói rằng cả hai cùng tăng lên*].
- Sự gia tăng của cacbon đioxit trong các năm qua là do sự gia tăng nhiệt độ của bầu khí quyển Trái đất.
- Hướng mà các đô thị đi lên.
- Quan sát thấy sự tăng lên.

Mã 99: Không trả lời.

NHÀ KÍNH: HƯỚNG DẪN MÃ HÓA CÂU HỎI 2

Mức đầy đủ

Mã 21: Đề cập tới một phần cụ thể trên đồ thị mà ở đó các đường cong không cùng đi xuống hoặc không cùng đi lên và đưa ra lập luận hợp lí.

- Trong (khoảng) năm 1900 – 1910, thì lượng cacbon đioxit tăng lên, trong khi nhiệt độ lại hạ thấp xuống.
- Trong khoảng 1980 – 1983, cacbon đioxit giảm xuống còn nhiệt độ thì lại tăng lên.
- Nhiệt độ trong những năm 1800 khá bằng nhau nhưng đồ thị đầu tiên thì lại tiếp tục tăng.
- Giữa 1950 và 1980, nhiệt độ không tăng lên nhưng khí thải cacbon đioxit vẫn tăng lên.
- Từ 1940 đến 1975, nhiệt độ gần như vẫn giữ nguyên nhưng khí thải cacbon đioxit lại tăng mạnh.
- Từ 1860 đến 1900, cacbon đioxit là một đường đi lên trong khi đường nhiệt độ lại mấp mô khá nhiều.
- Trong năm 1940, nhiệt độ cao hơn rất nhiều so với năm 1920 và có lượng khí thải cacbon đioxit tương tự.
- Từ khoảng năm 1928 đến 1932, lượng khí thải cacbon đioxit giảm nhưng nhiệt độ tăng.

Mức không đầy đủ:

Mã 11: Đưa ra giai đoạn chính xác nhưng không có giải thích:

- 1930 – 1933.
- Khoảng 1910.

Mã 12: Đưa ra một năm cụ thể (không phải một giai đoạn thời gian), kèm giải thích hợp lí.

[*Lưu ý: Nên sử dụng Mã 14 nếu giải thích tập trung vào một điểm bất thường trong đồ thị*]:

- Năm 1980, lượng khí thải giảm nhưng nhiệt độ vẫn tăng.

- Trong năm 1910, khí thải cacbon đioxit tăng lên nhưng nhiệt độ lại giảm đi.

HOẶC

Đưa ra một dẫn chứng không ủng hộ ý kết luận của André nhưng mắc lỗi đề cập đến khoảng thời gian:

- Giữa năm 1950 và 1960, nhiệt độ giảm nhưng khí thải cacbon đioxit lại tăng.

Mã 13: Nhắc tới những điểm khác nhau giữa hai đồ thị nhưng không nhắc tới một thời gian cụ thể:

- Ở một vài chỗ, nhiệt độ vẫn tăng kể cả khi khí thải giảm.
- Trước đó có ít khí thải nhưng nhiệt độ lại cao.
- Chúng không tăng lên cùng một tỉ lệ.
- Trong khi đồ thị 1 có sự tăng mạnh, thì không thấy sự tăng lên ở đồ thị 2, mà nó vẫn giữ nguyên. [*Lưu ý: “Về tổng thể” là nó không đổi*].
- Vì ban đầu thì nhiệt độ vẫn cao trong khi lượng cacbon đioxit vẫn rất thấp.

Mã 14: Đề cập tới sự bất thường ở một trong các đồ thị:

- Khoảng năm 1910, khi nhiệt độ giảm đi và tiếp tục như vậy trong một khoảng thời gian.
- Trong đồ thị thứ hai, nhiệt độ bầu khí quyển Trái đất có sự giảm đi vào năm 1910.

Mã 15: Chỉ ra sự khác nhau giữa hai đồ thị, nhưng giải thích chưa đầy đủ:

- Trong những năm 1940, nhiệt độ khá cao nhưng cacbon đioxit lại rất thấp. [*Lưu ý: Lời giải thích rất yếu, nhưng sự khác biệt chỉ ra rất rõ ràng*].

Không đạt:

Mã 01: Đề cập tới điểm bất thường trên đường cong nhưng không nhắc tới đồ thị nào:

- Nó hơi tăng và hơi giảm.
- Nó đi xuống vào năm 1930.

Mã 02: Nhắc tới một khoảng thời gian nhưng không có giải thích:

- Ở đoạn giữa.
- 1910.

Mã 03: Đáp án khác:

- Trong năm 1940, nhiệt độ trung bình tăng lên nhưng khí thải cacbon đioxit thì không.
- Trong khoảng năm 1910, nhiệt độ trung bình tăng lên chứ không phải là khí thải.

Mã 99: Không trả lời.

NHÀ KÍNH: HƯỚNG DẪN MÃ HÓA CÂU HỎI 3

Mức đầy đủ:

Mã 11: Nêu tên một yếu tố liên quan tới năng lượng/bức xạ từ Mặt Trời.

- Mặt trời tỏa nhiệt và có thể Trái đất thay đổi vị trí của mình.
- Năng lượng phản xạ ngược lại từ Trái đất.

Mã 12: Nêu tên một yếu tố liên quan tới một yếu tố tự nhiên hoặc chất có khả năng gây ô nhiễm khác.

- Hơi nước trong không khí.
- Mây.
- Những hiện tượng như núi lửa phun trào.
- Các khí gây ô nhiễm (khí đốt, nhiên liệu).
- Một lượng các khí thải.
- CFC (khí gây hư hại tầng ozon).
- Do các loại xe cộ.
- Ozon (một thành phần trong không khí). [*Lưu ý: nếu nhắc đến sự suy giảm, sử dụng Mã 03*].

Không đạt:

Mã 01: Nhắc tới nguyên nhân ảnh hưởng tới nồng độ cacbon đioxit:

- Chặt rừng nhiệt đới.
- Lượng khí cacbon đioxit được thải ra.
- Các nhiên liệu hóa thạch.

Mã 02: Nhắc tới yếu tố không liên quan:

- Phân bón.
- Thuốc trừ sâu.
- Thời tiết.

Mã 03: Các yếu tố và đáp án khác:

- Lượng ôxi.
- Nitơ.
- Lỗ thủng tầng ozon đang lớn lên.

Mã 99: Không trả lời.

BÀI 2. NHÂN BẢN VÔ TÍNH

NHÂN BẢN VÔ TÍNH: HƯỚNG DẪN MÃ HÓA CÂU HỎI 1

Mức đầy đủ:

Mã 1: A. Con cừu 1.

Không đạt:

Mã 0: Đáp án khác.

Mã 9: Không trả lời.

NHÂN BẢN VÔ TÍNH: HƯỚNG DẪN MÃ HÓA CÂU HỎI 2

Mức đầy đủ:

Mã 1: A. một tế bào.

Không đạt

Mã 0: Đáp án khác.

Mã 9: Không trả lời.

NHÂN BẢN VÔ TÍNH: HƯỚNG DẪN MÃ HÓA CÂU HỎI 3

Mức đầy đủ:

Mã 1: Theo thứ tự Có, Không.

Không đạt:

Mã 0: Đáp án khác.

Mã 9: Không trả lời.

BÀI 3. SÂU RĂNG

SÂU RĂNG: HƯỚNG DẪN MÃ HÓA CÂU HỎI 1

Mức đầy đủ:

Mã 1: D. Vi khuẩn tạo ra axit.

Không đạt:

Mã 0: Các câu trả lời khác.

Mã 9: Không trả lời.

SÂU RĂNG: HƯỚNG DẪN MÃ HÓA CÂU HỎI 2

Mức đầy đủ:

Mã 1: B. Người dân ăn đường càng nhiều, thì càng dễ bị sâu răng.

Không đạt:

Mã 0: Các câu trả lời khác.

Mã 9: Không trả lời.

SÂU RĂNG: HƯỚNG DẪN MÃ HÓA CÂU HỎI 3

Mức đầy đủ:

Mã 1: Cả hai câu trả lời đúng theo thứ tự: Có, Không.

Không đạt:

Mã 0: Các câu trả lời khác.

Mã 9: Không trả lời.

3. LĨNH VỰC ĐỌC HIỂU

3.1. Định nghĩa về năng lực Đọc hiểu

Định nghĩa về năng lực đọc hiểu đã thay đổi theo thời gian cùng với những thay đổi trong xã hội, kinh tế và văn hóa. Khái niệm về học tập, đặc biệt là khái niệm về học tập suốt đời (lifelong learning) đã mở rộng tri thức về năng lực đọc hiểu. Năng lực không còn là một khả năng chỉ có trong thời thơ ấu ở những năm đầu đi học. Thay vào đó, năng lực được xem như miền mở rộng kiến thức, kỹ năng và chiến lược mà cá nhân xây dựng suốt cuộc đời ở nhiều ngữ cảnh khác nhau, thông qua sự tương tác với bạn bè và cộng đồng lớn hơn.

Người đọc tạo ra ý nghĩa đáp ứng với văn bản bằng cách sử dụng kiến thức trước đây và các tình huống gợi ý có nguồn gốc từ xã hội và văn hóa. Khi xây dựng ý nghĩa, người đọc sử dụng nhiều quy trình, kỹ năng và chiến lược để thúc đẩy, giám sát và duy trì sự hiểu biết. Dự kiến là những quy trình và chiến lược sẽ thay đổi tùy theo ngữ cảnh.

Định nghĩa về năng lực đọc hiểu PISA như sau: *Năng lực đọc hiểu là hiểu, sử dụng, phản ánh và liên kết vào các văn bản viết, nhằm đạt được các mục tiêu cá nhân, phát triển kiến thức và tiềm năng cá nhân, và tham gia vào xã hội.*

- *Năng lực đọc hiểu ...*

Thuật ngữ “năng lực đọc hiểu” thiên về “đọc hiểu” bởi vì có khả năng truyền tải một cách chính xác hơn tới đối tượng người đọc không phải là - chuyên gia những nội dung mà cuộc khảo sát sẽ đo lường. “Đọc hiểu” thường được hiểu là giải mã đơn giản, hoặc thậm chí đọc to, trong khi mục đích của cuộc khảo sát này là nhằm đo lường cái gì đó rộng hơn và sâu hơn. Năng lực đọc hiểu bao gồm một loạt các năng lực nhận thức, từ giải mã cơ bản đến kiến thức về từ ngữ - ngữ pháp và các cấu trúc lớn hơn về ngôn ngữ và văn bản, đến kiến thức về thế giới.

Trong nghiên cứu này, “năng lực đọc hiểu” có mục đích nhằm thể hiện ứng dụng về đọc hiểu mang tính hoạt động, có mục đích và chức năng trong một loạt các tình huống và nhiều các mục đích khác nhau.

Các kỹ năng đọc hiểu không chỉ quan trọng đối với cá nhân mà còn cả các nền kinh tế nói chung. Các nhà hoạch định chính sách và những người khác đang nhận ra rằng trong xã hội hiện đại, vốn con người (human capital) - tổng thể những cá nhân trong một nền kinh tế biết và có thể làm được - là hình thức vốn quan trọng nhất. Nhiều

năm qua, các nhà kinh tế đã xây dựng các mô hình cho thấy rằng nhìn chung là trình độ giáo dục của một quốc gia là một yếu tố dự báo tiềm năng tăng trưởng kinh tế (Coulombe và cộng sự, 2004).

- ... *hiểu, sử dụng, phản ánh...*

Từ “sự hiểu biết” được kết nối một cách dễ dàng với “lĩnh hội đọc hiểu - reading comprehension”, một yếu tố đã được chấp nhận về đọc hiểu. Từ “sử dụng” là những khái niệm về ứng dụng và chức năng - làm điều gì đó đối với những gì chúng ta đã đọc. “Suy nghĩ về” được bổ sung thêm vào “sự hiểu biết” và “sử dụng” nhằm nhấn mạnh quan điểm cho rằng đọc hiểu là tương tác: người đọc rút ra những suy nghĩ và kinh nghiệm của mình khi tham gia vào một văn bản. Tất nhiên, mọi hành động về đọc hiểu đều yêu cầu suy nghĩ, rút ra thông tin từ bên ngoài văn bản.

Thậm chí ở những giai đoạn đầu tiên, người đọc rút ra kiến thức tượng trưng để giải mã một văn bản và yêu cầu kiến thức về từ vựng để xây dựng ý nghĩa. Khi người đọc xây dựng kho thông tin của mình, kinh nghiệm và niềm tin, họ liên tục, thường là vô tình, kiểm tra những gì đã đọc với kiến thức bên ngoài, theo đó liên tục xem xét và điều chỉnh khả năng phán đoán của mình về văn bản.

- ... *và tham gia vào ...*

Một người có năng lực đọc hiểu không chỉ có các kỹ năng và kiến thức để đọc tốt, mà còn đánh giá và sử dụng việc đọc hiểu vào nhiều mục đích khác nhau. Do đó, mục tiêu của giáo dục là không chỉ tu dưỡng trình độ mà còn tham gia vào đọc hiểu. Trong ngữ cảnh này, tham gia có nghĩa là động lực thúc đẩy để đọc và cả một cụm (cluster) những đặc điểm tình cảm và hành vi, bao gồm sự quan tâm và hứng thú về đọc hiểu, khả năng kiểm soát những nội dung người ta đọc, tham gia vào các khía cạnh xã hội của đọc hiểu và thực hiện đọc hiểu đa dạng và thường xuyên.

- ... *các văn bản viết ...*

Thuật ngữ “văn bản viết” nghĩa là tất cả những văn bản mạch lạc trong đó ngôn ngữ được sử dụng dưới dạng đồ họa, cả ở bản in và kỹ thuật số. Thay vì dùng từ “thông tin”, vốn được dùng trong một số định nghĩa đọc hiểu khác, sử dụng “văn bản” vì thuật ngữ này có liên quan tới ngôn ngữ viết và vì thuật ngữ này bao hàm cả năng lực cũng như đọc hiểu thông tin - tập trung (information - focused).

- ... *nhằm đạt được các mục tiêu cá nhân, phát triển kiến thức và tiềm năng cá*

nhân, và tham gia vào xã hội ...

Cụm từ này có nghĩa là để nắm bắt được phạm vi toàn diện của các tình huống trong đó năng lực đọc hiểu đóng một vai trò, từ cá nhân tới cộng đồng, từ trường học đến công sở, từ giáo dục chính thức tới học tập và công dân tích cực. “Nhằm đạt được các mục tiêu cá nhân, phát triển kiến thức và tiềm năng cá nhân” thể hiện rõ ràng một ý tưởng rằng năng lực đọc hiểu hỗ trợ việc thực hiện các nguyện vọng cá nhân - kể đã xác định, như tốt nghiệp hoặc tìm việc làm, hoặc là chưa xác định rõ hay chưa xác định ngay lúc đó để làm phong phú và mở rộng cuộc sống cá nhân và giáo dục suốt đời.

Từ “tham gia” được sử dụng vì thể hiện rằng năng lực đọc hiểu cho phép con người đóng góp cho xã hội cũng như để đáp ứng nhu cầu cá nhân của mình. “Tham gia” là sự tham gia về mặt xã hội, văn hóa và chính trị.

Đọc hiểu là một lĩnh vực đa chiều. Tuy có nhiều yếu tố nằm trong cấu trúc, nhưng không phải tất cả đều đưa vào để xây dựng đánh giá PISA. Chỉ có những yếu tố được coi quan trọng nhất mới được lựa chọn.

3.2. Các đặc điểm chính của năng lực Đọc hiểu

Đánh giá về năng lực Đọc hiểu PISA được xây dựng trên ba đặc điểm chính sau:

- *Tình huống (Situation)*: là phạm vi của các ngữ cảnh hoặc là mục đích diễn ra bài đọc hiểu;

- *Văn bản (Text)*: là phạm vi đọc tài liệu;

- *Khía cạnh (Aspect)*: là sự tiếp cận nhận thức (cognitive approach) nhằm xác định cách thức tham gia vào văn bản của người đọc.

Trong PISA, những đặc trưng của các biến văn bản và khía cạnh (không phải là các biến tình huống) cũng được điều chỉnh để tác động tới độ khó của nhiệm vụ.

Đọc hiểu là một hoạt động phức tạp. Các yếu tố của đọc hiểu, không tồn tại độc lập với nhau theo các ngăn gợn gàng. Chương trình khung được cung cấp nhằm đảm bảo vùng bao phủ, hướng dẫn xây dựng việc đánh giá và thiết lập các thông số để lập báo cáo, dựa trên những nội dung nằm trong các đặc trưng đã đánh dấu của mỗi nhiệm vụ.

- *Tình huống (Situation)*

Có 4 biến tình huống - cá nhân, cộng đồng, giáo dục và nghề nghiệp - được mô tả ở các đoạn dưới đây:

(1) Tình huống *cá nhân (personal)* có liên quan tới những văn bản được sử dụng nhằm đáp ứng lợi ích cá nhân, cả tính thực tiễn và trí tuệ. Loại này còn bao gồm các văn bản được dùng để duy trì hoặc xây dựng các mối quan hệ cá nhân với giữa con người. Trong đó gồm có thư cá nhân, tiểu thuyết, tiểu sử và các văn bản thông tin có dự định nhằm thỏa mãn sự tò mò.

(2) Tình huống *cộng đồng (public)* là đọc các văn bản về những hoạt động và mối quan tâm của xã hội rộng lớn. Loại này còn bao gồm các tài liệu và thông tin chính thức về các sự kiện công. Nhìn chung, các văn bản liên quan tới loại này bao gồm các kiểu blog, trang web tin tức và thông báo công khai xuất hiện dưới dạng bản in và trực tuyến.

(3) Tình huống *giáo dục (educational)* thường được thiết kế đặc biệt dành cho mục đích giảng dạy. Sách giáo khoa in và phần mềm học tập tương tác đều là những ví dụ điển hình của các tài liệu sản xuất dành cho kiểu đọc này.

(4) Tình huống *nghề nghiệp (occupational)*: Nhiều học sinh ở độ tuổi 15 sẽ ra trường và tham gia vào lực lượng lao động trong vòng 1-2 năm nữa. Nhiệm vụ đọc hiểu *nghề nghiệp (occupational)* là một trong số các nhiệm vụ có liên quan tới việc hoàn thành một số nhiệm vụ trước mắt. Trong đó có thể là tìm việc, phân quảng cáo trên một tờ báo in hoặc trực tuyến; hoặc làm theo những chỉ dẫn về nơi làm việc. Các nhiệm vụ dạng này thường được gọi là “*đọc để làm*” (*reading to do*) (Sticht, 1975; Stiggins, 1982).

Tình huống (Situation) được sử dụng trong năng lực đọc hiểu PISA để xác định văn bản và nhiệm vụ có liên quan, đề cập tới ngữ cảnh và mục đích sử dụng mà tác giả xây dựng văn bản.

Cần lưu ý rằng bốn loại trên có mối quan hệ chồng lên nhau. Trên thực tế, ví dụ: có thể sử dụng văn bản để thu hút chú ý và để hướng dẫn (cá nhân và giáo dục); hoặc tư vấn về mặt chuyên môn gồm những thông tin chung (nghề nghiệp và cộng đồng).

- Văn bản (Text)

Đọc hiểu yêu cầu cần có tài liệu cho độc giả đọc. Trong một đánh giá, tài liệu - văn bản (hoặc tập hợp các văn bản) có liên quan tới nhiệm vụ cụ thể - phải có tính chặt chẽ. Đó là, văn bản phải có khả năng đứng một mình, không cần tài liệu bổ sung có ý nghĩa để người đọc có trình độ hiểu được. Từ năm 2009, đã có bốn kiểu phân loại

chính về văn bản:

(1) Phương tiện truyền đạt (Medium): trên giấy và trên máy tính.

(2) Hoàn cảnh (Environment): theo tác giả, theo ý văn và hỗn hợp.

(3) Định dạng văn bản (Text format): liên tục, không liên tục, hỗn hợp và phức hợp.

(4) Dạng văn bản: mô tả, tường thuật, bình luận, tranh luận, hướng dẫn và giao dịch.

- *Khía cạnh (Aspect):*

Có 3 khía cạnh hướng dẫn xây dựng các nhiệm vụ đánh giá năng lực đọc hiểu: Tiếp cận và truy xuất; Tích hợp và diễn giải; Phản ánh và đánh giá.

(1) Tiếp cận và truy xuất thông tin (Access and retrieve)

Các nhiệm vụ tiếp cận và truy xuất có thể là xác định các thông tin chi tiết theo yêu cầu của nhà tuyển dụng từ quảng cáo tuyển dụng để tìm kiếm một số điện thoại với một vài mã tiền tố, để tìm kiếm một sự kiện cụ thể nhằm ủng hộ hoặc bác bỏ yêu cầu của một người nào đó. *Truy xuất* là quá trình lựa chọn thông tin cần thiết, còn *tiếp cận* là quá trình tới không gian và vị trí của thông tin cần thiết. Một số câu hỏi có thể yêu cầu chỉ truy xuất thông tin, đặc biệt ở bản in trên giấy có thể nhìn thấy ngay lập tức thông tin, nơi người đọc chỉ phải lựa chọn những nội dung phù hợp trong một không gian có thông tin được quy định rõ ràng.

(2) Tích hợp và diễn giải (Integrate and interpret)

Tích hợp và diễn giải liên quan đến việc xử lý nội dung đã đọc để làm chúng trở nên có ý nghĩa trong văn bản.

Tích hợp tập trung vào thể hiện sự hiểu biết về tính mạch lạc của văn bản. *Tích hợp* là kết nối nhiều mẫu thông tin khác nhau để biến thành có ý nghĩa, xác định các điểm giống và khác nhau giữa chúng, so sánh về mức độ hoặc hiểu về những mối quan hệ giữa nguyên nhân và kết quả.

Diễn giải là quá trình tạo ý nghĩa từ một cái gì đó vẫn chưa thể hiện ra. Khi diễn giải, người đọc xác định những giả thuyết hoặc tác động cơ sở của một phần hoặc toàn bộ văn bản.

Cả *tích hợp* và *diễn giải* đều yêu cầu phải *hình thành sự hiểu biết rộng*. Người đọc phải xem xét văn bản theo quan điểm tổng thể hoặc toàn diện. Học sinh thể hiện sự

hiểu biết ban đầu bằng cách xác định thông điệp hoặc chủ đề chính bằng cách xác định cách sử dụng hoặc mục đích chung của văn bản.

Ngoài ra, cả *tích hợp* và *diễn giải* đều liên quan tới việc *xây dựng phần diễn giải*, trong đó yêu cầu người đọc phải mở rộng những cảm nhận ban đầu của mình để xây dựng sự hiểu biết sâu sắc hơn, cụ thể hơn hoặc toàn diện về những nội dung đã đọc.

Các nhiệm vụ tích hợp bao gồm việc xác định và lập danh sách những tài liệu hỗ trợ, so sánh và đối chiếu thông tin trong đó yêu cầu người đọc phải rút ra hai hoặc nhiều mẫu thông tin từ văn bản. Để xử lý các dạng thông tin ẩn hoặc rõ ràng từ một hoặc nhiều nguồn ở các dạng nhiệm vụ này, người đọc thường phải suy luận ra mối quan hệ dự kiến.

Các nhiệm vụ *diễn giải* là rút ra suy luận từ ngữ cảnh đưa ra, ví dụ: diễn giải ý nghĩa của một từ hoặc cụm từ có đưa ra một sắc thái cụ thể vào văn bản.

Do đó, có thể xem mối quan hệ giữa các quá trình tích hợp và diễn giải là mật thiết và tương tác. Tích hợp là suy luận đầu tiên về một mối quan hệ trong văn bản (một loại diễn giải) và sau đó là ghép các thông tin lại với nhau, theo đó sẽ xây dựng được phần diễn giải nhằm hình thành một tổng thể tích hợp mới.

(3) *Phản ánh và đánh giá (Reflect and evaluate)*

Phản ánh và đánh giá là rút ra kiến thức, ý tưởng hoặc thái độ ngoài văn bản nhằm liên kết thông tin trong văn bản với các khung tham khảo (frames of reference) về khái niệm và kinh nghiệm bản thân.

Các câu hỏi *phản ánh* yêu cầu người đọc tham khảo kinh nghiệm và kiến thức bản thân nhằm so sánh, đối chiếu hoặc đưa ra giả thuyết. Các câu hỏi *đánh giá* yêu cầu người đọc rút ra nhận xét theo các tiêu chuẩn ngoài văn bản.

Phản ánh và đánh giá về nội dung văn bản yêu cầu người đọc kết nối thông tin trong văn bản với kiến thức từ các nguồn bên ngoài. Ngoài ra, người đọc phải đánh giá những tuyên bố trong văn bản với kiến thức bản thân về thế giới. Người đọc cần phải trình bày rõ ràng và bảo vệ quan điểm riêng của bản thân.

Phản ánh và đánh giá về hình thức văn bản yêu cầu người đọc đứng ngoài văn bản, xem xét một cách khách quan và đánh giá chất lượng và sự thích hợp của nó. Đánh giá mức độ thành công mà tác giả miêu tả một số đặc điểm hoặc thuyết phục người đọc sẽ không chỉ phụ thuộc vào nội dung kiến thức mà còn phụ thuộc vào khả

năng phát hiện sự tinh tế trong ngôn ngữ.

3.3. Các yếu tố ảnh hưởng tới độ khó của câu hỏi

Độ khó của nhiệm vụ về đọc hiểu tùy thuộc vào sự tương tác giữa các biến. Trong các nhiệm vụ *tiếp cận và truy xuất*, độ khó được quy định bởi số lượng các mẫu thông tin mà người đọc cần xác định, bởi số lượng suy luận cần thiết, bởi số lượng và sự nổi bật của thông tin gây nhiễu và bởi chiều dài và độ phức tạp của văn bản.

Trong các nhiệm vụ *tích hợp và diễn giải*, độ khó bị ảnh hưởng bởi các kiểu diễn giải cần thiết (ví dụ: tiến hành so sánh sẽ dễ dàng hơn so với tìm kiếm sự tương phản); bởi số lượng các mẫu thông tin cần xem xét; bởi mức độ và sự nổi bật của thông tin gây nhiễu trong văn bản và bởi bản chất của văn bản: nội dung càng ít quen thuộc và trừu tượng hơn, văn bản dài hơn và phức tạp hơn thì độ khó của nhiệm vụ càng lớn.

Ở những nhiệm vụ *phản ánh và đánh giá*, độ khó bị ảnh hưởng bởi các dạng phản ánh hoặc đánh giá đặt ra (từ ít đến khó nhất, các dạng phản ánh là: kết nối, giải thích và so sánh; nêu giả thuyết và đánh giá), bởi bản chất của kiến thức mà người đọc cần phải đưa vào văn bản (nhiệm vụ sẽ khó hơn nếu người đọc chỉ dựa vào nền tảng kiến thức hẹp và chuyên biệt, không phải là nền tảng kiến thức rộng và phổ biến); bởi độ dài và tính trừu tượng tương đối của văn bản; và bởi chiều sâu của sự hiểu biết về văn bản cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ.

Đối với các nhiệm vụ có liên quan tới *các văn bản liên tục*, độ khó bị ảnh hưởng bởi độ dài của văn bản, tính rõ ràng và minh bạch trong cấu trúc văn bản.

Đối với các nhiệm vụ có liên quan tới *các văn bản không liên tục*, độ khó bị ảnh hưởng bởi số lượng thông tin trong văn bản; cấu trúc danh sách (các danh sách đơn giản sẽ dễ làm hơn so với các danh sách phức tạp).

3.4. Các mức độ (Levels) đánh giá năng lực Đọc hiểu trong PISA:

Bảng 0.1 Bảng mô tả 6 mức độ đánh giá năng lực Đọc hiểu trong PISA

Mức độ	Điểm tối thiểu	Khả năng thực hiện của học sinh
6	698	Các nhiệm vụ ở mức độ này thường yêu cầu người đọc thực hiện nhiều suy luận, so sánh và đối chiếu một cách chi tiết và chính xác. Các nhiệm vụ yêu cầu thể hiện sự hiểu biết đầy đủ và chi tiết về một hoặc nhiều văn bản, có thể cần phải tích hợp thông tin từ nhiều văn bản. Với các thông

Mức độ	Điểm tối thiểu	Khả năng thực hiện của học sinh
		tin gây nhiều nổi bật, các nhiệm vụ yêu cầu người đọc xử lý với các ý tưởng không quen thuộc, tạo ra các dạng trừu tượng yêu cầu cần phải diễn giải. Các nhiệm vụ <i>phản ánh và đánh giá</i> có thể yêu cầu người đọc đưa ra giả thuyết hoặc phê bình đánh giá một văn bản phức hợp thuộc một chủ đề không quen thuộc, chú trọng tới các tiêu chí và khía cạnh phức tạp, áp dụng sự hiểu biết tinh tường ngoài văn bản. Một điều kiện nổi bật của các nhiệm vụ <i>tiếp cận và truy xuất</i> ở mức độ này là tính chính xác của phân tích và lưu ý tới những tiểu tiết ẩn khuất trong các văn bản.
5	626	Các nhiệm vụ ở mức độ này liên quan tới việc truy xuất thông tin yêu cầu người đọc phải xác định vị trí và sắp xếp các mẫu thông tin quan trọng kèm theo, suy luận xem thông tin nào trong văn bản có liên quan. Các nhiệm vụ phản ánh yêu cầu người đọc phải phê bình đánh giá hoặc đưa ra giả thuyết dựa trên nền tảng kiến thức chuyên biệt. Các nhiệm vụ diễn giải và phản ánh đều yêu cầu sự hiểu biết đầy đủ và chi tiết về văn bản có nội dung và định dạng không quen thuộc. Đối với các khía cạnh đọc hiểu, các nhiệm vụ ở mức độ này thường liên quan tới việc xử lý các khái niệm trái ngược với dự đoán mong đợi.
4	553	Các nhiệm vụ ở mức độ này liên quan tới việc truy xuất thông tin yêu cầu người đọc phải xác định vị trí và sắp xếp nhiều mẫu thông tin kèm theo. Một số nhiệm vụ ở mức độ này yêu cầu diễn giải ý nghĩa của sắc thái ngôn ngữ trong một phần của văn bản bằng cách xem xét toàn bộ văn bản. Các nhiệm vụ diễn giải khác yêu cầu người đọc có sự hiểu biết và áp dụng các dạng vào ngữ cảnh không quen thuộc . Các nhiệm vụ phản ánh ở mức độ này yêu cầu người đọc sử dụng kiến thức quy chuẩn và phổ thông nhằm đưa ra giả thuyết hoặc phê bình đánh giá về văn bản. Người đọc cần phải thể hiện sự hiểu biết chính xác đối với các văn bản dài hoặc phức hợp có nội dung hoặc hình thức không quen thuộc.
3	480	Các nhiệm vụ ở mức độ này yêu cầu người đọc phải xác định vị trí, và trong một số trường hợp, người đọc phải nhận ra được mối quan hệ giữa một số thông tin phải đáp ứng được các điều kiện phức tạp. Các nhiệm vụ diễn giải ở mức độ này yêu cầu người đọc tích hợp nhiều phần của văn

Mức độ	Điểm tối thiểu	Khả năng thực hiện của học sinh
		<p>bản nhằm xác định ý chính, hiểu mối quan hệ hoặc phân tích ý nghĩa của từ hoặc cụm từ. Người đọc cần phải chú ý tới nhiều đặc tính để so sánh, phản ánh hoặc phân loại. Thông thường, thông tin yêu cầu sẽ không nổi bật hoặc không có nhiều thông tin gây nhiễu; hoặc có nhiều trở ngại khác trong văn bản, ví dụ như các ý tưởng trái ngược với dự tính mong đợi hoặc diễn đạt phủ định. Các nhiệm vụ phản ánh ở mức độ này yêu cầu cần có sự liên kết, so sánh và diễn giải, hoặc có thể yêu cầu người đọc đánh giá một đặc điểm của văn bản. Một số nhiệm vụ phản ánh yêu cầu người đọc thể hiện sự hiểu biết đầy đủ về văn bản trong mối liên hệ với các kiến thức quen thuộc hàng ngày. Các nhiệm vụ khác không yêu cầu người đọc phải hiểu chi tiết về văn bản nhưng yêu cầu phải rút ra được kiến thức chung.</p>
2	407	<p>Một số nhiệm vụ ở mức độ này yêu cầu người đọc phải xác định vị trí một hoặc nhiều mẫu thông tin có thể cần phải suy luận và phải đáp ứng một số điều kiện. Một số khác yêu cầu nhận ra ý chính trong văn bản, hiểu được các mối quan hệ, hoặc phân tích ý nghĩa trong một phần giới hạn của văn bản khi thông tin không nổi bật và người đọc phải đưa ra những suy luận ở mức thấp. Các nhiệm vụ ở mức độ này có thể liên quan tới việc so sánh hoặc đối chiếu dựa trên một đặc điểm trong văn bản. Thông thường, các nhiệm vụ phản ánh ở mức độ này yêu cầu người đọc làm phép so sánh hoặc kết nối giữa các văn bản và kiến thức bên ngoài dựa trên kinh nghiệm và thái độ cá nhân.</p>
1a	335	<p>Các nhiệm vụ ở mức độ này yêu cầu người đọc xác định vị trí của một hoặc nhiều mẫu thông tin được thể hiện rõ ràng; nhận ra chủ đề chính hoặc mục đích của tác giả trong văn bản về một chủ đề quen thuộc, hoặc tạo ra mối liên kết đơn giản giữa thông tin trong văn bản và với kiến thức chung hằng ngày. Thông thường, thông tin yêu cầu trong văn bản đều nổi bật và có rất ít thông tin gây nhiễu. Người đọc được định hướng một cách rõ ràng để xem xét các yếu tố có liên quan trong nhiệm vụ và trong văn bản.</p>
1b	262	<p>Các nhiệm vụ ở mức độ này yêu cầu người đọc xác định vị trí của một</p>

Mức độ	Điểm tối thiểu	Khả năng thực hiện của học sinh
		<p>mẫu thông tin được thể hiện rõ ràng ở một vị trí nổi bật trong một văn bản ngắn, có cú pháp đơn giản với ngữ cảnh quen thuộc và dạng văn bản, ví dụ như tường thuật hoặc một danh sách đơn giản. Các văn bản thường cung cấp thông tin hỗ trợ cho người đọc, ví dụ như nhắc lại thông tin, hình ảnh hoặc biểu tượng quen thuộc. Có rất ít thông tin gây nhiễu. Ở các nhiệm vụ yêu cầu sự diễn giải, người đọc có thể cần phải liên kết đơn giản giữa các thông tin lân cận nhau.</p>

3.5. Các bài thi tham khảo lĩnh vực Đọc hiểu

BÀI 1. BẢO HÀNH

BẢO HÀNH - Văn bản 1

Máy quay Video house 89 PHỐ ELIZABETH, MELBOURNE 3000 ĐT: 9670 9601 FAX: 9602 5527 http://www.camerashots.com.au KHÁCH HÀNG SARAH BROWN PHỐ 151 GLENLYON BRUNSWICK VIC 3057	MÁY QUAY VIDEO HOUSE					
	89 Phố ELIZABETH					
	MELBOURNE VIC 3000					
	9670 9601					
	HÓA ĐƠN 26802 NGÀY 18/10/99 THỜI GIAN: 12:10					
	TÀI KHOẢN 195927 SALES 24 REG.1 RAY 6					
SẢN PHẨM	MÔ TẢ	SỐ HIỆU	DANH SÁCH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	TỔNG
1150214	ROLLY FOTONEX 250 ZOOM	3091063		1	249,08	249,08
333844	GIÁ ĐỒ MÁY QUAY			1	5,66	5,66
	Giao dịch Số tiền			Cộng	254,74	
	Visa/Thẻ ngân hàng \$254,74			Tổng	254,74	
Cảm ơn quý khách đã mua hàng						

Trên đây là hóa đơn Sarah nhận được khi cô mua máy quay mới. Dưới đây là thẻ bảo hành của máy quay. Hãy sử dụng hai tài liệu này để trả lời các câu hỏi dưới đây.

BẢO HÀNH - Văn bản 2

BẢO HÀNH MỘT NĂM : (Khách hàng cá nhân)

CHỈ CÓ GIÁ TRỊ Ở ÚC

VIDEO HOUSE & COMPANY PTY LTD - ACN 008 458 884

('VIDEO HOUSE') bảo hành cho khách hàng miễn phí khi sử dụng chiếc máy quay này mà bị sai sót bất kì bộ phận nào trong nguyên liệu cũng như chế tác.

Phiếu bảo hành này không được chuyển nhượng.

Video House sẽ phục vụ, sửa chữa hoặc thay mới miễn phí nếu Video House phát hiện bất kì bộ phận nào bị lỗi nguyên liệu hoặc chế tác trong thời hạn bảo hành.

IN RÕ

Số M 409668

Máy quay - Kiểu

.....

Số hiệu:.....

Khách hàng: *SARAH BROWN*

Địa chỉ: *151 phố GLENLYON
BRUNSWICK VIC
3057*

Ngày mua hàng:

Giá cả:

Bên bán đóng dấu

CHÚ Ý:

Gửi ngay - Dán tem

Thẻ bảo hành cần hoàn thiện thông tin và gửi cho Video House trong vòng 10 ngày kể từ ngày mua hàng.

Thẻ bảo hành quốc tế cấp theo yêu cầu

Câu hỏi 1: BẢO HÀNH

R01Q01 - 0 1 9

Em hãy sử dụng thông tin trong hoá đơn để hoàn thành thẻ bảo hành.

Tên và địa chỉ của khách hàng đã được điền sẵn.

.....
.....
.....
.....
.....

Câu hỏi 2: BẢO HÀNH

R01Q02 - 0 1 9

Sarah có bao nhiêu thời gian để gửi trả thẻ bảo hành?

.....

Câu hỏi 3: BẢO HÀNH

R01Q03- 0 1 9

Sarah đã mua thêm gì khi cô ở cửa hàng?

.....

Câu hỏi 4: BẢO HÀNH

R01Q04 - 0 1 9

Dòng “Cảm ơn quý khách đã mua hàng” in cuối trang hóa đơn. Lí do của câu này đơn thuần là lịch sự hay còn lí do nào khác nữa không?

.....
.....

BÀI 2. BẮT NẠT BẠN BÈ

Phụ huynh thiếu hiểu biết về nạn bắt nạt bạn bè

Theo khảo sát của Bộ Giáo dục công bố vào thứ Tư, chỉ có một phần ba phụ huynh được hỏi biết là con mình dính líu tới chuyện bắt nạt bạn bè.

Cuộc khảo sát tiến hành từ tháng 12 năm 1994 đến tháng 1 năm 1995, có sự tham gia của 19.000 phụ huynh, giáo viên và học sinh tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông, đây là những nơi đang xảy ra chuyện bắt nạt bạn bè.

Cuộc khảo sát đầu tiên về sự việc này do Bộ tiến hành trên học sinh từ lớp bốn trở lên. Theo cuộc khảo sát, có 22% học sinh tiểu học cho biết các em bị bạn bè bắt nạt, trong khi học sinh trung học cơ sở là 13% và học sinh trung học phổ thông là 4%.

Mặt khác, có 26% học sinh tiểu học cho biết các em bị bắt nạt, trong khi tỉ lệ giảm dần ở cấp trung học cơ sở là 20% và 6% ở cấp phổ thông.

Trong số những người trả lời, có 39% đến 65% cho biết mình đã từng bị bạn bè bắt nạt.

Cuộc khảo sát cho thấy có 37% phụ huynh học sinh tiểu học bị bắt nạt có biết về con em mình là đối tượng bị bắt nạt. Con số 34% là phụ huynh học sinh trung học cơ sở và 18% phụ huynh học sinh trung học phổ thông.

Trong số phụ huynh biết về chuyện bắt nạt, có 14% đến 18% nói là mình được giáo viên thông tin về việc này. Chỉ có 3 đến 4% phụ huynh biết con mình bị bắt nạt là theo cuộc điều tra.

Ngoài ra, cuộc điều tra còn phát hiện có 42% giáo viên tiểu học không biết chính học sinh của mình là đối tượng bắt nạt. Tỉ lệ giáo viên trung học cơ sở là 29% và trung học phổ thông là 69%.

Khi được hỏi về lí do đằng sau chuyện bắt nạt, có khoảng 85% giáo viên cho biết là do thiếu giáo dục ở nhà. Nhiều bậc phụ huynh cho rằng thiếu hiểu biết về pháp luật và lòng nhân ái ở trẻ là lí do chính.

Một chuyên viên của Bộ Giáo dục cho biết một số ý kiến đề xuất cha mẹ và gia đình nên gần gũi chuyện trò hơn nữa với con em mình để tránh chuyện bắt nạt.

Chuyện bắt nạt ở trường trở thành vấn nạn chính ở Nhật Bản sau khi Kiyoteru Okouchi 13 tuổi treo cổ tự vẫn ở Nishio, Aichi Prefecture, vào mùa thu năm 1994, để lại thư viết rằng một số bạn học cùng lớp đã nhiều lần dìm em xuống nước và moi tiền của em.

Hành động bắt nạt - tự sát đã thúc đẩy Bộ Giáo dục công bố báo cáo về nạn bắt nạt vào tháng 3 năm 1995, trong đó đề nghị giáo viên có biện pháp đuổi học những học sinh hay bắt nạt.

Nguồn: Kyodo, The Japan Times Ltd., Tokyo, ngày 23 tháng 5 năm 1996.

Bài báo trên đăng tải trên một tờ báo Nhật Bản năm 1996. Đọc và trả lời các câu hỏi sau đây.

Câu hỏi 1: BẮT NẠT BẠN BÈ R02Q01 - 0 1 9

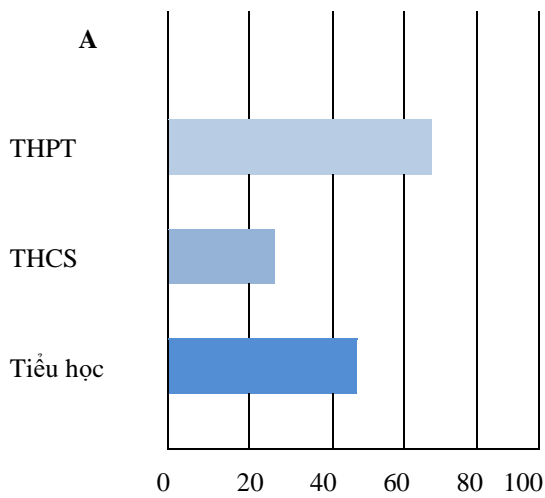
Tại sao bài báo lại đề cập tới cái chết của Kiyoteru Okouchi?

.....

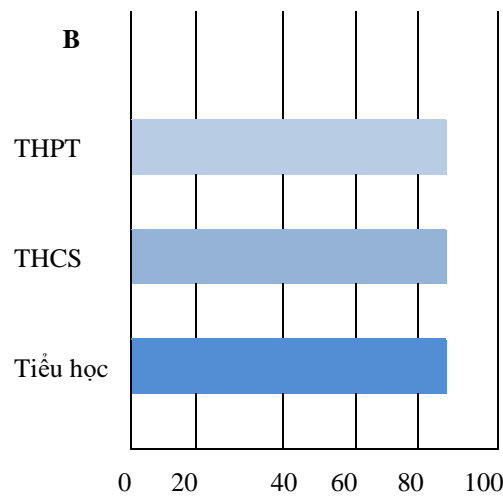
Câu hỏi 2: BẮT NẠT BẠN BÈ

Tỉ lệ giáo viên ở mỗi cấp học không biết về việc học sinh của mình đang bị bắt nạt?

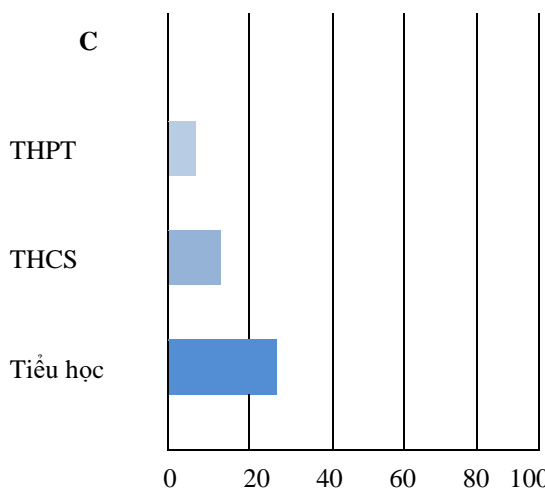
Khoanh tròn đáp án (A, B, C hoặc D) thể hiện đúng nhất.



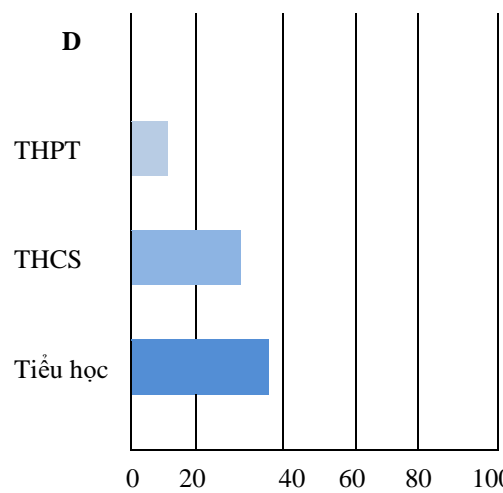
% giáo viên không biết về nạn bắt nạt



% giáo viên không biết về nạn bắt nạt



% giáo viên không biết về nạn bắt nạt



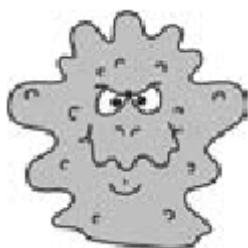
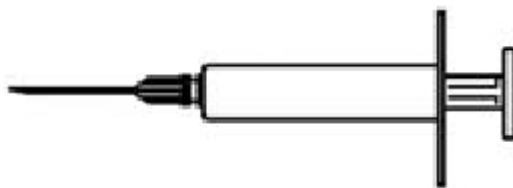
% giáo viên không biết về nạn bắt nạt

BÀI 3. BỆNH CÚM

CHƯƠNG TRÌNH TIÊM CHỦNG CÚM TỰ NGUYỆN CỦA ACOL

Chắc rằng bạn không thể lường trước được bệnh cúm có thể tấn công nhanh và mạnh đến mức nào trong mùa đông. Nó có thể khiến nạn nhân bị bệnh trong nhiều tuần.

Cách tốt nhất để chống lại vi-rút là giữ một cơ thể khoẻ mạnh. Việc tập luyện hàng ngày và chế độ ăn uống kèm với thật nhiều hoa quả và rau xanh rất được khuyến khích để hỗ trợ hệ thống miễn dịch nhằm chống lại các vi-rút này xâm nhập vào cơ thể.



ACOL đã quyết định cho nhân viên của họ được chủng ngừa để chống lại bệnh cúm như là một cách bổ sung để phòng ngừa vi-rút này lây lan giữa mọi người. ACOL đã bố trí để mời một y tá đến tiến hành tiêm chủng tại ACOL trong nửa ngày làm việc vào ngày 17 tháng 5. Chương trình này là miễn phí và giành cho tất cả thành viên của tổ chức.

Việc tham gia là tự nguyện. Các nhân viên đồng ý tiêm chủng sẽ được yêu cầu kí vào một mẫu giấy thoả thuận rằng họ không bị bất kì dị ứng nào và họ hiểu rằng có thể sẽ phải chịu một chút tác dụng phụ.

Tư vấn y tế đã chỉ ra rằng, việc tiêm chủng ngừa sẽ không sinh ra cúm. Tuy nhiên, có thể sẽ gây ra một số tác dụng phụ như mệt mỏi, sốt nhẹ và kích ứng nhẹ ở tay.

NHỮNG AI CẦN ĐƯỢC CHỦNG NGỪA?

Tất cả những ai quan tâm tới việc cần được bảo vệ khỏi vi-rút.

Việc tiêm chủng được khuyến cáo đặc biệt đối với những người trên 65 tuổi; và không kể tuổi tác, **BẤT CỨ** AI bị bệnh mãn tính, suy nhược cơ thể, đặc biệt là bệnh về tim phổi, phế quản hoặc bị tiểu đường.

Trong môi trường công sở, **TẤT CẢ** đội ngũ làm việc đều có nguy cơ nhiễm cúm.

NHỮNG AI KHÔNG NÊN TIÊM CHỦNG?

Những người bị mẫn cảm với trứng, đang bị sốt cấp tính và phụ nữ có thai.

Hãy đến bác sĩ để kiểm tra xem bạn có đang sử dụng một loại thuốc nào có phản ứng trước đó với vi-rút cúm hay không.

Nếu bạn muốn tiêm chủng trong tuần của ngày 17 tháng 5, vui lòng liên hệ với nhân viên tư vấn Fiona McSweeney trước thứ 6 ngày 7 tháng 5. Thời gian sẽ được sắp xếp sao cho phù hợp với đội ngũ y tá và phần lớn nhân viên của bạn. Nếu bạn muốn tiêm chủng trong mùa đông mà không thể tham dự theo thời gian đã sắp xếp, vui lòng báo lại với Fiona. Chúng tôi sẽ sắp xếp một phiên thay thế nếu số lượng yêu cầu thích hợp.

Vui lòng liên hệ với Fiona qua số máy lẻ 5577 để biết thêm chi tiết.

Enjoy
Good Health

Fiona McSweeney, nhân viên nhân sự tại một công ty tên là ACOL, đã chuẩn bị thông tin trên đây dành cho nhân viên của ACOL. Hãy tham khảo thông tin trên để trả lời các câu hỏi sau.

Câu hỏi 1: BỆNH CÚM

Nhận định nào dưới đây mô tả nội dung chương trình tiêm chủng ngừa bệnh cúm của công ty ACOL?

- A. Các lớp thể thao hàng ngày sẽ được diễn ra trong suốt mùa đông.
- B. Việc tiêm chủng sẽ được tiến hành trong giờ làm việc.
- C. Một phần thưởng nhỏ sẽ được cung cấp cho những người tham dự.
- D. Một bác sĩ sẽ thực hiện việc tiêm chủng.

Câu hỏi 2: BỆNH CÚM

R03Q02 - 0 1 2 9

Chúng ta có thể nói về *nội dung* của một phần bài viết (đề cập tới vấn đề gì).

Chúng ta có thể nói về *văn phong* (phương thức trình bày).

Fiona muốn *phong cách* của thông tin này phải thân thiện và mang tính khuyến khích.

Bạn có nghĩ rằng cô ấy thành công không?

Hãy đưa ra lí giải cho câu trả lời của em bằng cách đề cập tới chi tiết về bố cục, hình ảnh và các biểu đồ khác.

.....
.....

Câu hỏi 3: BỆNH CÚM

Tờ thông báo này khuyến khích bạn rằng nếu muốn bảo vệ bản thân khỏi vi-rút cúm, với một mũi tiêm cúm thì

- A. có hiệu quả hơn hẳn việc tập luyện và có chế độ ăn khoẻ, nhưng mạo hiểm hơn.
- B. một ý kiến hay, nhưng không phải dùng để thay thế cho việc tập luyện và chế độ ăn khoẻ.
- C. có tác dụng tương tự như tập luyện và có chế độ ăn khoẻ, và ít phức tạp hơn.
- D. không đáng để cân nhắc nếu bạn đã tập luyện thật nhiều và có chế độ ăn khoẻ.

Câu hỏi 4: BỆNH CÚM

R03Q04 - 0 1 9

Một phần thông tin nói rằng:

Những ai cần được tiêm chủng phòng bệnh?

Tất cả những ai quan tâm tới việc cần được bảo vệ khỏi vi-rút.

Sau khi Fiona đã lưu hành tờ thông tin này, một đồng nghiệp nói với cô ấy rằng cô ấy nên bỏ phần “Tất cả những ai quan tâm tới việc cần được bảo vệ khỏi vi-rút” vì như vậy sẽ gây hiểu lầm.

Bạn có đồng ý với ý kiến này không?

Giải thích câu trả lời đó

.....
.....
.....
.....

Câu hỏi 5: BỆNH CÚM

Dựa vào tờ thông tin, những ai trong thành viên của tổ chức nên liên hệ với Fiona?

A. Steve từ cửa hàng, anh ta không muốn phải tiêm chủng mà tự tin vào hệ thống miễn dịch tự nhiên của mình hơn.

B. Julie từ nhóm bán hàng, cô ấy muốn biết chương trình tiêm chủng này có bắt buộc hay không.

C. Alice từ phòng văn thư, cô ấy muốn tiêm chủng phòng bệnh nhưng lại đang có thai em bé hai tháng.

D. Michael từ phòng kế toán, anh ấy muốn được tiêm chủng nhưng lại nghỉ trong tuần của ngày 17 tháng 5.

BÀI 4. CẢNH SÁT

Tên tội phạm đã bị kết tội nhưng nghi can phủ nhận mọi việc. Hắn tuyên bố không biết nạn nhân. Hắn cho biết mình chưa từng biết, chưa từng đến gần, chưa hề đụng vào nạn nhân... Cảnh sát và thẩm phán cho rằng hắn đang nói dối. Nhưng làm thế nào để chứng minh điều này?

Vũ khí khoa học của cảnh sát

Tại hiện trường vụ án, nhóm điều tra đã thu thập được các mảnh chứng cứ: vụn vải, sợi tóc, dấu vân tay, mẫu thuốc lá... Có một vài sợi tóc được tìm thấy trên áo khoác nạn nhân có màu đỏ. Chúng trông khác lạ và có thể là của nghi can. Nếu chứng minh được các sợi tóc này thực sự là của hắn, đây sẽ là bằng chứng cho thấy thực tế hắn đã gặp nạn nhân.

Mỗi cá nhân là duy nhất

Các chuyên gia bắt tay vào việc. Họ tiến hành kiểm tra một số tế bào gốc của sợi tóc và một số tế bào máu của nghi phạm. Trong hạt nhân tế bào của cơ thể là DNA. Đó là gì? DNA giống như một chiếc vòng cổ làm từ hai chuỗi ngọc trai xoắn vào nhau.

Chúng ta cấu thành từ hàng tỉ tế bào

Mỗi sinh vật sống được cấu thành từ hàng tỉ tế bào. Trên thực tế, một tế bào rất nhỏ. Cũng có thể nói đây là siêu vi do phải sử dụng kính hiển vi để phóng đại lên nhiều lần. Khi nghiên cứu DNA, mỗi tế bào có một màng ngoài và nhân trong.

i truyền những gì ?

DNA tạo thành từ một số gen, mỗi gen gồm hàng ngàn "viên ngọc trai". Cùng các gen hình thành nên thể nhận dạng di truyền của mỗi người.

Tương tự là những viên ngọc trai có bốn màu, hàng ngàn viên ngọc trai sắc sỡ (tạo thành một gen) được xoắn theo thứ tự. Theo cá thể, thứ tự này giống hệt như các tế bào trong cơ thể: tế bào của tóc cũng như tế bào của ngón chân cái, tế bào của gan và tế bào của dạ dày hoặc máu. Tuy nhiên, thứ tự viên ngọc trai của từng người không giống nhau. Với số lượng ngọc trai xoắn như cách này, rất hiếm trường hợp hai người có cùng DNA, trừ cặp song sinh cùng trứng giống hệt nhau. Duy nhất của mỗi cá thể, DNA là một loại thể nhận dạng di truyền.

Theo đó, di truyền học có thể so sánh thể nhận dạng di truyền của nghi phạm (theo xét nghiệm máu) với người có

mái tóc đỏ. Nếu thể di truyền giống nhau, người ta có thể biết trên thực tế nghi phạm đã lại gần nạn nhân không trong khi hắn khẳng định chưa từng gặp.

Chỉ một mẫu bằng chứng

Cảnh sát đã tiến hành phân tích di truyền ngày càng nhiều trong các vụ tấn công tình dục, giết người, trộm cắp hoặc các vụ khác. Tại sao? Mục đích là để tìm bằng chứng về mối liên hệ giữa hai người, hai đối tượng, hoặc người và đối tượng. Chứng minh sự tiếp xúc như vậy đem lại hiệu quả cho công tác điều tra.

Nhưng không nhất thiết phải cung cấp làm bằng chứng phạm tội. Đó chỉ là một mẫu giữa nhiều bằng chứng khác.

Anne Versailles

Lấy thể nhận dạng di truyền như thế nào ?

Nhà di truyền học lấy một số tế bào của các sợi tóc tìm thấy trên người nạn nhân từ nước bọt dính trên mẫu thuốc lá. Ông đặt chúng vào một sản phẩm dùng phá hủy mọi thứ xung quanh DNA của tế bào. Sau đó, ông tiến hành động tác tương tự với một số tế bào máu của nghi phạm. Tiếp đến, DNA được chuẩn bị đặc biệt để tiến hành phân tích. Sau đó, đặt nó vào một chất keo đặc biệt, truyền dòng điện qua keo. Một vài tiếng sau, sản phẩm cho ra nhìn giống như mã vạch sọc (giống như trên các sản phẩm chúng ta mua) có thể nhìn thấy dưới một bóng đèn đặc biệt. Mã vạch sọc DNA của nghi phạm sẽ đem ra so sánh với mã vạch của sợi tóc tìm thấy trên người nạn nhân.

Nguồn: Le Ligueur, 27 tháng 5 năm 1998.

Đọc bài báo trên để trả lời các câu hỏi sau.

Câu hỏi 1: CẢNH SÁT

Để giải thích về cấu trúc DNA, tác giả nói tới chuỗi vòng ngọc trai. Chuỗi vòng ngọc giữa từng người khác nhau như thế nào?

- A. Khác về độ dài.
- B. Thứ tự các viên ngọc khác nhau.
- C. Số lượng ngọc khác nhau.
- D. Màu sắc ngọc khác nhau.

Câu hỏi 2: CẢNH SÁT

Mục đích của đoạn văn “Lấy thể nhận dạng di truyền như thế nào?” Nhằm giải thích điều gì?

- A. DNA là gì.
- B. Mã vạch là gì.
- C. Cách phân tích tế bào để tìm ra mô hình của DNA.
- D. Cách chứng minh nghi phạm có tội

Câu hỏi 3: CẢNH SÁT

Mục đích chính của tác giả?

- A. Cảnh báo.
- B. Giải trí.
- C. Thông tin.
- D. Thuyết phục.

Câu hỏi 4: CẢNH SÁT

Kết thúc phần giới thiệu có câu: “Nhưng làm thế nào để chứng minh điều này?”

Theo bài viết, nhóm điều tra nỗ lực tìm ra câu trả lời bằng cách nào?

- A. Thăm vấn nhân chứng.
- B. Tiến hành phân tích di truyền.
- C. Thăm vấn triết để nghi phạm.
- D. Xem xét lại kết quả điều tra.

BÀI 5. GRAFFITI

Hai lá thư sau được lấy từ internet nói về graffiti. Graffiti là nghệ thuật vẽ và viết không cho phép lên tường hoặc nhiều vị trí khác. Tham khảo các lá thư để trả lời các câu hỏi sau.

<p>Tôi đang vô cùng tức giận vì cứ phải tẩy sạch bức tường của trường rồi sơn lại nó tới lần thứ tư sau mỗi lần bị vẽ graffiti. Tính sáng tạo thật sự rất đáng ngưỡng mộ nhưng mọi người cần phải tìm cách để thể hiện bản thân họ mà không gây ra những chi phí phụ trội xã hội.</p> <p>Tại sao bạn lại phá hỏng uy tín của giới trẻ bằng cách vẽ những bức graffiti lên những nơi nó bị cấm? Những người nghệ sĩ chuyên nghiệp có trưng những bức tranh của họ trên phố không? Thay vào đó, họ tìm kiếm những nhà tài trợ và thu được danh tiếng qua những cuộc trưng bày hợp pháp.</p> <p>Theo quan điểm của tôi, các toà nhà, hàng rào và ghé công viên, tự bản thân chúng đã là những tác phẩm nghệ thuật rồi. Thật là thảm hại khi phá hỏng những kiến trúc đó với graffiti và còn gì nữa, đó quả là một hình thức phá huỷ tầng ô-zôn. Thật tình, tôi không thể hiểu nổi tại sao những tên tội phạm nghệ thuật đó lại có thể thấy khó chịu khi “những tác phẩm nghệ thuật” của chúng bị xoá đi khỏi tầm nhìn hết lần này sang lần khác.</p> <p style="text-align: right;">Helga</p>	<p>Không có lí giải nào đối với khiếu thẩm mỹ. Xã hội có quá nhiều các phương tiện giao tiếp và quảng cáo. Những lô-gô công ty, tên tuổi các cửa hàng. Chúng có được chấp nhận không? Hầu hết là có. Graffiti có được chấp nhận không? Một số ý kiến cho rằng có, một số thì không.</p> <p>Ai trả giá cho graffiti? Ai là người cuối cùng phải trả giá cho quảng cáo? Chính xác là người tiêu dùng.</p> <p>Những người dựng nên những bảng quảng cáo có hỏi ý kiến của bạn không? Không. Vậy những người vẽ graffiti có cần phải làm như vậy không? Không phải tất cả chỉ là câu hỏi về sự giao tiếp - tên của bạn, tên của các nhóm và những công trình nghệ thuật lớn trên phố?</p> <p>Hãy nghĩ tới những bộ quần áo kẻ sọc và kẻ ca-rô xuất hiện trong các cửa hiệu một vài năm trước. Cả đồ trượt tuyết. Các mẫu và màu sắc đều được lấy trực tiếp từ những bức tường bê tông hoa. Thật thú vị là các mẫu và màu sắc này đều được chấp nhận và yêu thích nhưng graffiti có cùng phong cách như vậy thì lại được xem là đáng sợ.</p> <p>Hiện tại thật là khó khăn đối với nghệ thuật.</p> <p style="text-align: right;">Sophia</p>
--	--

Nguồn: Marl Hankala.

Câu hỏi 1: GRAFFITI

Mục đích của mỗi lá thư trên là

- A. giải thích graffiti là gì.
- B. đưa ra một ý kiến về graffiti.
- C. chứng minh sự phổ biến của graffiti.
- D. cho mọi người biết phải tốn kém như thế nào để tẩy xoá graffiti.

Câu hỏi 2: GRAFFITI **R05Q02 - 0 1 9**

Tại sao Sôphia lại đề cập tới quảng cáo?

.....
.....
.....

Câu hỏi 3: GRAFFITI **R05Q03 - 0 1 9**

Em đồng ý với người viết lá thư nào? Hãy giải thích câu trả lời của em bằng *chính ngôn ngữ của mình* để đề cập tới những gì được nêu lên trong một hoặc cả hai bức thư.

.....
.....
.....

Câu hỏi 4: GRAFFITI **R05Q04 - 0 1 9**

Chúng ta có thể nói về *những gì* lá thư nói đến (nội dung).

Chúng ta có thể nói về *cách thức* lá thư được viết (văn phong).

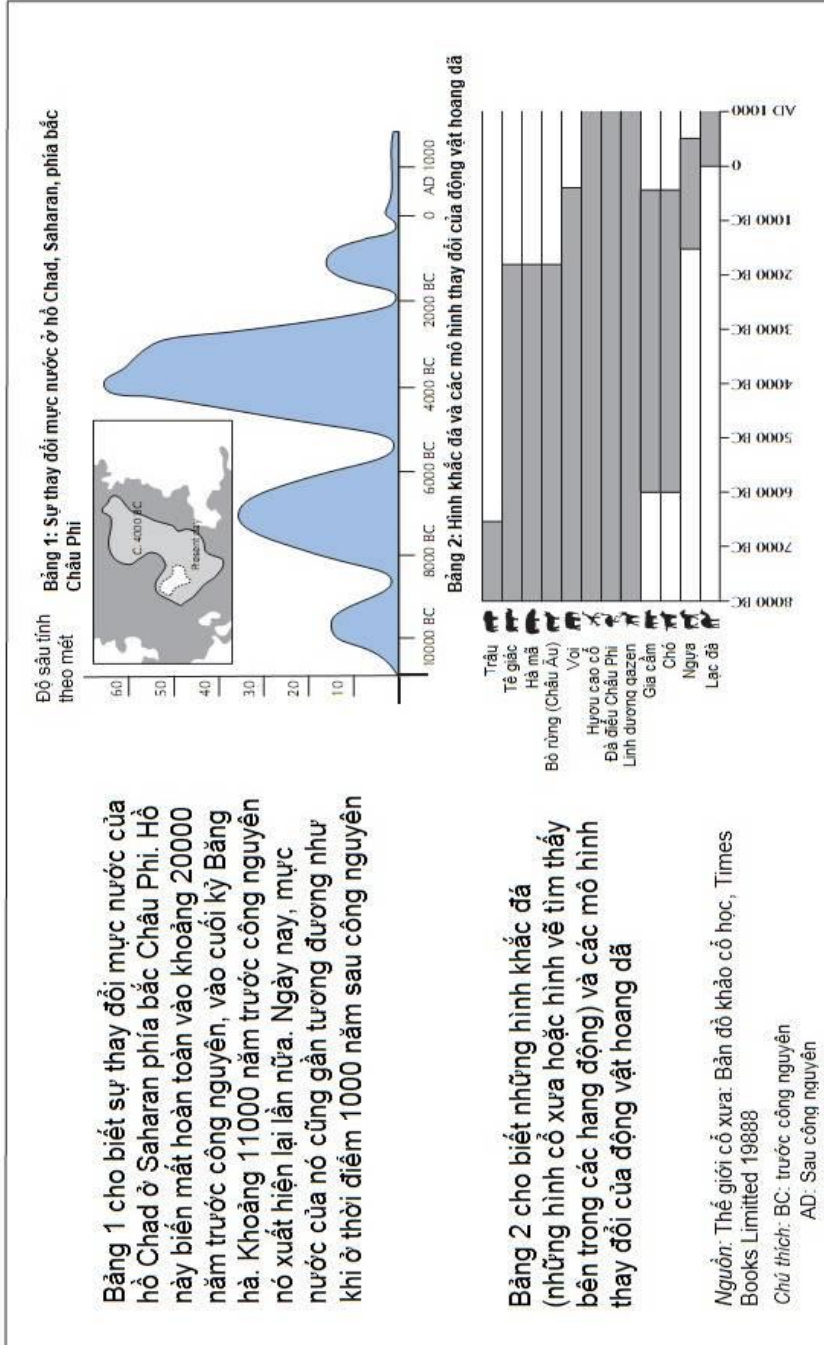
Không đề cập tới việc em đồng thuận với lá thư nào, theo ý kiến của em, lá thư nào tốt hơn?

Hãy giải thích câu trả lời của em về *cách thức* của một hoặc cả hai lá thư được viết.

.....
.....
.....

BÀI 6. HỒ CHAD

(Ghi chú: không quay ngang hình)



Sử dụng thông tin trên về hồ Chad để trả lời các câu hỏi dưới đây.

Câu hỏi 1: HỒ CHAD

Hiện tại độ sâu của hồ Chad là bao nhiêu?

- A. Khoảng 2 mét
 - B. Khoảng 15 mét
 - C. Khoảng 50 mét
 - D. Nó đã hoàn toàn biến mất
 - E. Thông tin không được cung cấp
-

Câu hỏi 2: HỒ CHAD

R06Q02 – 0 1 9

Năm bắt đầu của đồ thị trong Bảng 1 là khoảng năm nào?.

.....
.....
.....

Câu hỏi 3: HỒ CHAD

R06Q03 – 0 1 9

Tại sao tác giả lựa chọn bắt đầu đồ thị tại điểm này?

.....
.....

Câu hỏi 4: HỒ CHAD

Hình 2 được dựa trên giả định rằng:

- A. Những động vật ở trong bức tranh nghệ thuật trên đá đã xuất hiện ở thời điểm chúng được vẽ ra.
 - B. Những nghệ nhân vẽ nên các động vật đều có tay nghề rất cao.
 - C. Những nghệ nhân vẽ nên các động vật chắc rằng đã đi rất nhiều nơi.
 - D. Không xuất hiện bất kì nỗ lực nào để thuần hoá các loại động vật được mô tả trong nghệ thuật trên đá.
-

Câu hỏi 5: HỒ CHAD

Đối với câu hỏi này, các bạn cần phải rút được thông tin từ cả Hình 1 và Hình 2.

Sự biến mất của loài tê giác, hà mã và bò rừng Châu Âu từ bức nghệ thuật Sahara xảy ra:

- A. Vào những năm đầu tiên của Kỷ băng hà gần đây nhất.
- B. Vào giữa thời điểm hồ Chad đang ở mực nước cao nhất.
- C. Sau khi mực nước ở hồ Chad đã giảm đi khoảng 1000 năm.
- D. Vào thời điểm bắt đầu thời kì khô hạn kéo dài.

BÀI 7. KHẨU VỊ NGHÈO NÀN

Gửi từ Arnold Jago

Bạn có biết là năm 1996 chúng tôi đã dành phần lớn số lượng sôcôla ngang bằng với Chính phủ dành viện trợ quốc tế để cứu giúp người nghèo?

Sự ưu tiên của chúng tôi có gì sai không?

Bạn sẽ làm gì đối với sự việc này?

Vâng, chính là bạn.

Arnold Jago, Mildura

Lá thư này đăng tải trên một tờ báo của Australia năm 1997. Dựa vào lá thư để trả lời các câu hỏi sau.

Câu hỏi 1: KHẨU VỊ NGHÈO NÀN

Mục đích của Arnold Jago's trong thư là

- A. có lỗi.
- B. tiêu khiển.
- C. sợ hãi.
- D. hài lòng.

Câu hỏi 2: KHẨU VỊ NGHÈO NÀN

R07Q02 – 0 1 9

Bạn nghĩ Arnold Jago muốn nhắc nhở mọi người nên có phản ứng và hành động gì?

.....

.....

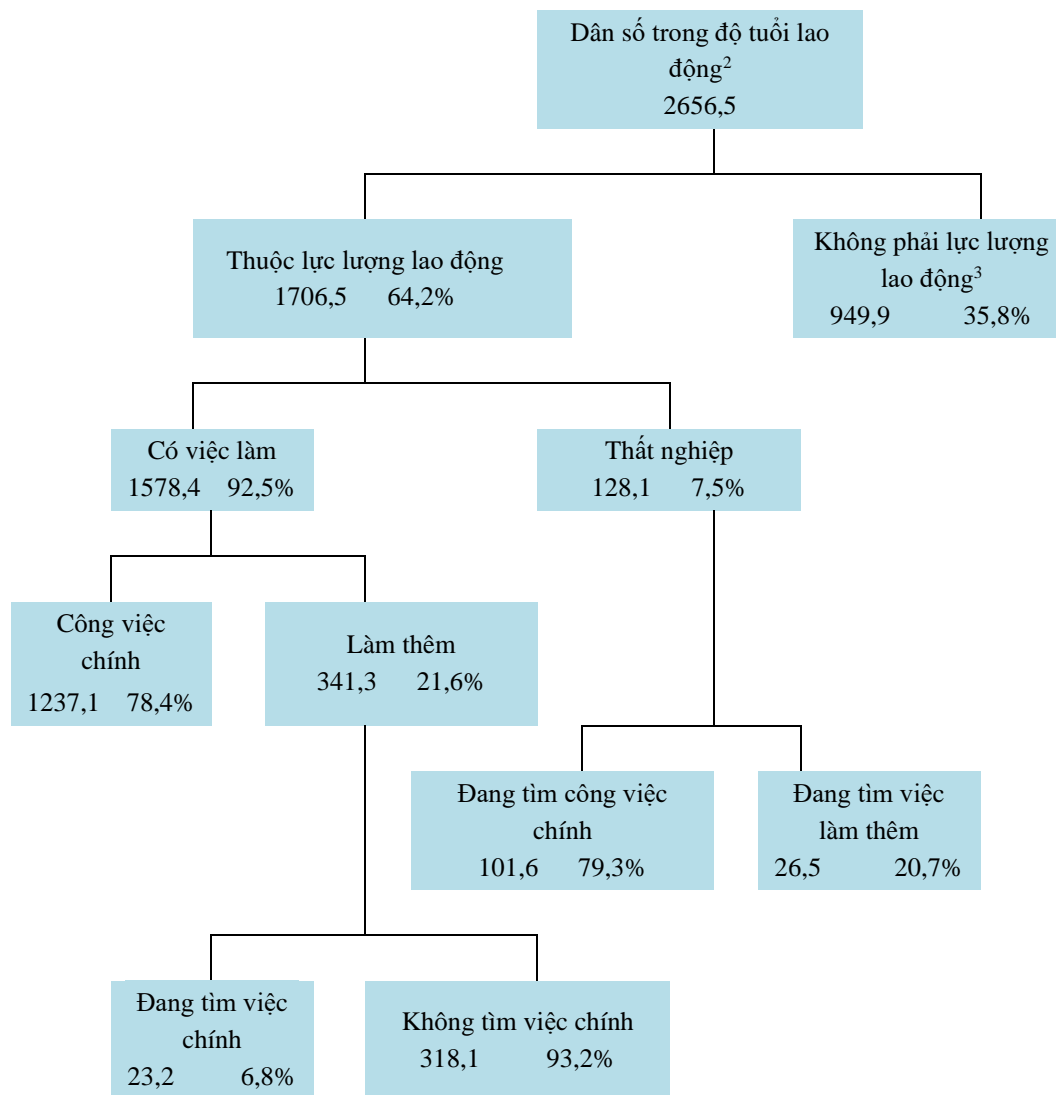
.....

BÀI 8. LAO ĐỘNG

Biểu đồ cây dưới đây mô tả cơ cấu lực lượng lao động của một quốc gia hay còn gọi là “dân số trong độ tuổi lao động”.

Tổng dân số năm 1995 của quốc gia này là 3,4 triệu người.

Cơ cấu lực lượng lao động năm tính đến ngày 31 tháng 3 năm 1995 (000s)¹



1. Số lượng người tính theo đơn vị nghìn người (000s).

2. Dân số trong độ tuổi lao động bao gồm những người trong độ tuổi từ 15 đến 65.

3. Những người “không thuộc lực lượng lao động” là các đối tượng không chủ động tìm việc và/hoặc không có khả năng đi làm.

Nguồn: D. Miller, Form 6 Economics, ESA Publications, Box 9453, Newmarket, Auckland, New Zealand, tr. 64

Câu hỏi 1: LAO ĐỘNG

Hãy cho biết dân số trong độ tuổi lao động được chia thành hai nhóm chính nào?

- A. Đi làm và thất nghiệp.
- B. Trong độ tuổi lao động và ngoài độ tuổi lao động.
- C. Lao động làm công việc chính và lao động làm thêm.
- D. Thuộc lực lượng lao động và ngoài lực lượng lao động

Câu hỏi 2: LAO ĐỘNG**R08Q02 – 0 1 2 9**

Có bao nhiêu người trong độ tuổi lao động không thuộc lực lượng lao động? (Liệt kê số lượng người, không liệt kê tỉ lệ).

.....

Câu hỏi 3: LAO ĐỘNG**R08Q03 – 0 1 2 9**

Dựa vào biểu đồ cây nêu trên, xác định những người dưới đây có thuộc biểu đồ không?

Đánh dấu câu trả lời vào ô vuông trong bảng.

Dòng đầu tiên là ví dụ.

Đối tượng lao động \ Nhóm	Thuộc lực lượng lao động: đi làm	Thuộc lực lượng lao động: thất nghiệp	Ngoài lực lượng lao động	Không thuộc nhóm nào
Nhân viên 35 tuổi, đi làm thêm	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nữ doanh nhân làm việc 60 tiếng/tuần, 43 tuổi	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Sinh viên đi làm thêm toàn bộ thời gian cho phép, 21 tuổi	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nam giới vừa bán đi cửa hàng và đang tìm việc, 28 tuổi	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nữ giới chưa từng đi làm hoặc muốn tìm việc làm, 55 tuổi	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Cụ bà thường xuyên làm việc vài tiếng mỗi ngày tại quầy hàng của gia đình, 80 tuổi	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Câu hỏi 4: LAO ĐỘNG

Giả sử thông tin về lực lượng lao động hàng năm được thể hiện bằng biểu đồ cây như trên.

Sau đây là bốn đặc điểm của biểu đồ cây. Hãy cho biết ý kiến của bạn về việc có cần thay đổi các đặc điểm này theo từng năm hay không, khoanh tròn vào “Đổi” hoặc “Không đổi”. Dòng đầu tiên là ví dụ.

Đặc điểm của biểu đồ cây	Trả lời
Tên của mỗi ô (VD: "thuộc lực lượng lao động")	Đổi / Không đổi
Tỉ lệ (VD: 64,2)	Đổi / Không đổi
Số lượng (VD: 2656,5)	Đổi / Không đổi
Chú thích bên dưới biểu đồ cây	Đổi / Không đổi

Câu hỏi 5: LAO ĐỘNG

Thông tin về cơ cấu lực lượng lao động được trình bày theo biểu đồ cây, ngoài ra có thể trình bày dưới nhiều dạng như văn viết, biểu đồ hình tròn, đồ thị hoặc bảng biểu.

Biểu đồ cây thường được chọn do thể hiện hiệu quả việc:

- A. Thay đổi theo thời gian.
- B. Quy mô tổng dân số.
- C. Kiểu lao động của mỗi nhóm.
- D. Quy mô các nhóm.

BÀI 9. MORELAND

Hệ thống thư viện Moreland cung cấp bản hướng dẫn ghi rõ giờ mở cửa.

Xem hướng dẫn để trả lời các câu hỏi sau:

		GIỜ MỞ CỬA				<i>Có hiệu lực từ ngày 1 tháng 2 năm 1998</i>
		Thư viện Brunswick	Thư viện Turnbull Campbell	Thư viện Coburg	Thư viện Fawkner	Thư viện Glenroy
Moreland	Chủ nhật	1h chiều – 5h chiều	Đóng cửa	2h chiều – 5h chiều	Đóng cửa	2h chiều – 5h chiều
	Thứ hai	11h sáng – 8h tối	11h sáng – 5:30h chiều	1h chiều – 8h tối	11h sáng – 5:30h chiều	10h sáng – 5:30h chiều
	Thứ ba	11h sáng – 8h tối	11h sáng – 8h tối	11h sáng – 8h tối	11h sáng – 8h tối	10h sáng – 8h tối
	Thứ tư	11h sáng – 8h tối	11h sáng – 5h chiều	10h sáng – 8h tối	11h sáng – 5h chiều	10h sáng – 8h tối
	Thứ năm	11h sáng – 8h tối	11h sáng – 5:30h chiều	10h sáng – 8h tối	11h sáng – 5:30h chiều	10h sáng – 8h tối
	Thứ sáu	11h sáng – 5h chiều	11h sáng – 5h chiều	10h sáng – 8h tối	11h sáng – 5h chiều	10h sáng – 5:30h chiều
	Thứ bảy	10h sáng – 1h chiều	10h sáng – 1h chiều	9h sáng – 1h chiều	10h sáng – 1h chiều	9h sáng – 1h chiều

Câu hỏi 1: MORELAND

R09Q01 – 0 1 9

Vào thứ tư, thư viện Fawkner đóng cửa lúc mấy giờ?

.....

Câu hỏi 2: MORELAND

Thư viện nào vẫn còn mở cửa lúc 6h chiều thứ sáu?

- A. Brunswick.
- B. Turnbull Campbell.
- C. Coburg.
- D. Fawkner.
- E. Glenroy.

BÀI 10. QUY ĐỊNH MỚI

Công nghệ tạo ra nhu cầu về những quy định mới

KHOA HỌC có cách riêng đi trước pháp luật và các quy tắc. Đó là sự kiện đột ngột xảy ra năm 1945 khi bom nguyên tử phá hủy cuộc sống con người, hiện đang xảy ra trên phương diện sáng tạo với kỹ thuật nhằm khắc phục sự vô sinh của con người.

Mọi người đều vui mừng cho gia đình Brown ở nước Anh, khi Louise, đứa bé đầu tiên được thụ tinh trong ống nghiệm ra đời. Song điều làm chúng ta kinh ngạc nhất là: các ca sinh nở khỏe mạnh gần đây đều là phôi thai đông lạnh chờ đến thời điểm thích hợp để cấy ghép vào người mẹ.

Câu chuyện về hai phôi thai đông lạnh ở Úc đã làm dấy lên sóng gió nghi vấn về tính pháp lí và đạo lí. Đó là chuyện về phôi thai dành cấy ghép cho Elsa Rios, vợ của Mario Rios. Việc cấy ghép trước đó đã không thành công, song vợ chồng Rios vẫn muốn thử cơ hội khác để được làm cha mẹ. Nhưng trước khi họ đến với cơ hội thứ hai, vợ chồng Rios đã thiệt mạng trong một vụ tai nạn máy bay.

Bệnh viện Úc giải quyết phôi thai này thế nào? Liệu có thể cấy ghép vào người khác hay không? Rất nhiều người đã tình nguyện làm việc này. Phôi thai có quyền lợi gì với số tài sản đáng kể của vợ chồng Rios? Hay là nên bỏ phôi thai này đi? Điều dễ hiểu là vợ chồng Rios đã không tiên liệu trước tương lai của phôi thai.

Người dân Úc thành lập một Ủy ban nghiên cứu về vấn đề này. Tuần trước, Ủy ban này đã làm xong báo cáo. Họ cho rằng nên làm tan chảy phôi thai, vì việc hiến tặng phôi cho người khác cần phải có sự đồng ý của “người sản xuất”, trong trường hợp này lại không có. Họ cũng cho rằng hiện nay, phôi thai đang ở trạng thái không có sự sống hay quyền lợi gì, do vậy nên được hủy bỏ.

Sử dụng bài báo “Công nghệ tạo ra nhu cầu về những quy định mới” ở trang trước để trả lời các câu hỏi sau.

Các thành viên của Ủy ban nghiên cứu biết rằng họ đang đi ngược lại với các giá trị đạo đức và pháp lí. Do vậy, họ đề nghị dành ba tháng để trưng cầu ý kiến về đề xuất này. Nếu bị phản đối kịch liệt, họ sẽ xem xét lại.

Những cặp vợ chồng trong danh sách tham gia các chương trình thụ tinh trong ống nghiệm ở bệnh viện Queen Victoria ở Sydney cần tiên liệu trước số phận cho phôi thai nếu có điều gì xảy ra với họ.

Điều này nhằm đảm bảo không tái diễn tình huống tương tự xảy ra như đối với gia đình Rioses. Nhưng còn các câu hỏi phức tạp khác thì sao? Ở Pháp, gần đây có một phụ nữ đã đi đến tòa để xin phép sinh con từ tinh trùng đông lạnh của người chồng quá cố. Làm thế nào để giải quyết một yêu cầu như vậy? Cần phải làm gì nếu người mang thai hộ phá hợp đồng sinh con và từ chối trao đứa trẻ chính cô đã hứa sẽ sinh cho người khác?

Đến nay, xã hội đã thất bại trong việc đặt ra quy tắc pháp lí thực thi nhằm kiềm chế tiềm lực hủy diệt của năng lượng nguyên tử. Chúng ta đang gặp phải những ác mộng từ thất bại đó. Tình trạng lạm dụng năng lực nhà khoa học để thúc đẩy hoặc trì hoãn sự sinh sản đang diễn ra. Cần thiết lập ranh giới pháp lí và đạo lí trước khi chúng ta lạc đường quá xa.

Câu hỏi 1: QUY ĐỊNH MỚI

R10Q01 – 0 1 9

Gạch chân câu diễn giải việc người dân Úc đã làm để đưa ra quyết định giải quyết đối với phôi thai đông lạnh của cặp vợ chồng thiệt mạng trong vụ tai nạn máy bay.

Câu hỏi 2: QUY ĐỊNH MỚI

R10Q02 – 0 1 2 9

Nêu hai ví dụ từ bài báo minh họa về việc tạo ra công nghệ hiện đại – được sử dụng trong cấy ghép phôi đông lạnh – đã tạo ra nhu cầu về những quy định mới như thế nào?

.....
.....

BÀI 11. VẬN ĐỘNG

Cảm thấy thoải mái khi vận động

Suốt 14 năm, Trung tâm Y tế Thể thao của Lyon (nước Pháp) nghiên cứu về các chấn thương của giới trẻ chơi thể thao và các vận động viên thể thao chuyên nghiệp. Nghiên cứu đã chỉ ra rằng khóa học quan trọng nhất chính là việc phòng ngừa... và những đôi giày tốt.



Va đập, hông hóc, hao mòn...

Mười tám phần trăm những người chơi thể thao lứa tuổi từ 8 đến 12 đều bị chấn thương. Phần sụn mắt cá chân của một cầu thủ bóng đá không phản xạ tốt lắm đối với các va đập, và 25% các vận động viên chuyên nghiệp đều tự khám phá ra rằng đó là một điểm yếu đặc biệt. Phần sụn ở phần nhạy cảm của khớp gối cũng có thể bị tổn thương khó phục hồi và nếu không chăm sóc cẩn thận từ khi còn nhỏ (10–12 tuổi), thì có thể gây ra viêm xương khớp từ sớm. Kể cả phần hông cũng không thể tránh khỏi việc bị tổn thương, đặc biệt là lúc mệt mỏi, người chơi thể thao có thể gặp nguy cơ bị rạn gãy xương như khi bị ngã hoặc va chạm.

Theo nghiên cứu, những cầu thủ bóng đá thường xuyên vận động trong hơn 10 năm có xương ở phần ống chân hoặc gót chân phát triển hơn hẳn.

Tình trạng này gọi là “chân của cầu thủ bóng đá”, gây ra bởi các loại giày có phần đế và phần mắt cá quá mềm.

Bảo vệ, hỗ trợ, độ bền, đàn hồi

Nếu giày quá cứng, nó sẽ hạn chế các hoạt động di chuyển. Nếu nó quá mềm, thì lại làm tăng nguy cơ bị thương và bong gân. Một chiếc giày thể thao tốt phải đáp ứng đủ bốn tiêu chí:

Đầu tiên, nó phải **cung cấp sự bảo vệ từ bên ngoài**: chịu sốc, va đập từ bóng hoặc từ những người khác, chịu được những bề mặt không bằng phẳng, và **giữ cho bàn chân được ấm và khô ráo kể cả khi trời buốt giá hay trời mưa**.

Nó phải **hỗ trợ được cho bàn chân**, đặc biệt là phần khớp ở mắt cá chân, tránh bong gân sưng và các vấn đề khác có thể ảnh hưởng tới cả đầu gối.

Nó cũng cần phải có **độ bền** cao để họ không bị trượt ngã khi đi trên bề mặt ướt hay bề mặt quá khô.

Cuối cùng, nó phải **đàn hồi được các va đập và sốc**, đặc biệt là khi va đập như của các cầu thủ bóng chuyền hay bóng rổ thường xuyên phải thực hiện các động tác bật nhảy.

Khô ráo bàn chân

Để tránh được những tình huống nhỏ nhưng gây đau đớn như sưng tấy hoặc bị trầy xước hay bệnh về chân của các vận động viên (nhiễm trùng nấm), chiếc giày phải thoáng để thoát **mồ hôi và phải chống được ướt. Vật liệu lí tưởng là da thuộc, vật liệu chống nước, giúp cho giày không bị thấm khi phải đi vào trời mưa**.

Nguồn: Revue ID (16) 1–15 June 1997.

Sử dụng bài báo trong trang trước để trả lời các câu hỏi sau đây

Câu hỏi 1: VẬN ĐỘNG

Tác giả muốn chỉ ra điều gì trong tài liệu trên?

- A. Chất lượng của rất nhiều giày thể thao đã được cải tiến đáng kể.
- B. Tốt nhất không nên chơi bóng đá khi bạn chưa đủ 12 tuổi.
- C. Giới trẻ đang bị ảnh hưởng và ngày càng bị thương nhiều hơn do điều kiện thể chất kém.
- D. Đi những đôi giày thể thao tốt rất quan trọng đối với giới trẻ chơi thể thao.

Câu hỏi 2: VẬN ĐỘNG**R11Q02 – 0 1 9**

Theo bài báo trên, tại sao giày thể thao không nên quá cứng?

.....

.....

.....

Câu hỏi 3: VẬN ĐỘNG**R11Q03 – 0 1 9**

Một phần bài báo nói :“Một chiếc giày thể thao tốt cần đáp ứng đủ bốn tiêu chí”.

Các tiêu chí đó là gì?

.....

.....

.....

.....

Câu hỏi 4: VẬN ĐỘNG

Quan sát câu sau nằm gần cuối bài báo. Được chia theo hai phần:

“Để tránh được những tình huống nhỏ nhưng gây đau đớn như sưng tấy hoặc bị trầy xước hay bệnh về chân của các vận động viên (nhiễm trùng nấm)...”.	(phần một)
“...chiếc giày phải thoáng để thoát mồ hôi và phải chống được ướt. Vật liệu lí tưởng là da thuộc, vật liệu chống nước, giúp cho giày không bị thấm khi phải đi vào trời mưa”.	(phần hai)

Mối quan hệ giữa phần đầu và phần hai của câu trên là gì?

- A. Phần hai mâu thuẫn với phần một.
- B. Phần hai lặp lại phần một.
- C. Phần hai minh họa vấn đề được mô tả trong phần một.
- D. Phần hai đưa ra giải pháp cho vấn đề được mô tả trong phần một.

BÀI 12. VỊ QUAN TÒA CÔNG TÂM

Đọc câu chuyện về vị quan tòa công tâm để trả lời các câu hỏi liên quan.

VỊ QUAN TÒA CÔNG TÂM

Vị vua Algeria tên là Bauakas muốn tìm hiểu xem có đúng là trong đất nước của ông có một vị quan tòa có khả năng tìm ra sự thật rất nhanh và không có tên lừa đảo nào qua mặt được như ông đã nghe kể hay không. Bauakas cải trang thành thương nhân và lên ngựa tới thành phố nơi quan tòa sống.

Trên đường vào thành phố, một người tàn tật lại gần và cầu xin nhà vua bố thí. Bauakas cho anh ta tiền và định đi tiếp thì anh ta túm lấy quần áo của ông.

“Anh muốn gì nữa?” nhà vua hỏi. “Chẳng lẽ tôi chưa cho anh tiền sao?”

“Ông đã bố thí cho tôi rồi”, người tàn tật nói, “Giờ ông hãy ban cho tôi một ân huệ. Xin cho tôi quá giang một đoạn đường vào quảng trường thành phố, nếu không lũ ngựa và lạc đà sẽ giẫm đạp tôi”.

Bauakas cho người tàn tật ngồi phía sau và đưa anh ta vào quảng trường thành phố. Tới đây, ông dừng ngựa nhưng người tàn tật không xuống.

“Chúng ta đã đến quảng trường, tại sao anh không xuống?” Bauakas hỏi.

“Sao tôi phải làm thế?” gã ăn xin đáp lại. “Con ngựa này là của tôi. Nếu ông không muốn trả lại, chúng ta sẽ đến tòa giải quyết”.

Nghe thấy cãi nhau, người xung quanh bảo họ:

“Đến gặp quan tòa đi! Ông ấy sẽ giải quyết cho hai người!”.

Bauakas và người tàn tật đến gặp quan tòa. Ở tòa đang có nhiều người khác, vị quan gọi từng người theo thứ tự. Trước khi đến lượt Bauakas và người tàn tật, vị quan tòa đang nghe chuyện của một trí thức và người nông dân. Họ đến cùng một phụ nữ; người nông dân cho biết đó là vợ ông, còn người học giả lại bảo của vợ mình. Vị quan tòa nghe xong, im lặng một lúc, rồi nói:

“Để người phụ nữ này ở đây, ngày mai hai người quay lại”.

Khi hai người kia đi khỏi, có người bán thịt và người bán dầu đến trước vị quan tòa. Người bán thịt dính đầy máu còn người bán dầu dính đầy dầu. Trong tay người bán thịt cầm tiền còn người bán dầu đang giữ tay anh ta.

“Tôi đang mua dầu của người này”, – người bán thịt kể – “Khi tôi đang rút ví lấy tiền để trả, hắn liền túm lấy tay tôi và cố lấy tiền của tôi. Đó là nguyên nhân chúng tôi đến gặp ngài – tôi đang giữ ví của mình, còn hắn đang cầm tay tôi. Nhưng đây là tiền của tôi, hắn chính là tên ăn cắp”.

Đến lượt người bán dầu kể. “Đó không phải là sự thật”, anh ta nói. “Người bán thịt đến mua dầu, sau khi tôi đã đổ đầy chai dầu, hắn nhờ tôi đổi một mẩu vàng. Khi tôi lấy tiền ra và đặt lên ghé, hắn đã tóm lấy và định chạy trốn. Tôi nhanh tay túm lấy hắn và như ngài thấy tôi đem hắn đến cho ngài xử”.

Vị quan tòa im lặng một lúc rồi nói: “Để tiền lại đây, ngày mai hai người quay lại”.

Khi đến lượt mình, Bauakas kể lại chuyện xảy ra. Vị quan tòa lắng nghe, sau đó yêu cầu kẻ ăn mày kể.

“Tất cả những gì hấn nói không phải sự thật”, tên ăn mày nói. “Hấn đang ngồi dưới đất, gặp tôi đi vào thành phố, hấn xin đi nhờ. Tôi cho hấn lên ngựa đi cùng và đưa hấn tới nơi cần đến. Nhưng khi chúng tôi đến đây, hấn không chịu xuống mà lại còn cãi đây là ngựa của hấn, đó không phải sự thật”.

Vị quan tòa suy nghĩ một lát rồi bảo: “Để con ngựa ở đây, ngày mai hai người quay lại”.

Ngày hôm sau, nhiều người đến tòa nghe phán quyết của vị quan.

Đầu tiên là vụ của nông dân và trí thức.

“Đưa vợ ông đi”, vị quan nói với người trí thức, “tên nông dân này bị phạt đánh 50 roi”.

Người trí thức đưa vợ đi, còn nông dân ở lại chịu phạt.

Tiếp đến vị quan gọi người bán thịt.

“Tiền này là của anh”, ông nói. Sau đó vị quan chỉ vào kẻ bán dầu và nói: “Phạt đánh hấn 50 roi”.

Sau đó, ông gọi Bauakas và tên ăn mày.

“Ông có thể nhận ra con ngựa của ông giữa một đàn có hai mươi con không?” vị quan hỏi Bauakas.

“Tôi nhận được”, đức vua đáp.

“Còn anh?” ông hỏi người tàn tật.

“Tôi nhận được”, hấn trả lời.

“Đi theo tôi”, vị quan tòa nói với Bauakas.

Họ đến chuồng ngựa. Bauakas chỉ ngay vào con ngựa của ông đang đứng giữa hai mươi con khác. Tiếp đến, vị quan đưa người tàn tật đến chuồng ngựa nhận dạng. Hấn nhận ra ngựa và chỉ vào nó. Vị quan quay về tòa và ngồi xuống ghế.

“Mang con ngựa đi, nó là của ông”, vị quan nói với Bauakas. “Phạt tên ăn mày này 50 roi”.

Khi quan tòa trở về nhà, Bauakas đi sau ông.

“Ông cần gì nữa?” vị quan hỏi. “Chẳng lẽ ông không vừa lòng với phán quyết của tôi à?”

“Tôi hài lòng”, Bauakas trả lời. “Nhưng tôi rất muốn được biết là tại sao ông biết người phụ nữ kia là vợ của học giả, tiền là của người bán thịt, con ngựa là của tôi chứ không phải của tên ăn mày”.

“Đây là lí do tôi biết về thân thế của người phụ nữ: Sáng nay tôi đưa cho chị ta và nói: “Hãy đổ đầy lọ mực này cho tôi”.

Chị ta cầm lấy, nhanh chóng và khéo léo rửa sạch, sau đó đổ đầy mực vào; do đó đây chắc hẳn là công việc chị ta quen làm. Nếu là vợ của nông dân, chị ta sẽ không biết làm việc này. Điều đó chứng tỏ người trí thức nói thật.

“Và đây là lí do tôi biết về số tiền: Tôi thả tiền vào một cốc nước đầy, sáng ra tôi quan sát xem có dầu nổi trên mặt nước hay không. Nếu là của người bán dầu, tiền này sẽ dính dầu. Nhưng không có dầu nổi trên mặt nước nên người bán thịt đã nói thật.

“Còn chuyện tìm ra ngựa thì phức tạp hơn. Người tàn tật đã nhận ra ngựa giữa hai mươi con khác và ông cũng thế. Tuy nhiên, mục đích tôi đưa hai người vào chuồng ngựa không phải để nhận dạng, mà tôi muốn xem chú ngựa biết ai. Khi ông lại gần, chú ngựa ngoái đầu lại nhìn

và rướn cổ về phía ông nhưng khi người tàn tật chạm vào, nó vênh tai và nâng chân lên. Theo đó, tôi biết ông chính là chủ nhân thực sự của chú ngựa này”.

Bauakas nói với vị quan tòa: “Tôi không phải dân buôn mà là vua Bauakas, tôi đến đây để chứng thực những lời đồn về ông. Tôi thấy ông là vị quan thông minh. Hãy nói cho tôi biết ông muốn gì, ông sẽ được nhận như một phần thưởng của tôi”.

“Tôi không cần phần thưởng”, vị quan tòa đáp lời, “lời khen của Ngài chính là phần thưởng cho tôi rồi”.

Câu hỏi 1: VỊ QUAN TÒA CÔNG TÂM

Ở đoạn đầu câu chuyện, chúng ta được biết Bauakas đã cải trang thành một thương nhân.

Tại sao Bauakas không muốn bị phát hiện?

- A. Ông muốn biết liệu mình có được tuân lệnh ngay cả khi cải trang thành “dân thường”.
- B. Ông dự định xuất hiện trước vị quan tòa trong vai của một thương nhân.
- C. Ông thích cải trang để đi lại tự do và trêu chọc người khác.
- D. Ông muốn quan sát vị quan tòa làm việc như bình thường, không bị ảnh hưởng khi nhà vua xuất hiện.

Câu hỏi 2: VỊ QUAN TÒA CÔNG TÂM

Vị quan tòa đã làm cách nào để biết người phụ nữ là vợ của học giả?

- A. Bằng cách quan sát hình dáng và thấy chị ta không có vẻ ngoài giống vợ của một người nông dân.
- B. Bằng cách nghe người trí thức và nông dân kể lại câu chuyện trước tòa.
- C. Bằng cách theo dõi chị ta phản ứng với người trí thức và nông dân trước tòa.
- D. Bằng cách kiểm tra kinh nghiệm làm việc giúp đỡ chồng.

Câu hỏi 3: VỊ QUAN TÒA CÔNG TÂM

Em có nghĩ rằng việc vị quan tòa tuyên CÙNG một hình phạt cho các tội phạm là công bằng hay không? Giải thích câu trả lời, đề cập tới điểm giống và khác nhau giữa ba trường hợp trong câu chuyện.

.....
.....
.....

Câu hỏi 4: VỊ QUAN TÒA CÔNG TÂM

Nội dung chính của câu chuyện là gì?

- A. Những tên tội phạm chính
- B. Công lí sáng suốt.
- C. Người trị vì giỏi.
- D. Mưu mẹo thông minh.

Câu hỏi 5: VỊ QUAN TÒA CÔNG TÂM

R12Q05 – 0 1 9

Với câu hỏi này, em cần so sánh giữa pháp luật và công lí ở đất nước mình với pháp luật và công lí nêu trong câu chuyện.

Trong truyện này, những tên tội phạm đã bị pháp luật trừng trị. Còn điểm gì *TƯƠNG ĐỒNG* giữa pháp luật và công lí ở nước của em với pháp luật và công lí trong câu chuyện này?

.....
.....
.....

Trong truyện, vị quan tòa đã phạt mỗi tên tội phạm 50 roi. Ngoài các hình thức tuyên phạt, có điểm nào *KHÁC* giữa pháp luật và công lí ở nước của em với pháp luật và công lí thể hiện trong câu chuyện này?

.....
.....
.....

Câu hỏi 6: VỊ QUAN TÒA CÔNG TÂM

Tên nào chính xác nhất sau đây mô tả câu chuyện này?

- A. Câu chuyện dân gian.
- B. Câu chuyện du lịch.
- C. Ghi chép lịch sử.
- D. Thảm kịch.

3.6. Hướng dẫn mã hóa một số bài thi lĩnh vực Đọc hiểu

BÀI 1. BẢO HÀNH

BẢO HÀNH: HƯỚNG DẪN MÃ HÓA CÂU HỎI 1

1. KIỂU DÁNG

Mức đầy đủ: Xác định đúng sản phẩm

- Rolly Fotonex 250 Zoom.
- Rolly Fotonex.
- Fotonex.

Không đạt:

– Câu trả lời khác:

- 150214 [đây là số sản phẩm không phải là tên và kiểu máy quay].
- Rolly fotonex 250 Zoom Tripod. [*thông tin thừa và gây hiểu nhầm, kém hiểu biết trong hình thức và nội dung hóa đơn*].

– Không trả lời

2. SỐ HIỆU

Mức đầy đủ: 3091063.

Không đạt: Không trả lời.

3. NGÀY MUA HÀNG

Mức đầy đủ: 18/10/99.

Có thể ghi thời gian theo cách khác nhưng phải đủ ngày, tháng và năm:

- ngày 18 tháng 10 năm 1999.

Có thể cung cấp thêm thông tin:

- 18/10/99, 12:10 chiều.

Không đạt: Không trả lời.

4. GIÁ CẢ

Mức đầy đủ: (\$) 249,08

Không đạt: Không trả lời.

BẢO HÀNH: HƯỚNG DẪN MÃ HÓA CÂU HỎI 2

Mức đầy đủ: nêu được 10 ngày.

- Mười ngày.
- Trong vòng 10 ngày kể từ ngày mua hàng

Không đạt: Không trả lời hoặc trả lời thiếu.

BẢO HÀNH: HƯỚNG DẪN MÃ HÓA CÂU HỎI 3

Mức đầy đủ: Giá đỡ máy quay.

Không đạt: Câu trả lời khác hoặc không trả lời.

BẢO HÀNH: HƯỚNG DẪN MÃ HÓA CÂU HỎI 4

Mức đầy đủ: Đề cập rõ hoặc ẩn dụ tới sự phát triển *mối quan hệ doanh nghiệp – khách hàng*:

- Được đón bạn là niềm vui của chúng tôi.
- Tạo mối quan hệ tốt với khách hàng.

Không đạt

– Các câu trả lời:

- Họ thể hiện lịch sự.
- Họ vui mừng khi bạn mua máy quay ở đây.
- Họ muốn bạn cảm thấy là người đặc biệt.
- Để khách hàng biết là họ rất được cảm kích.

– Không trả lời hoặc trả lời thiếu.

BÀI 2. BẮT NẠT BẠN BÈ

BẮT NẠT BẠN BÈ: HƯỚNG DẪN MÃ HÓA CÂU HỎI 1

Mức đầy đủ:

Liên hệ được sự việc bắt nạt – tự sát tới phản ứng của dư luận và / hoặc cuộc khảo sát HOẶC nêu được ý kiến là cái chết này có liên quan tới nạn bắt nạt quá đáng. Sự liên hệ này cần nêu rõ hoặc suy luận:

- Giải thích lí do tiến hành cuộc khảo sát.
- Cung cấp nguyên nhân vì sao mọi người rất quan tâm về nạn bắt nạt bạn bè ở Nhật Bản.
 - Đó là một cậu bé đã phải tự sát vì bị bắt nạt.
 - Cho thấy liệu nạn bắt nạt sẽ còn tiếp diễn đến đâu.
 - Đó là một vụ việc tội tệ.
 - Cậu bé treo cổ tự vẫn và để lại thư cho biết mình đã bị bắt nạt rất nhiều lần. Ví dụ, nhóm bạn xấu lấy tiền của cậu và còn nhiều lần dìm cậu xuống dòng nước gần đó. *[Mô tả về tính nghiêm trọng của vụ việc].*
- Vụ việc này được đề cập tới vì họ cảm thấy quan trọng phải chấm dứt nạn bắt nạt, để giáo viên và phụ huynh để mắt tới con cái mình vì các em có thể mắc lỗi tương tự nếu sự việc đi quá xa vì không được giúp đỡ *[Cách diễn đạt dài cho thấy sự việc cần nâng cao nhận thức cộng đồng].*

Không đạt:

– Câu trả lời không liên quan hoặc mơ hồ, trong đó cho rằng nhắc lại vụ việc của Kiyoteru Okouchi là chuyện giạt gân:

- Cậu là nam sinh Nhật Bản.
 - Trên thế giới có nhiều vụ việc tương tự.
 - Sự việc này mục đích là thu hút sự chú ý của bạn.
 - Do cậu bị bạn bè bắt nạt. *[Giống như trả lời câu hỏi, “tại sao cậu bé tự sát?”, không phải là lí do được đề cập trong bài báo, không có giá trị liên hệ. Không đủ tính ẩn ý].*
 - Do mức độ hành vi bắt nạt không được chú ý. *[Không rõ nghĩa. Gây ra hiểu nhầm].*
- Không trả lời hoặc trả lời thiếu.

BẮT NẠT BẠN BÈ: HƯỚNG DẪN MÃ HÓA CÂU HỎI 2

Mức đầy đủ: Khoanh tròn A (chữ cái A hoặc biểu đồ).

Không đạt: Câu trả lời khác hoặc không trả lời.

BÀI 3. BỆNH CÚM

BỆNH CÚM: HƯỚNG DẪN MÃ HÓA CÂU HỎI 1

Mức đầy đủ: B. Việc tiêm chủng sẽ được tiến hành trong giờ làm việc.

Không đạt: Các câu trả lời khác hoặc không trả lời.

BỆNH CÚM: HƯỚNG DẪN MÃ HÓA CÂU HỎI 2

Mức đầy đủ:

Đề cập chính xác tới văn bản và liên kết văn phong với mục đích, nhất quán với “thân thiện và mang tính khuyến khích”. Câu trả lời cần trình bày được ÍT NHẤT MỘT trong số các ý sau:

Nhắc tới một trong những đặc điểm chi tiết_ (bố cục, văn phong viết, hình ảnh; hoặc những nội dung tương đương khác) – có nghĩa là, một phần cụ thể hoặc chất lượng của một đặc điểm; VÀ/HOẶC.

Sử dụng các thuật ngữ đánh giá khác ngoài “thân thiện” và “mang tính khuyến khích”. (Lưu ý rằng các từ như “thú vị”, “dễ đọc” và “rõ ràng” không được xem là cụ thể đầy đủ).

Ý kiến rằng Fiona có thành công hay không, có thể được nêu rõ hoặc chỉ cần ngầm định.

- Không, đó là một ý tưởng tồi khi đưa hình thêm hình ảnh mỗi mũi tiêm ngay ở phần đầu. Trông nó thật là đáng sợ. [*Nhắc tới một phần cụ thể của thiết kế: một hình ảnh cụ thể (1). Sử dụng từ ngữ đánh giá “đáng sợ” (2)*].

- Có, hình ảnh mở rộng phần viết và khiến cho nó dễ đọc hơn. [*Mô tả một khía cạnh cụ thể của bố cục (1)*].

- Hình ảnh con vi-rút trông giống hoạt hoạ nhìn rất thân thiện. [*Nhắc tới khía cạnh cụ thể (“giống hoạt hoạ”) là một cách liên tưởng (1)*].

- Không, hình ảnh trông trẻ con và không liên quan. [*Tự đưa ra nhận xét (“trẻ con”, “không liên quan”) để đánh giá các đặc điểm được nêu ra trong phần dẫn ban đầu (2)*].

- Có, văn phong rất thư thái và không khiến cưỡng mô phạm. [*Tự đánh giá (“thư thái”, “không khiến cưỡng mô phạm”) để đánh giá các đặc điểm được nêu ra trong phần dẫn ban đầu (2)*].

- Có, văn phong rất âm áp và mời gọi. [*Tự đưa ra nhận xét đánh giá văn phong (2)*].

- Quá nhiều văn bản. Mọi người sẽ không bận tâm để mà đọc nó [*Nói tới vấn đề trình bày: số lượng văn bản (1). Tự đánh giá (2)*].

- Cô ấy không có ý áp đặt mọi người phải tiêm chủng, và có thể khuyến khích mọi người [*Ngầm chỉ các thức hoặc tiếp cận: một khía cạnh của văn phong (2)*].

- Không, văn phong quá khuôn mẫu. [*Có thể gây tranh cãi nhưng áp dụng đúng thuật ngữ đánh giá “Khuôn mẫu” (2)*].

Mức không đầy đủ:

Đề cập chính xác tới văn bản và liên kết mục đích với thông tin và nội dung (chứ không phải là văn phong), nhất quán với “thân thiện” và “mang tính khuyến khích”. Ý kiến về việc Fiona thành công hay không có thể được nêu rõ hoặc ngầm chỉ.

- Không, không thể nói rằng việc đi tiêm phòng lại thân thiện và mang tính khuyến khích.

- Có, cô ấy đã thành công. Cô ấy đưa ra rất nhiều cơ hội và sắp xếp thời gian để tham gia tiêm chủng ngừa cúm. Cô ấy cũng đưa ra ý kiến về sức khoẻ.

Không đạt

– Đưa ra câu trả lời *không phù hợp hoặc mơ hồ*:

- Có, nó khiến cho ta nghe dường như là một ý kiến hay.

- Có, nó thân thiện và mang tính khuyến khích. [*Từ ngữ không được áp dụng đối với các đặc điểm cụ thể*].

- Không, nó chẳng có tác dụng gì.

- Không, bởi vì một vài thông tin không chính xác. [*Đề cập tới nội dung mà không nêu lên sự liên kết với ý tưởng “thân thiện” và “mang tính khuyến khích”*].

- Có, hình minh hoạ mang tính khuyến khích và văn phong của thông báo cũng chấp nhận được. [*“hình minh hoạ mang tính khuyến khích” không vượt ra khỏi các từ ngữ của câu hỏi. “Văn phong của thông báo cũng chấp nhận được” quá mơ hồ*].

- Cô ấy đã thành công, dễ đọc, và rõ ràng. [*Các từ ngữ sử dụng chưa đủ cụ thể*].

- Em cho rằng cô ấy đã khá thành công. Cô ấy lựa chọn hình ảnh và viết đoạn văn rất thú vị. [*Hình ảnh không được đánh giá theo bất kì cách nào, và “đoạn văn rất thú vị” – quá mơ hồ*].

– Chỉ ra ý hiểu không chính xác hoặc đưa ra câu trả lời *không phù hợp hoặc không liên quan*:

- Có, mọi người cần phải được tiêm phòng. [*Không liên quan và không chính xác*].

- Không, hình ảnh chẳng liên quan gì với thông điệp. [*Không chính xác*].

- Có, bởi vì cô ấy muốn mọi người phải lo lắng về việc bị nhiễm bệnh cúm. [*Mâu thuẫn với ý kiến “thân thiện và mang tính khuyến khích”*].

- Nó cũng tốt, nhưng chỉ là một ý kiến thôi. [*Không liên quan*].

- Có, nó đưa ra thông tin ngắn gọn về việc họ sẽ làm gì để ngăn chặn bệnh cúm. [*Không liên quan – nhắc tới nội dung theo một cách không cụ thể*].

- Có, cô ấy chỉ nói lên sự thật. [*Không liên quan*].

• Có, bởi vì nhiều người muốn được tiêm phòng. [*Đưa ra một ý kiến chung về chủ đề của việc tiêm chủng, không nhắc tới văn phong hoặc chi tiết nội dung*].

• Có, tôi đồng ý vì không ai muốn bị ốm. Mọi người đều muốn mình có sức khoẻ tốt. [*Không liên quan*].

– Không trả lời.

BỆNH CÚM: HƯỚNG DẪN MÃ HÓA CÂU HỎI 3

Mức đầy đủ: B. một ý kiến hay, nhưng không phải dùng để thay thế cho việc tập luyện và chế độ ăn khoẻ.

Không đạt: Câu trả lời khác hoặc không trả lời.

BỆNH CÚM: HƯỚNG DẪN MÃ HÓA CÂU HỎI 4

Mức đầy đủ:

Đánh giá phần văn bản *liên quan tới thuật ngữ “gây hiểu lầm”* bằng cách chỉ ra rằng có *mâu thuẫn* tiềm ẩn. (“Những ai nên tiêm chủng phòng bệnh? Tất cả mọi người..”. đối với “Những ai không nên tiêm chủng?”). Có thể hoặc không thể giải thích mâu thuẫn là gì?

• Có, bởi vì có thể nguy hiểm đối với một số người khi đi tiêm phòng (đó là phụ nữ có thai). [*Mô tả mâu thuẫn*].

• Không, bởi vì bạn chỉ cần đọc thêm một vài dòng tiếp theo để nhận ra rằng một số người không nên đi tiêm phòng, và nhìn chung thì cô ấy muốn mọi người được tiêm chủng.

• Có, bởi vì cô ấy nói rằng “tất cả mọi người” có thể và sau đó cô ấy chỉ ra những người cần được tiêm chủng. [*Xác định mâu thuẫn*].

• Dòng này khuyên mọi người nên tiêm vắc-xin, điều đó không phải là sự thật [*xác định mâu thuẫn một cách ngắn gọn*].

• Có, xét về một khía cạnh nào đó! Có thể: Tất cả những ai quan tâm tới việc cần được bảo vệ khỏi vi-rút, nhưng những ai không bị ảnh hưởng bởi triệu chứng hoặc bệnh sau này”. [*Nhắc lại các từ ngữ hàm ý mâu thuẫn*].

– *Đánh giá* phần văn bản *liên quan tới thuật ngữ “gây hiểu lầm”* bằng cách chỉ ra rằng lời nhận định có thể là một cách *cường điệu hoá*. (ví dụ: *Không phải mọi người đều cần phải tiêm chủng, hoặc việc tiêm chủng không hoàn toàn bảo vệ được khỏi cúm.*) Có thể hoặc không thể giải thích được *cường điệu hoá* ra sao. Đồng ý hoặc không đồng ý có thể nêu rõ hoặc ngầm ý:

• Bỏ qua vì việc tiêm phòng có thể không đảm bảo rằng bạn sẽ không bị cúm.

• Em không đồng ý, mặc dù có vẻ như là bạn sẽ chắc chắn bị cúm nếu không tiêm chủng.

• Tiêm chủng chưa chắc đã hoàn toàn chống được bệnh.

• Bỏ qua vì không phải tất cả mọi người đều bị cúm, đặc biệt nếu bạn luôn cân đối và khoẻ mạnh.

• Có, em đồng ý vì nó khiến cho nội dung có vẻ tốt hơn. [*Ngâm định một sự cường điệu, mặc dù không cụ thể lắm*].

Không đạt:

– Đưa ra câu trả lời chưa đầy đủ hoặc mơ hồ, hoặc nhắc lại việc “dễ gây hiểu lầm” mà không giải thích.

• Cứ để như vậy, vì nó tốt [*Không giải thích*].

• Họ nên thêm hình ảnh vào đó thay vì tiêu đề. [*Không giải thích*].

• Có, câu này gây hiểu lầm và có thể gây ra một số vấn đề. [*Không giải thích*].

– Chỉ ra ý *hiểu không chính xác* hoặc đưa ra câu trả lời *không phù hợp hoặc không liên quan*:

• Nên loại ra vì mọi người có quyền tự quyết định. [*Hiểu sai cách tiếp cận của văn bản: đó không phải là một mệnh lệnh*].

• Em cho rằng từ BỆNH CÚM nên được đưa vào sau từ VI-RÚT, bởi vì mọi người sẽ chỉ liếc qua mà nghĩ rằng họ đang nói về các loại vi-rút khác chứ không phải vi-rút cúm. [*Giải thích không phù hợp hoặc “dễ gây hiểu lầm”*].

• Có, mọi người có thể quan tâm nhưng sợ các mũi tiêm. [*Không liên quan*].

– Không trả lời.

BỆNH CÚM: HƯỚNG DẪN MÃ HÓA CÂU HỎI 5

Mức đầy đủ: D. Michael từ phòng kế toán, anh ấy muốn được tiêm chủng nhưng lại nghỉ trong tuần của ngày 17 tháng 5.

Không đạt: Các câu trả lời khác hoặc không trả lời.

BÀI 4. CẢNH SÁT

CẢNH SÁT: HƯỚNG DẪN MÃ HÓA CÂU HỎI 1

Mức đầy đủ: B. Thứ tự các viên ngọc khác nhau.

Không đạt: Các câu trả lời khác hoặc không trả lời.

CẢNH SÁT: HƯỚNG DẪN MÃ CÂU HỎI 2

Mức đầy đủ: C. Cách phân tích tế bào để tìm ra mô hình của DNA.

Không đạt: Các câu trả lời khác hoặc không trả lời.

CẢNH SÁT: HƯỚNG DẪN MÃ HÓA CÂU HỎI 3

Mức đầy đủ: C. Thông tin.

Không đạt: Câu trả lời khác hoặc không trả lời.

CẢNH SÁT: HƯỚNG DẪN MÃ HÓA CÂU HỎI 4

Mức đầy đủ: B Tiến hành phân tích di truyền.

Không đạt: Câu trả lời khác hoặc không trả lời.

BÀI 5. GRAFFITI

GRAFFITI: HƯỚNG DẪN MÃ HÓA CÂU HỎI 1

Mức đầy đủ: B. Đưa ra một ý kiến về graffiti.

Không đạt: Các câu trả lời khác hoặc không trả lời.

GRAFFITI: HƯỚNG DẪN MÃ HÓA CÂU HỎI 2

Mức đầy đủ:

– Nhận ra rằng đang rút ra một sự *so sánh* giữa graffiti và quảng cáo. Câu trả lời nhất quán với ý nghĩ rằng quảng cáo là một hình thức hợp pháp của graffiti.

- Để cho chúng ta thấy rằng quảng cáo có thể mang tính xâm phạm như graffiti.
- Bởi vì một số người nghĩ rằng quảng cáo cũng xấu xí, là cách vẽ phun mực.
- Cô ấy đang nói rằng quảng cáo chỉ là một hình thức hợp pháp của graffiti.
- Cô ấy cho rằng quảng cáo cũng giống với graffiti.
- Bởi vì họ không cần sự cho phép của bạn để dựng các bảng quảng cáo. [*ngầm so sánh giữa quảng cáo và graffiti*].
- Bởi vì nó là một hình thức trưng bày khác.
- Bởi vì những người quảng cáo dán các tấm bảng quảng cáo lên tường và cô ấy cho rằng graffiti cũng thế.
- Vì nó cũng nằm trên tường.
- Bởi vì trông chúng cũng xấu hoặc đẹp như nhau mà thôi.
- Cô ấy đề cập tới quảng cáo vì nó được chấp nhận không như graffiti [*Sự tương đồng của graffiti và quảng cáo được ngầm nhắc tới bằng cách đưa ra những thái độ đối lập giữa hai thứ đó*].

– Nhận ra rằng đề cập tới quảng cáo là một *cách thức* để bảo vệ graffiti.

- Để chúng ta có thể thấy được rằng thật ra thì graffiti cũng hợp pháp.

Không đạt

– Đưa ra câu trả lời *chưa đầy đủ hoặc mơ hồ*:

- Đó là một cách nêu lên quan điểm của cô ấy.
- Vì cô ấy muốn thế, cô ấy đề cập tới nó như là một ví dụ.
- Đó là một cách thức/chiến lược.
- Các lô-gô của công ty và tên các cửa hiệu.

– Chỉ ra *ý hiểu không chính xác* đối với tài liệu hoặc đưa ra một *câu trả lời không hợp lý hoặc lạc đề*.

- Cô ấy mô tả về graffiti.

- Bởi vì mọi người vẽ graffiti lên chúng.
 - Graffiti là một loại hình quảng cáo.
 - Bởi vì graffiti là quảng cáo đối với một người hoặc nhóm người nào đó. [*Sơ sánh sai hướng tức là graffiti là một dạng của quảng cáo*]
- Không trả lời.

GRAFFITI: HƯỚNG DẪN MÃ HÓA CÂU HỎI 3

Mức đầy đủ: Giải thích quan điểm bằng cách *tham khảo tới nội dung của một hoặc cả hai lá thư*. Có thể đề cập tới vị trí chung của người viết (nghĩa là ủng hộ hoặc phản đối) hoặc một chi tiết trong lập luận của cô ấy. Diễn giải lập luận của người viết phải *phù hợp*. Lời giải thích có thể là một cách thức diễn giải khác một phần văn bản nhưng không phải là toàn bộ hoặc chép lại mà không thêm thắt hoặc thay đổi gì:

- Em đồng ý với Helga. Graffiti là bất hợp pháp và phá hoại các công trình công cộng.
- Helga bởi vì em phản đối graffiti [*Câu trả lời tối giản*].
- Sophia. Em nghĩ thật là một sự đạo đức giả đối với các nghệ sĩ graffiti khi sản sinh ra hàng triệu sao chép từ thiết kế của họ.
- Em phân nào đồng ý với cả hai. Sẽ không hợp pháp khi vẽ lên tường ở nơi công cộng nhưng những người này vẫn nên được có cơ hội thực hiện những ý tưởng của họ ở một nơi nào đó.
- Sophia, bởi vì cô ấy quan tâm tới nghệ thuật.
- Em đồng ý với cả hai. Graffiti là xấu nhưng quảng cáo cũng vậy vì thế em không muốn trở thành đạo đức giả.
- Helga, bởi vì em không thực sự thích graffiti cho lắm nhưng em hiểu rằng quan điểm của Sophia và vì sao cô ấy không muốn buộc tội những người làm việc mà họ tin tưởng vào đó.
- Helga, bởi vì thật đáng tiếc khi huỷ hoại uy tín của giới trẻ chẳng để làm gì cả. [*Trường hợp ở ranh giới: một cách trích dẫn trực tiếp nhưng dính vào đoạn văn khác*].
- Sophia, đúng là các mẫu và màu sắc được đánh cắp từ graffiti xuất hiện trong các cửa hiệu và được mọi người chấp nhận, trong khi họ lại xem graffiti là đáng sợ. [*Lời giải thích là một cách kết hợp của việc diễn giải bằng cách khác, nhưng vận dụng chỉ ra rằng nó đã được hiểu chính xác*].

Không đạt:

- Ủng hộ cả hai quan điểm nhưng lại chỉ giới hạn trong *những trích dẫn trực tiếp* (có hoặc không có dấu trích dẫn).

- Helga bởi vì em đồng ý rằng mọi người cũng nên tìm cách khẳng định bản thân mình bằng cách không gây nên các phụ trội xã hội.

- Helga. Tại sao lại hủy hoại uy tín của giới trẻ?

– Đưa ra câu trả lời *không đầy đủ hoặc mơ hồ*.

- Sophia, bởi vì em nghĩ rằng lá thư của Helga không ủng hộ lập luận của cô ấy với nhiều lí do (Sophia so sánh lập luận của cô ấy với quảng cáo v.v). [*Các câu trả lời về phong cách hoặc chất lượng của lập luận*].

- Helga, bởi vì cô ấy sử dụng nhiều chi tiết hơn. [*Các câu trả lời về phong cách hoặc chất lượng của lập luận*].

- Em đồng ý với Helga [*Thiếu ý kiến bảo vệ cho ý kiến này*].

- Cả hai, bởi vì em có thể hiểu được Helga đến từ đâu. Nhưng Sophia cũng đúng. [*Thiếu ý kiến bảo vệ cho ý kiến này*]

– Đưa ra *ý hiểu không chính xác* đối với tài liệu hoặc đưa ra câu trả lời *không hợp lí hoặc không chính xác*:

- Em đồng ý với Helga hơn. Sophia có vẻ như là không chắc với những suy nghĩ của cô ấy.

- Helga, bởi vì cô ấy cho rằng một số người có tài năng. [*Diễn giải nhằm ý kiến lập luận của Helga*].

– Không trả lời.

GRAFFITI: HƯỚNG DẪN MÃ HÓA CÂU HỎI 4

Mức đầy đủ: Giải thích ý kiến *đề cập tới văn phong hoặc mẫu* của một hoặc cả hai lá thư. Nhắc tới tiêu chuẩn như văn phong, cấu trúc của lập luận, tính thuyết phục của lập luận, giọng điệu, cách tiếp cận, chiến lược để thuyết phục được người xem. Phải chứng minh được cụm từ “các lập luận tốt hơn”:

- Lá thư của Helga. Cô ấy đưa ra rất nhiều điểm khác nhau để cân nhắc và đề cập đến những tổn hại mà các nghệ sĩ graffiti gây ra mà em cho rằng rất quan trọng.

- Lá thư của Helga rất có hiệu quả theo cách thức cô ấy chỉ ra trực tiếp các nghệ sĩ graffiti.

- Em nghĩ rằng lá thư của Helga thì tốt hơn. Em thấy lá thư của Sophia có phần thiên vị.

- Em nghĩ rằng Sophia đưa ra một lập luận rất vững chắc nhưng cấu trúc của Helga thì tốt hơn.

- Sophia, bởi vì cô ấy không hướng tới bất kì một ai. [*Giải thích lựa chọn của em đó về chất lượng của nội dung. Giải thích để hiểu khi dùng từ “Không có ý chống lại ai cả”*].

- Em thích lá thư của Helga. Cô ấy hoàn toàn làm chủ được việc nêu rõ ý kiến của mình.

Không đạt:

– Đánh giá về mặt *đồng thuận hoặc không đồng thuận* với vị trí của người viết, hoặc chỉ là diễn đạt nội dung theo cách khác:

- Helga. Em đồng ý với mọi điều cô ấy nói.
- Lá thư của Helga tốt hơn. Đúng như cô ấy nói, graffiti quá tốn kém và phí phạm.

– Đánh giá *không đưa ra lời giải thích hợp lí:*

- Lá thư của Sophia là lá thư tốt nhất.
- Lá thư của Sophia dễ đọc hơn.
- Helga có một lập luận tốt hơn.

– Chỉ ra *ý hiểu không chính xác* về nội dung tư liệu và đưa ra câu trả lời *không phù hợp hoặc lạc đề:*

- Lá thư của Helga được viết tốt hơn. Cô ấy từng bước giải quyết các vấn đề và sau đó dựa trên cơ sở đó, đưa ra lời kết hợp lí.

- Sophia, bởi vì cô ấy giữ đúng vị trí của mình từ đầu đến hết lá thư.

– Không trả lời